

Mã Thiện Đồng



Kỷ ức TÀU
KHÔNG SỐ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH



Mã Thiện Đông

Mã Thiện Đồng

Kỷ ực TÀU KHÔNG SỖ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời giới thiệu

Ký ức về chiến tranh viết bao nhiêu cũng không hết được. Nhân dân ta rất cần, cả thế giới và người Mỹ cũng cần để nghiên cứu và hoài niệm. Đây là tài sản tinh thần vô cùng quý giá của dân tộc ta.

Tôi đã đi gặp những người trên “Đoàn tàu không số” ngày ấy để viết về họ. Những cái tên khá quen thuộc một thời của đoàn tàu vận chuyển vũ khí vào Nam như Trần Phong, Nguyễn Xuân Thơm, Thôi Văn Nam, Nguyễn Văn Đức, Hồ Văn Kiêm (Hồ Kiêm), Hà Minh Thật, Bùi Xuân Thu,... Thế là trong những ngày tháng cuối năm 2009, tôi lại được trò chuyện với các anh “đánh trận trên biển”. Gần 50 năm đã trôi qua, họ vẫn còn sống, dù chỉ còn rất ít thôi. Họ là những chiến sỹ vô danh, nhưng cũng chính họ là những người đã làm nên những huyền thoại. Tôi không viết về lịch sử, tôi chỉ viết về những con người thông qua những câu chuyện họ kể. Các anh đã giúp tôi thực hiện tâm nguyện: nếu biết được chút gì về những con người dũng cảm hy sinh vì Tổ quốc, thì trách nhiệm và lương tâm là phải nói ra, viết ra, phải đưa họ vào những trang sách để mọi người biết đến và lưu truyền về sau.

Chiến tranh đã gây nên đau thương và chết chóc cho dân tộc Việt Nam. Sức chịu đựng gian khổ hy sinh, tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường của những con người thời ấy bây giờ chúng ta đã khó có thể hình dung nổi, vậy thì mai sau liệu còn mấy ai nhớ đến?!

Chúng ta đã được biết khá nhiều về đường mòn Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn, nhưng còn ít người biết đến có một "con đường Hồ Chí Minh trên biển"! Nay xin được cùng bạn đọc trở lại với con đường huyền thoại này.

Tôi mong rằng cuốn sách Ký ức - Tàu không số này sẽ giúp ích cho thế hệ trẻ và các thế hệ mai sau hiểu biết thêm về một thời kỳ lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc Việt Nam ta.

**Tác giả
MÃ THIỆN ĐỒNG**

Người mở lòng

Bắt giam

Biển trời nhòa trong bóng tối, phía cầu tàu của đội biên phòng cửa Nhật Lệ, Quảng Bình bỗng có tiếng lao xao, bóng thuyền và bóng người xuất hiện. Ba bốn chiến sĩ trong trạm gác trao đổi nhanh:

- Thuyền lạ nào mà dám cả gan vào đây?
- Không phải là thuyền dân rồi!
- Có thể là bọn biệt kích ngụy đồ bộ.
- Biệt kích mà lại cố ý chui đầu vào rọ à, vô lý!
- Các đồng chí, ra ngay!

Ánh đèn pin loang loáng rọi lên thuyền. Tiếng hô to của một người trên bờ:

- Thuyền của ai? Giơ tay lên! Tất cả rời khỏi thuyền!
- Người dưới thuyền cũng vội trả lời:
- Chúng tôi là dân đánh cá từ miền Nam ra đây.

Nghे tiếng nói và nhìn những người trên bờ cùng những khẩu súng, những người trên thuyền sung sướng như muốn reo lên: “Các đồng chí ơi! Miền Bắc đây rồi, Bác Hồ đây rồi! Chúng tôi là chiến sĩ miền Nam vượt biển ra đây mà!” Nhưng nghẹn ngào và bất ngờ quá, họ không nói nên lời. Vả lại vì đó là điều bí mật không thể nói ra.

Theo lệnh, tám người lặng lẽ rời khỏi tàu. Không còn cách nào hơn là họ phải chấp nhận cho các chiến sĩ biên phòng trối lại, giải lên bờ.

Một người lớn tuổi, có lẽ là người đứng đầu lên tiếng:

- Chúng tôi từ miền Nam vượt biển ra đây, có nhiệm vụ quan trọng được giao. Các đồng chí hãy bảo vệ chúng tôi và đưa chúng tôi đến gặp cấp trên!

- Nghe tiếng thì đúng các anh là người miền Nam rồi, nhưng chúng tôi vẫn phải trối lại cái đã. Biết đâu các anh là biệt kích ngụy thì sao?!

- Không thể tin lời họ được, cứ giam lại đã!

Công an biên phòng tra hỏi mãi nhưng họ không khai gì hết và người đứng đầu cứ tha thiết yêu cầu:

- Các đồng chí hãy báo cáo lên cấp trên ngay. Chúng tôi ra đây là để gặp Ủy ban Thống nhất Trung ương... Tôi nói các đồng chí phải tin tôi!

Nhìn dáng vẻ của những người vừa bị bắt cùng con thuyền gỗ xơ xác bầm giập gần như tởm, những chiến sĩ công an biên phòng cũng có cảm giác ngờ ngợ. Ánh mắt của họ biểu hiện cảm xúc trào dâng, như truyền sang

một luồng tình cảm thân thương gần gũi. Các anh công an Quảng Bình có linh cảm đây là người của ta chứ không phải biệt kích. Nhưng vẫn không thể mất cảnh giác. Gần đây, chính quyền ngụy ở miền Nam đã nhiều lần thả gián điệp vào những vùng rừng núi và thả người nhái vào một số nơi dọc bờ biển để thực hiện âm mưu phá hoại đó sao?!

Tám người bị bắt được cho ăn uống và đối xử tử tế. Người lớn tuổi nhất vẫn tiếp tục đề nghị:

- Xin các đồng chí giải ngay chúng tôi lên cấp trên, đừng giam chúng tôi ở đây lâu mà lỡ việc!

Chiều hôm sau, cả tám người được giải lên công an huyện, rồi lên công an tỉnh Quảng Bình. Ở đây, họ vẫn bị giam nhưng phòng giam rộng rãi hơn. Đến bữa ăn, người lớn tuổi nhất vẫn một mực đề nghị:

- Các đồng chí hãy đưa chúng tôi ra Trung ương! Chúng tôi cần gặp Ủy ban Thống nhất, ở đấy có người biết rõ chúng tôi.

- Ông biết ai ở Ủy ban Thống nhất nào?

- Anh Ba, anh Ba⁽¹⁾...

- Trung ương làm gì có ai là anh Ba? Làm sao chúng tôi có thể tin anh được?!

Sáng hôm sau, nghe tin có một vị lãnh đạo công an tỉnh xuống kiểm tra tình hình ngư dân ở thuyền đánh cá miền Nam mới bị bắt, người lớn tuổi nhất trong đoàn tranh thủ nói thật to:

(1) Tức đồng chí Lê Duẩn.

- Các đồng chí đừng giam chúng tôi ở đây nữa mà hãy giao ngay cho Trung ương đi! Cứ nói tôi là Hai Địa ở Cà Mau ra. Nếu các đồng chí mà không nghe tôi, sau này hỏng việc lớn các đồng chí phải chịu trách nhiệm đấy!

Tại sao những người bị tình nghi là biệt kích đồ bộ bị công an biên phòng bắt giữ mà lại cứ muốn được gặp Trung ương?! Thật khó hiểu! May mắn sao thời gian này, đồng chí Tổng Bí thư lại vào công tác tại tỉnh Quảng Bình.

Bông Vãi Dĩa

Nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo:

- Thưa đồng chí Tổng Bí thư, có một chiếc thuyền đánh cá lạ bị công an biên phòng của ta bắt giữ, trên tàu toàn người miền Nam. Họ nói là từ miền Nam ra. Một người xưng tên là Hai Địa cứ đòi gặp đồng chí.

Đồng chí Tổng Bí thư giật mình vội hỏi:

- Đâu, người ấy đâu rồi? Cho lên gặp tôi ngay!

Anh Hai Địa vừa bước vào phòng thì đồng chí Tổng Bí thư vô cùng mừng rỡ. Hai người ôm chầm lấy nhau, cùng kêu lên thật to:

- Anh Hai...! Anh Hai!

- Anh Ba...!

Hai Địa trào nước mắt, nói như mếu:

- Gặp được anh Ba đây rồi! Gặp được Trung ương rồi! Gặp được Bác Hồ rồi! Sung sướng quá, thành công rồi!

Hai Địa chính là đồng chí Bông Văn Dĩa, lúc đầu anh em gọi là Hai Dĩa, nhưng sau gọi là Hai Địa cho đúng với dáng vóc của anh, người con do đất đai sông nước Cà Mau sinh ra. Nhận lệnh của Trung ương Cục, Bông Văn Dĩa được giao nhiệm vụ chuẩn bị tàu thuyền để vượt biển ra miền Bắc xin vũ khí. Suốt một tháng sửa chữa, chuẩn bị ngư cụ, ngư phủ và giấy tờ hành nghề hợp pháp, ngày 1-8-1961, ghe rời Rạch Cá Mòi, Cà Mau. Bí thư Tỉnh ủy Phan Ngọc Sến (Mười Kỳ) xiết chặt tay từng người, căn dặn gởi trọn niềm tin vào các đồng chí lên đường ra miền Bắc, báo cáo với Trung ương, với Bác Hồ là miền Nam đang thiếu vũ khí, đang rất cần vũ khí. Chiếc thuyền gỗ đánh cá thô sơ chở tám người: Bông Văn Dĩa chỉ huy, Tư Quang (Hai Chiếu), Tư Phước, Ngô Văn Tân, Sáu Dũng, Bảy Cửa, Trần Văn Đáng và Ba Thành (Võ Tấn Thành). Sau hành trình 6 ngày trên biển, tối ngày 7 tháng 8 đã vào được cửa Nhật Lệ.

Bông Văn Dĩa từng tham gia cướp chính quyền ở đảo Hòn Khoai trong thời Nam Kỳ khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, thầy giáo Hiến cùng chín chiến sĩ khác bị chính quyền thực dân Pháp kết án tử hình. Bông Văn Dĩa cùng 26 đồng chí nữa bị đày ra Côn Đảo.

Chính tại “địa ngục trần gian” này, cứ mỗi sáng đến giờ mở cửa là lũ cai ngục ác ôn lại giáng đòn roi xuống thân thể các tù nhân. Vì tình thương yêu đồng đội, vì muốn bảo vệ cho người đồng chí lãnh đạo ốm yếu, gầy còm nên mỗi lần đòn thù đánh phủ đầu là Bông Văn Dĩa và một đồng chí nữa lại cùng nhau lao vào lấy thân hình che chắn cho anh Ba. Rồi anh em đồng chí quen biết nhau từ ngày ấy. Sau này trong những năm kháng chiến

chống Pháp, thời kỳ anh Ba ở căn cứ Cà Mau, đã có lúc anh Ba ở ngay trong nhà Bông Văn Dĩa tại Rạch Gốc, quê hương chôn nhau cắt rún của Hai Địa và cũng là căn cứ vững chắc của cách mạng.

Vượt biển ra Bắc

Sau chuyến vận chuyển vũ khí vào Nam thí điểm bằng thuyền đánh cá năm 1960 của "Tập đoàn đánh cá sông Gianh" không thành công, Trung ương Cục miền Nam đã nhận được chỉ thị của Quân ủy Trung ương: Chuẩn bị cho người và tàu thuyền ở các tỉnh ven biển



Đồng chí Nguyễn Văn Đức

Nam Bộ ra miền Bắc lấy vũ khí. Không chỉ có tàu của Bông Văn Dĩa ở Cà Mau mà cùng thời gian này, các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Bà Rịa cũng nhận lệnh, cho những con thuyền vượt biển ra miền Bắc xin vũ khí.

Hai thuyền xuất phát từ Bến Tre sau hành trình 8 ngày, một chiếc cập vào bờ biển Nghệ An, một chiếc cập vào bờ biển Hà Tĩnh. Thuyền của Bà Rịa bốn tháng sau cũng lên đường ra Bắc nhưng bị bắt giữ tại Cam Ranh. Tra hỏi suốt một

tháng, không phát hiện được gì lạ, bọn nguy phải thả ra. Tàu lại tiếp tục ngược lên hướng Bắc, cập vào ven đảo Hải Nam, Trung Quốc.

Những chuyến thuyền vượt biển ra Bắc lần này đã vượt qua khó khăn, thử thách như thế nào thì chỉ riêng chuyện của con thuyền Trà Vinh cũng đủ nói hết được điều đó. Thuyền mới xuất phát từ lạch Khâu Hụt, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thì ngày hôm sau đã gặp bão biển Đông, không kịp né tránh, bị gió cuốn vào cơn cuồng phong dữ dội. Chiếc thuyền chỉ như một chiếc lá giữa sóng gió điên cuồng. Gió, sóng xé nát cánh buồm, dây đứt, lái gãy... Người và tất cả những gì có trên thuyền đều ướt sũng, tơi tả. Thứ gì không được cột chặt vào thuyền đều bị sóng cuốn phăng xuống biển. Một ngày, hai ngày rồi ba ngày liền, cơn bão vẫn dai dẳng đeo bám áp đảo, vẫn không chịu buông tha cho con thuyền đã xơ xác, bầm giập. Bầu trời xám đen một màu chết chóc. Không còn thức ăn, nước ngọt cũng chẳng còn dề uống, anh em đành xòe tay hứng nước mưa liếm cho đỡ khát. Thuyền lại bị phá nước, ngập cả khoang đáy. Anh em đã tính đến chuyện thuyền chìm, đến kết cục xấu nhất, nhưng lúc này mà thất vọng là đồng nghĩa với cái chết. Thất vọng là chân tay rã rời ra ngay. Niềm tin vào miền Bắc, vào Bác Hồ kính yêu đã khiến cho sức mạnh và tinh thần trời dậy, anh em vẫn vững tinh thần, cố giữ thuyền không chìm xuống biển. Tới ngày thứ năm mưa gió mới giảm, trời quang dần, anh em mới nhìn rõ mặt nhau. Mắt sưng sâu, râu rìa tua tủa, mặt mũi đen sạm như quỷ đói. Ai cũng đuối sức vì đói khát nên đành thả thuyền trôi dạt vật vờ trên biển suốt hai ngày nữa. Bỗng có anh reo lên:

- Bờ kia, núi kia!
- Hòn Gai rồi, đúng rồi!
- Có đúng thật không? Mây đã tới đó bao giờ chưa?
- Đúng rồi, nghe nói Hòn Gai có núi!

Mọi người cố dồn hết sức còn lại của mình để lái con thuyền vào phía bờ. Niềm vui đã tới đích rồi và trí tưởng tượng bay bổng của anh em về cuộc gặp gỡ với miền Bắc, về những món ăn, về những ca nước... đang trào dâng.

Một chiếc ca nô chạy từ trong bờ ra. Đứng trên ca nô là mấy người châu Âu đang ra hiệu chỉ trở gì đó. Không cần hỏi họ cũng biết con thuyền móp méo và hình hài xơ xác của những người trên tàu là gì rồi. Anh em trên tàu lo lắng: "Đây là nước nào? Xứ sở nào? Họ sẽ cư xử với mình ra sao? Chắc là không chết rồi, nhưng họ sẽ trả mình về miền Nam, thế là không thực hiện được chuyến đi ra Bắc xin vũ khí, không hoàn thành được nhiệm vụ cấp trên giao cho, tiếc quá! Cái cảng này, thành phố này xa lạ quá, chắc không phải miền Bắc rồi! Nhà lầu cao chọc trời, người đi lại trên bờ toàn là người Âu Á sang trọng."

Anh em được đưa lên bờ, được họ cho ăn uống qua loa vì thấy ai cũng sắp xỉu, rồi được đưa vào một căn nhà sang trọng. Bảy Thắng là thuyền trưởng cũng như anh em, ngơ ngác chẳng biết đây là xứ nào.

Một người da trắng mắt xanh chỉ vào những lá cờ, có ý hỏi các anh là người nước nào? Anh Bảy cầm bút vẽ ngay lá cờ ba sọc vào tờ giấy rồi phùng má thổi bay tờ

giấy. Tất cả những người có mặt bật cười thích thú, anh em ta cũng cười theo. Họ gật đầu, chắc đã hiểu đây là thuyền của dân đánh cá Việt Nam Cộng hòa bị bão cuốn trôi. Một người vừa gật gù ra hiệu như một người điếc, vừa nói một tràng dài. Không ai hiểu gì cả, mãi sau, anh Hai Tranh vẽ cái cần câu và một con cá. Sau đó họ ra hiệu với nhau và rồi cũng hiểu ra. Họ cho anh em ăn uống và đưa về thuyền. Dân chài ở đây thật tốt, thấy tình cảnh anh em như vậy, mỗi thuyền cho một ít gạo, nước ngọt, cả buồm rách cùng vài vật dụng đánh cá lật vật khác. Lúc này, anh em mới biết đây là Ma Cao. Ngày hôm sau, mấy cảnh sát chỉ đường cho anh em về.

Con thuyền giương buồm lên, vẫy chào người dân Ma Cao tốt bụng, rồi nhằm hướng miền Bắc thẳng tiến.

Vậy là đồng loạt sáu tàu ra Bắc, dù gặp bao khó khăn trắc trở dọc cuộc hành trình, thì cuối cùng năm tàu cập bến thành công; chỉ riêng tàu Cà Mau (2) khi đã ra tới Huế thì bị giặc bắt nhốt suốt một năm, không thể ra Bắc được.

* * *

Bằng những chiếc thuyền gỗ thô sơ, các chiến sĩ miền Nam vượt biển ra Bắc, mang theo cả tấm lòng tin tưởng chờ mong của đồng bào miền Nam ra báo cáo với Đảng, với Bác Hồ ý chí quyết tâm kháng chiến và xin vũ khí. Những người con của Thành đồng Tổ quốc đã được Bác Hồ, Tổng Bí thư Lê Duẩn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và các đồng chí Trường Chinh, Phạm Hùng đón tiếp ân cần. Cuộc gặp gỡ đầu tiên xúc động đến trào nước mắt. Bác Hồ bắt tay ôm chặt từng

người, hỏi thăm sức khỏe và hỏi về chuyến vượt biển. Bác vui vẻ như gặp người thân trong nhà. Bác hỏi:

- Các chú ra đây có yêu cầu gì với Trung ương nào?

Bông Văn Dĩa chấp tay kính cẩn thưa:

- Thưa Bác! Chúng cháu ra đây với nguyện vọng là xin được thật nhiều vũ khí để về đánh giặc ạ!

Anh Hai Tranh tàu Trà Vinh sợ không nói nhanh thì sẽ không có dịp nào nói nữa:

- Thưa Bác, chúng cháu muốn xin loại vũ khí nào có thể phá được đồn bốt và áp chiến lược của Mỹ - nguy ạ!

Bác cười:

- Không chỉ phá đồn bốt... Đế quốc Mỹ có thể đưa quân vào, ta phải chuẩn bị đánh lâu dài, phải đánh thắng quân đội có trang bị hiện đại của chúng nữa.

* * *

Những con thuyền gỗ và những chiến sĩ miền Nam Thành đồng Tổ quốc đã ra đến miền Bắc an toàn. Đây là một điều vui mừng khôn xiết đối với Quân ủy Trung ương. Mấy năm nay, Quân ủy Trung ương đang thử nghiệm kế hoạch vận chuyển vũ khí vào Nam bằng đường biển mà chưa thành công.

Tuyến chi viện cho miền Nam bằng đường Trường Sơn phải vài năm nữa mới vươn tới được miền Đông Nam Bộ và vì vận tải bằng phương tiện thô sơ nên hết sức gian nan. Còn đồng bằng Nam Bộ thì lại càng khó, song chiến trường Nam Bộ đang đòi hỏi phải cấp bách

cung cấp vũ khí vì đó là vấn đề sống còn đối với cách mạng miền Nam, nhất là sau phong trào Đồng Khởi. Quân dân ta lấy vũ khí ở đâu để tổ chức đấu tranh vũ trang? Tầm vông, súng kíp, ngựa trời bây giờ đánh không lại quân thù. Không còn cách nào khác là phải vận chuyển vũ khí vào Nam bằng đường biển.

Đoàn thuyền miền Nam vượt biển ra Bắc là sự tháo gỡ đầu tiên cho kế hoạch vận chuyển vũ khí bằng đường biển.

Con thuyền chở vũ khí vào Nam đầu tiên xuất phát từ đầu năm 1960 đã biệt vô âm tín. Đêm 27-1-1960, tức 30 Tết Canh Tý, sau phút chia tay với các thủ trưởng đầy lưu luyến, cảm động và lo âu, sáu người trên chiếc thuyền gỗ hai đáy đều là những người ven biển Trung Bộ tập kết ra Bắc, đã từng quen với sóng biển từ những ngày kháng chiến chín năm. Thuyền chở 5 tấn vũ khí và thuốc men, dự định sẽ cập vào bến Hồ Chuối dưới chân đèo Hải Vân. Thuyền bị sóng to gió lớn quật tơi tả đến gãy cả cột buồm giữa biển cả mịt mù. Thuyền trôi mãi vào hướng Nam. Ba ngày ba đêm anh em thủy thủ không ăn không ngủ, cố gắng chống chèo với sóng to gió lớn và lúc nào cũng canh cánh nỗi lo không hoàn thành nhiệm vụ. Tàu lạc vào Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) anh em mới biết là đã trôi vào tận Quảng Ngãi. Anh em cố chèo chống đưa thuyền ngược ra Hải Vân nhưng thuyền đã bị hư hỏng nặng. Đang loay hoay giữa biển thì lại gặp tàu tuần tiễu của địch đang tiến tới.

Để giữ bí mật tuyệt đối cho tuyến đường vận tải vũ khí trên biển có ý nghĩa chiến lược, thuyền trưởng Nguyễn

Bất quyết định cho phi tang hàng theo phương án đã định. Năm tấn súng đạn và thuốc men mang theo anh em đành phải cần rặng, đau xót đến rơi nước mắt, thả hết xuống biển để phi tang. Gói hàng cuối cùng vừa kịp lăn xuống biển thì tàu tuần tiêu của địch xáp vào. Sáu người trên thuyền bị bắt. Dù trên thuyền các dụng cụ đánh cá từ lưới buồm dây rợ đều do đường dây của ta vào tận Quảng Nam - Đà Nẵng mua mang ra để cho giống hết thuyền đánh cá trong ấy; dù giấy tờ được trang bị hợp lệ, dù lời khai của mọi người đều khớp nhau nhưng 5 người đã lần lượt hy sinh ở các nhà tù Đà Nẵng, Côn Đảo, Phú Quốc, Phú Lợi... Chỉ còn anh Huỳnh Ba được trở về năm 1974 do trao trả tù binh. Đến lúc này mới có câu trả lời về chuyến thuyền chở vũ khí vào Nam thử nghiệm đầu tiên này.



Thành viên của đội tàu tỉnh Bà Rịa mở đường ra Bắc
(Từ trái sang phải: hàng trước Nguyễn Văn Thanh, Võ An Ninh,
Trần Minh Hoàng; hàng sau: Thôi Văn Nam, Lê Hà, Nguyễn Sơn)

Chỉ huy Nguyễn Chơn cùng đoàn du kích tỉnh Quảng Nam ngay từ đêm 30 Tết đã đến bến Hồ Chuối dưới chân đèo Hải Vân ngóng ra biển chờ đợi. Một đêm, hai đêm, ba đêm vẫn không thấy bóng dáng thuyền. Ngóng cả tháng trời vẫn không thấy...! Ở “nhà” thì trông ngóng tin tức từng phút từng giờ và cuối cùng là vô vọng.

Sau lần thất bại này, Quân ủy Trung ương rút kinh nghiệm, ngưng ngay việc cho thuyền từ Bắc vào và yêu cầu tàu thuyền trong Nam ra Bắc tìm luồng chuyển vũ khí vào.

Chuyến trình sát

Để chuẩn bị phương án cho chiến thuật mới, đồng chí Bông Văn Dĩa và một số người nhận nhiệm vụ trình sát tình hình trên biển, tìm luồng lạch, nắm vững quy luật tuần tra kiểm soát của tàu hải quân ngụy, nghiên cứu hệ thống điện đài trên bến, xây dựng bến đồ hàng,... trước khi cho tàu chở vũ khí vào Nam.

Với yêu cầu trên, Bông Văn Dĩa phải học thuộc lòng chỉ thị của Trung ương và nhiệm vụ của chuyến đi trình sát này. Tàu không chở vũ khí để bảo đảm tuyệt đối an toàn, nhưng cũng vì thế nên ba anh cùng ra trên chuyến tàu ấy không chịu vào với lý do: “Tỉnh ủy cử chúng tôi ra miền Bắc để lấy súng đạn, không có súng đạn chuyển vào theo thì chúng tôi dứt khoát không về”. Phản ứng tự phát ấy khiến cấp trên không thể để cho họ đi.

Cuối cùng thì con tàu trinh sát đã rời bến Nhật Lệ đêm 8-4-1962.

Vào đến miền Nam, Bông Văn Dĩa đã truyền đạt lại chủ trương của Trung ương cho các đồng chí Khu ủy. Anh cùng các đồng chí đi thăm dò thực địa, nghiên cứu từng phương án, xem xét, đánh giá tình hình một cách tỉ mỉ, khoa học: Đảo Hòn Chuối quá nhỏ, không có chỗ cất giấu hàng; đảo Thổ Chu quá xa bờ. Ở Hòn Ông, Hòn Bà, lực lượng Campuchia đang nắm giữ. Đảo Nam Du, Phú Quốc có quá đông bà con đến lập thôn ấp sinh sống... Phương án thả hàng xuống biển để thuyền ta ra vớt vào là quá mạo hiểm và dễ mất hàng. Chỉ còn cách cho tàu thuyền đi vào các kênh rạch gần cửa biển, giấu thuyền vào đó rồi chuyển hàng lên. Kênh rạch chằng chịt, rừng đước âm u dễ dàng ẩn nấp, lại là vùng ta đang kiểm soát... Trong các kênh rạch thì Vàm Lũng là điểm có nhiều thuận lợi nhất, khi nước cường, tàu vào tận nơi được. Đây là phương án có tính khả thi và an toàn nhất.

Bông Văn Dĩa chịu trách nhiệm dẫn đầu, cùng 5 người khác lên thuyền vượt trùng dương trở ra miền Bắc báo cáo tình hình với Trung ương. Như một mũi tên, đã bắn là chỉ một hướng lao lên phía trước, thuyền bất chấp sóng gió điên cuồng đe dọa nuốt chửng con thuyền bé nhỏ và những con người gan góc. Năm ngày sau, ngày 1-8-1962, thuyền đã cập vào bờ biển Nam Định.

Trong lần báo cáo tình hình chuyến đi trinh sát, Bông Văn Dĩa được gặp Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông cảm thấy mình thật là vinh dự khi được nhận niềm

tin của Bác và của Đại tướng. Bác Hồ rất vui khi nghe anh em kể lại chuyến vượt biển ra Bắc bằng thuyền buồm thô sơ và chuyện Bông Văn Dĩa dày dặn, từng trải, đầy kinh nghiệm khi vật lộn với sóng gió biển Đông, với những tình huống ngặt nghèo khi gặp địch, với những que tăm đo góc độ, với cái bản đồ nhỏ trên bìa tập học sinh, nhỏ đến nỗi không ghi được chữ, chỉ đánh dấu chấm vị trí các đảo. Cũng chính chiếc thuyền gỗ ấy lại quay vào vùng biển tận cùng của Tổ quốc để trinh sát tìm bến đậu, rồi lại trở ra miền Bắc báo cáo tình hình chuẩn bị ở trong Nam... Con thuyền ấy chở đầy niềm tin vào miền Bắc, vào Bác Hồ của đồng bào miền Nam quyết tâm kháng chiến chống Mỹ - ngụy giành lại hòa bình, thống nhất đất nước.

Bác lắng nghe từng lời. Bác đứng dậy, hai tay nắm chặt vai Bông Văn Dĩa rồi cười và khen: “Đi biển kiểu ấy thì xưa nay chỉ có Cri-xtốp Cô-lông và chú!” Câu nói này của Bác đã “đi vào lịch sử”, là phần thưởng cao quý mà Bác đã cho, là niềm tự hào của không riêng gì Bông Văn Dĩa mà của tất cả các chiến sĩ miền Nam trong những chuyến vượt biển đầu tiên ra Bắc vào giữa năm 1961.

Bông Văn Dĩa báo cáo lại toàn bộ chuyến đi trinh sát của mình và ý định của Khu ủy Khu 9 xin Trung ương phê duyệt phương án cho tàu chở vũ khí vào thẳng các luồng lạch miền Tây Nam Bộ.

Một đồng chí lãnh đạo thân mật hỏi:

- Theo đồng chí, ở Cà Mau nơi nào có thể cho tàu vào được?

Bông Văn Dĩa đáp:

- Vàm Lũng là nơi tốt nhất và sẽ còn nhiều nơi nữa có thể cho tàu vào được!

- Cửa Vàm, tàu 30 tấn có thể vào được không?

- Được! Vào được!

- Nếu chắc chắn như vậy thì cấp trên giao cho đồng chí đi chuyển đầu tiên đấy!

- Thưa đồng chí, tôi đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ này!

Các đồng chí lãnh đạo rất tin tưởng và tràn đầy hy vọng khi giao nhiệm vụ vì biết rõ hơn ai hết người đồng chí gan góc được coi là “thổ công” của vùng đất Cà Mau trong suốt mấy mùa kháng chiến của miền Nam. Từ năm 1946, Bông Văn Dĩa và ông Dương Quang Đông đã cùng Lê Văn Một nhận lệnh của Khu ủy Nam Bộ chở một tàu đầy tôm khô và toàn bộ số tiền vàng quyên góp được của nhân dân Nam Bộ trong “Tuần lễ vàng” ủng hộ kháng chiến, sang Thái Lan mua vũ khí. Chính các ông đã tổ chức và tranh thủ vận động sự ủng hộ của các đảng Cộng sản Thái Lan, Ma-lai-xia, Miến Điện trong việc mua vũ khí chuyển về nước.

Chính phủ Thái Lan thời đó thân với Đảng Cộng sản nên đồng ý cho Việt Nam mở 10 chiến khu kháng chiến tại Thái Lan, để ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp. Ngày 19-8 và 2-9, Việt kiều ở Thái còn được phép tổ chức duyệt binh biểu dương lực lượng kỷ niệm ngày Cách mạng tháng Tám thành công và Lễ quốc khánh của Việt Nam tại sân bay Na Khon.

Từ năm 1947, Bông Văn Dĩa cùng một số đồng chí khác đã vận chuyển bằng con đường hợp pháp trên những chuyến tàu biển, chở trên 16 tấn vũ khí từ Thái Lan về cho Tiểu đoàn Cửu Long 1 ở chiến trường Nam Bộ. Bông Văn Dĩa cùng ông Dương Quang Đông đã kêu gọi Việt kiều ở Thái Lan thành lập tiểu đoàn Cửu Long 2 do Dương Quang Đông làm Tiểu đoàn trưởng, Bông Văn Dĩa làm Tiểu đoàn phó. Năm 1947, các ông đã đưa toàn bộ Tiểu đoàn Cửu Long 2 từ Thái Lan về Việt Nam giao cho Khu ủy Nam Bộ.

Vợ chồng Bông Văn Dĩa đã sắm những con tàu buôn hợp pháp, tiếp tục sang Thái Lan mua vũ khí mang về nước, góp phần vào thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp.

Năm 1954, Bông Văn Dĩa không đi tập kết. Ông ở lại Trung ương Cục miền Nam với nhiệm vụ nắm các đầu mối liên lạc từ chiến khu R với các tỉnh miền Tây Nam Bộ và căn cứ U Minh.

Gặp cha

Bông Văn Dững đã 22 tuổi, có mặt trong đoàn quân tập kết ra Bắc năm 1954. Cũng như cha, 14 tuổi Dững đã tham gia hoạt động cách mạng. Anh là con trai lớn của ông Bông Văn Dĩa.

Thời gian này, Dững đang làm việc tại Nhà máy sắt tráng men Hải Phòng. Tự nhiên hôm ấy, ông Bôn, Bí thư Đảng ủy nhà máy gọi anh lên giao công việc:

- Hôm nay có đoàn cán bộ từ Trung ương xuống tham quan nhà máy. Cậu sẽ là người hướng dẫn đoàn thăm nhà máy nhé!

- Dạ, em có làm cái việc ấy bao giờ đâu?!

- Thì hôm nay làm thử, có khó gì đâu?! Cậu phụ trách kỹ thuật mà!

Bí thư nhà máy nhìn anh với ánh mắt tràn ngập niềm vui.

Ban lãnh đạo nhà máy đón tiếp đoàn tham quan rất nồng nhiệt và thân mật. Dũng bỗng bàng hoàng ngơ ngác khẽ lắc tay Bí thư:

- Anh Bôn ơi, sao em thấy ông kia giống ba em quá!

Ông Bôn gạt di:

- Đây toàn là các quan triều đình cả, ba mày ở đâu đây?! Thôi, đừng nhận vợ nữa!

- Không, giống thật mà! Đúng là ba em rồi!

Ngay từ phút đầu gặp gỡ, Dũng đã có cảm giác ngơ ngợ, không hề là ba?! Ba đang ở trong cơ mà?! Từ khi Dũng mới bảy tuổi, ba đã bị bắt ra Côn Đảo. Đến thời kỳ kháng chiến chín năm, ba đi hoạt động ở Thái Lan trong Tiểu đoàn Cửu Long 2 vận chuyển vũ khí về miền Nam, còn Dũng đã vào bộ đội. Ngày lên đường tập kết, Dũng lại không được ghé về nhà nên hình ảnh của ba chỉ còn trong ký ức tuổi thơ và một tấm hình đã cũ. Dũng nhận ra người đàn ông kia giống ba chỉ bằng linh cảm. Vốn là người cẩn thận và ít nói, anh không dám lên tiếng, nhưng

trong lòng đang trào dâng nỗi nhớ cha mẹ và các em. Anh chăm chú nhìn và có cảm giác người đàn ông này không phải đến đây tham quan nhà máy mà để nhìn mình, nhìn như nuốt lấy mình. Trong tình thế bất ngờ ấy, Dũng hồi hộp đến đờ đẫn cả người.

Bổng Giám đốc nhà máy là ông Phạm Văn Trị (trước cùng ở Tiểu đoàn Cửu Long 2 với Bông Văn Dĩa, từ Thái Lan về Việt Nam) tiến lại gần người ấy và hỏi:

- Ông có phải là anh Bảy không?

Người ấy vội quay đi như muốn lẩn tránh.

- Anh Bảy! Hai Dĩa, đúng anh rồi! Sao mà trông thấy nhau lại ngỡ lơ như thế?! Bộ anh quên tôi rồi sao?! (Hai Dĩa lấy người chị thứ Bảy của ông Trị nên ông Trị gọi là anh Bảy).

Người đàn ông ấy vội đưa ngón tay lên miệng, ra hiệu nói khẽ thôi. Ông Trị tiến lại, cầm tay Hai Dĩa, lắc lắc:

- Đúng rồi, đúng rồi! Dũng ơi! Ba con nè!

Hai Dĩa vội nói chỉ đủ cho ông Trị nghe:

- Bí mật, nói nhỏ thôi!

Dũng lại gần, anh không nói nên lời, nước mắt cứ trào ra, miệng lập bập:

- Ba! Ba!

Mặt ông Hai Dĩa đánh lại, hai hàm răng cắn chặt, mím môi như cố không để bật ra tiếng nói. Chắc ông đã mãn nguyện khi được ngắm nhìn đứa con trai yêu quý. Nó cao to, trắng hồng, đẹp trai quá trời! Nó giống mẹ

nhiều hơn chứ không giống nước da bị hun khói trầm Cà Mau của mình. Chuyến này vào trống, cho bả hay tin thằng Dũng, chắc bả mừng lắm đây! Miền Bắc còn nhiều khó khăn thế mà sao nuôi nó tốt quá trời!

Không để con kịp tới gần gây ồn ào bất tiện, Hai Dĩa vội quay đi, bước ra ngoài. Đoàn tham quan kết thúc vội vã. Tất cả những diễn biến từ nãy đến giờ đều là ngoài dự tính (chỉ Bí thư biết chứ Giám đốc nhà máy cũng không được biết về cuộc gặp gỡ bí mật này).

Hai Dũng đi theo, nhưng chiếc xe com-măng-ca đã lướt đi rất nhanh, anh không thể theo kịp. Không chịu thua, Dũng chạy xe đạp đi khắp các nơi, anh đoán chắc ba mình chỉ ở một khách sạn nào đó trong thành phố Hải Phòng. Tìm mãi, hỏi mãi Dũng vẫn không phát hiện ra nơi ở của ba. Ngồi ở khách sạn Hồng Bàng, Dũng đang thất vọng thì bỗng có một người lạ đến trước mặt nói ngắn gọn:

- Bác Hai bảo tối nay anh đến đây, lúc 7 giờ.

Năm nay, Dũng đã 30 tuổi, học xong đại học đã lâu. Mặc dù rất đẹp trai nhưng vì tính tình nhút nhát hay vì cái số muộn màng hay sao ấy mà mãi anh chưa lấy vợ. Nay anh vừa có người yêu là một cô gái cùng gia đình từ Thái Lan mới hồi hương về Hải Phòng. Tối hôm ấy, anh chở người yêu theo cho cha mình biết mặt con dâu tương lai. Anh chắc là cha sẽ mừng lắm.

Trong căn phòng khách sạn mờ mờ không đủ ánh sáng, anh đã gặp lại cha sau bao năm cách mặt. Cả hai đều muốn hỏi thật nhiều nhưng chẳng được bao nhiêu. Đã hết giờ, Dũng phải về. Ông Hai nói nhỏ với con:

- Con đưa cho ba tấm hình!

- Thưa ba!... Con không mang theo.

Anh vội vàng đạp xe về lấy, nhưng khi đến nơi, người bảo vệ không cho vào, còn nói:

- Anh là Dũng phải không? Khách đã chuyển đi rồi. Anh có gửi gì đưa tôi chuyển giúp.

Dũng đưa cho người bảo vệ tấm hình! Từ đó đến mãi 15 năm sau anh mới được gặp cha.

Sau giải phóng, anh mới được biết việc ông Hai Dĩa ra miền Bắc phải hoàn toàn giữ bí mật. Bọn gián điệp mật đất nếu biết Hai Dĩa ra Bắc thì sẽ phát hiện ra việc vận chuyển vũ khí vào Nam bằng đường biển. Việc Hai Dĩa vận chuyển vũ khí từ Thái Lan về Nam Bộ thời kháng chiến chín năm đã ghi rõ trong sổ đen của chính quyền ngụy, nên chúng chẳng lạ gì ông. Vì tin tưởng, hiểu nhau, thương người đồng chí anh em, ông Ba (Tổng Bí thư Lê Duẩn) đã bố trí cho cha con Hai Dĩa gặp nhau nhưng chỉ được “nhìn ngắm con” mà thôi. Bí mật của tổ chức là trên hết.

Bông Văn Dũng được bổ sung vào lực lượng Hải quân theo đoàn tàu đặc biệt, nhưng ngay sau đấy lại được lệnh trở về làm việc ở chỗ cũ, vì “Anh Hai Dĩa chỉ còn mình nó là trai, lỡ mất giống”.

Dũng giữ rất kỹ cuốn hồi ký của cha với tình cảm trân trọng, tự hào, nhưng đó chỉ là bản photo, còn bản chính người ta đã lấy đi, nói là cho một viện bảo tàng nào đó.

Tàu Phương Đông 1

“Được đi cùng với ông Hai Dĩa thì tốt quá đi chứ! Mình với ông ấy đã cùng công tác với nhau từ năm 1947 trong bộ đội hải ngoại Đoàn Cứu Long 2. Chính đồng chí Dĩa là người giới thiệu mình vào Đảng đầu năm 1948. Năm 1954, mình đi tập kết, còn ông ấy ở lại. Có thể lý luận chuyên môn hàng hải thì ít nhưng kinh nghiệm đi biển thì ông ấy có rất nhiều. Ông ấy đã vượt biển ba lần ra Bắc bằng ghe máy nhỏ, còn lập trường tư tưởng vững vàng thì không ai bằng ông Hai Dĩa”⁽¹⁾.

Khi Lê Văn Một vinh dự được nhận nhiệm vụ thuyền trưởng và Bông Văn Dĩa làm bí thư chỉ bộ con tàu đầu tiên mở luồng chở vũ khí vào Nam, con tàu đầu tiên của “đoàn tàu không số” mang tên **Tàu Phương Đông 1**, ông Một đã trả lời Tham mưu trưởng Đoàn 759 như vậy.

Tiếp theo Đoàn 559 mở đường trên dãy Trường Sơn, hai tháng sau, Đoàn 759 ra đời, mở tuyến đường vận chuyển vũ khí vào Nam bằng đường biển. Hơn ba năm trời chuẩn bị, trình sát và thử nghiệm, hôm nay 11-10-1962, con tàu đầu tiên với 12 chiến sĩ, chở trên 30 tấn vũ khí được xuất phát bến Đồ Sơn, không chỉ chở theo vũ khí mà còn chở cả niềm tin của Đảng, của Bác Hồ và tinh thần quyết tâm giải phóng miền Nam.

(1) Trích hồi ký: *Thuyền trưởng tàu không số đầu tiên trên biển Đông của Lê Văn Một*.

Cùng với con đường Trường Sơn, con đường bí mật trên biển đã trở thành chiếc vai thứ hai của Tổ quốc gánh nhiệm vụ chi viện từ hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn. Nó sẽ đi suốt chiều dài của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh, Trần Văn Trà trong Quân ủy Trung ương tới tận bến xúc động chia tay các chiến sĩ. Đồng chí Phạm Hùng nói:

- Các đồng chí là người mở ra con đường chiến lược trên biển này. Trung ương hy vọng các đồng chí sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang đó. Chúc các đồng chí ra đi thuận buồm xuôi gió!

Bông Văn Dĩa nói lời tuyên thệ của đội quân cảm tử trước giờ xuất phát:

- Dù khó khăn nguy hiểm như thế nào, dù có phải hy sinh tính mạng, chúng tôi cũng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ!

Tàu Phương Đông 1 hướng vào phương Nam, mang theo lời hứa thiêng liêng của các chiến sĩ và sự chờ mong tin tức từng phút từng giờ của Quân ủy Trung ương.

Giữa lúc biến động và đêm tối mịt mùng, con tàu vượt sóng ra khơi. Tàu không mang số mà chuẩn bị sẵn rất nhiều biển số của các tàu đánh cá cùng loại của ngư dân vùng biển Trung Bộ, Nam Bộ. Từ đây, các con tàu chở vũ khí vào Nam được anh em gọi một cái tên chung là "tàu không số".

Vừa chạy qua đảo Bạch Long Vĩ thì tiếng máy tàu bắt đầu ậm ạch rồi tắt luôn. Tàu thả trôi hai tiếng đồng hồ mặc cho sóng đánh chao đảo, ngã nghiêng. Mọi người trên tàu say sóng và mệt lử vì lo lắng. Bác Sao thợ máy chính với hai thợ phụ là Bé và Luông luôn tay vật lộn với máy móc. Cái máy của Mỹ này đã cũ quá rồi.

Bác Sao kêu trời:

- Biết tính sao bây giờ? Không có đủ phụ tùng để mở máy có chết không kia chứ?!

Thuyền trưởng Lê Văn Một lo lắng:

- Lọc hết thùng phụ tùng lên! Máy người kiểm phụ đi!

Hai Dĩa động viên:

- Máy đã cũ, lại không đủ phụ tùng, gay đây! Nhưng tôi tin là anh không chịu thua nó!

Bác Sao bới tung cả thùng phụ tùng mà không kiếm được cái nào vừa. Bác lấy giẻ đệm khóa cho vừa rồi dùng búa gõ mãi. May mà tháo được một cái bù loong. Bác phải luồn cả cánh tay vào sửa máy.

Bốn con tàu gỗ do Xưởng đóng tàu I Hải Phòng đóng, bí mật chuẩn bị cho chuyến tàu đầu tiên chở vũ khí vào Nam đã bốn năm tháng nay. Vỏ tàu bằng gỗ giống như kiểu tàu đánh cá của ngư dân vùng biển Nam Trung Bộ. Tim mãi mới được một máy Grey Marin 220 sức ngựa của Mỹ, cũ nhưng vẫn có thể xài đỡ; còn những chiếc khác phải lắp máy của Đức, của Tiệp, cái móc nào xóa được thì xóa, còn thì che đậy ngụy trang cho khuất.

Kỹ thuật đóng tàu gỗ này chỉ phù hợp với việc đi trong vịnh hay gần bờ thôi, còn ra ngoài khơi xa thì sẽ gặp khó khăn. Tàu và máy lại không đồng bộ, máy có mã lực quá lớn so với trọng lượng của tàu nên có lúc máy rung mạnh, con tàu như muốn vỡ vụn ra.

Máy tàu hỏng, máy bơm cũng hỏng nốt. Nước đã tràn vào tàu khá nhiều, Hai Dĩa cùng Thanh, Luông, Bé dùng tay, chén, tô tát nước. Tát nước thì có thể tát được, nhưng máy hỏng thì biết làm sao?!

Thuyền trưởng Lê Văn Một lo lắng không rời mắt khỏi bác Sao và Hai Dĩa. Nỗi lo âu hằn lên trên khuôn mặt vốn đã trầm ngâm của Hai Dĩa, nay như đánh lại vì căng thẳng. Còn lo một nổi tàu thả trôi như vậy biết tới đâu, lỡ nó giạt vào ngay cạnh một căn cứ địch thì chúng chẳng phải tốn công săn đuổi. Dù ta có dùng thuốc nổ phá tàu thì ít ra chúng cũng tìm thấy tang vật về con đường vận chuyển vũ khí bí mật trên biển.

Gan cứng như thép của Hai Dĩa đến lúc này cũng phải cùn cào. Trong lòng ông như có lửa đốt. Đôi mắt ông không rời bác Sao. Mãi sau ông mới lên tiếng:

- Thế nào, liệu có sửa được không?

Bác Sao không trả lời ngay mà lại nói:

- Tao sẽ không chịu đầu hàng mày đâu!

Trời không phụ lòng người. Một lát sau, nghe tiếng máy nổ giòn, thuyền trưởng Lê Văn Một cùng anh em vui mừng khôn xiết. Hai Dĩa thở phào như trút được gánh nặng. Ông châm diều thuốc, ngồi lặng nhìn đắm đắm vào hướng Nam, phía mũi con tàu.

Ngày 16-10-1962, con tàu đang lướt sóng tiến về hướng Nam, Hai Địa đứng quan sát, bỗng giơ tay chỉ vào phía bờ xa xa:

- Bến kia rồi!

Tất cả anh em trên tàu nhìn theo hướng tay Hai Địa rồi như muốn nhảy tung lên cho thỏa lòng vui sướng.

Thuyền trưởng Lê Văn Một hoàn toàn tin tưởng và yên tâm khi có Bông Văn Địa bên cạnh. Chuyến tàu đầu tiên mang theo bao hy vọng và niềm tin. Nay đã đến lúc nhìn thấy thắng lợi, anh nói nhỏ như chỉ đủ cho mình nghe:

- Đích kia rồi! Ông Hai Địa ơi! Đến đích rồi!

Sau 5 ngày đêm trên biển, tàu vào cửa Vàm Lũng áp Rạch Gốc xã Tân Ân tỉnh Cà Mau trong sự mừng vui khôn xiết của cả người trên tàu và người dưới bến. Khu ủy Khu 9 đã nhận được điện ở ngoài kia mấy ngày nay, ngày nào cũng ngóng nhìn ra biển khơi chờ đợi. Các cây được lớn nhất đã được đặt tên: đài quan sát 1, đài quan sát 2... Hai người tranh nhau lên ngồi trực trên các đài quan sát từ mấy ngày nay.

Tàu được đoàn xuống của anh Nguyễn Văn Phán (Tư Đức) đón sẵn đưa vào Rạch Chùm Gọng. Suốt ba ngày đêm, mọi người vui như chưa từng vui thế bao giờ, liên tục vận chuyển vũ khí về nơi cất giấu. Nâng trên tay cả khối sắt bóng nhoáng còn nguyên mùi dầu mỡ, anh em trên bến ôm sụng ghì chặt vào lòng, bồi hồi sung sướng, bàng hoàng như giấc mơ bao lâu nay đã thành hiện thực.

Tin vui thắng lợi được báo cáo với Bác Hồ. Cả Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương mừng vui rơi nước mắt. Bác Hồ điện vào biểu dương khen ngợi và nhắc nhở: “Hãy nhanh chóng rút kinh nghiệm, tiếp tục vận chuyển nhanh, nhiều vũ khí hơn nữa cho đồng bào miền Nam đánh giặc, cho Nam Bắc sớm sum họp một nhà.”

Lê Văn Một, Bông Văn Dĩa cùng các anh ở đội tàu Phương Đông 1 đã vượt ngàn trùng sóng gió, đổ bộ an toàn lên mảnh đất tận cùng của Tổ quốc, mở đầu cho hàng trăm con tàu Phương Đông khác trên con đường bí mật trên biển.

Trung ương Cục đã quyết định thành lập Bến Cà Mau, thuộc Đoàn 962. Bông Văn Dĩa sau chuyến mở luồng của tàu Phương Đông 1 đã được lệnh ở lại xây dựng các bến đáp dọc bờ biển, thành lập lực lượng tiếp nhận, cất giấu vũ khí, lập kho bãi, cơ sở, vận chuyển phân phát vũ khí khắp các mặt trận ở chiến trường Tây Nam Bộ.

Những người con của đất mũi Cà Mau và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã về đây xây dựng bến cảng giữa rừng, bến cảng của những cửa lạch cửa sông, bùn nước, đước tràm và những con người gan góc dạn dày. Họ đã chiến đấu, bảo vệ, hy sinh xương máu cho nhiệm vụ đón nhận vũ khí từ những “con tàu không số”, chuyên chở và cung cấp vũ khí cho chiến trường Nam Bộ trong suốt hàng chục năm trời.

Điện của Bác vừa vào Nam thì ngay đêm đó tàu Phương Đông 2 rời bến Đồ Sơn, để mấy ngày sau, giữa ban ngày, tàu của đồng chí Đạt cập bến Cà Mau. Anh Tư Đức, người được Khu ủy giao phụ trách bến lần lượt ôm chặt từng người rồi vui mừng nói lớn:

- Các đồng chí không chỉ đưa “hàng” cho chúng tôi mà còn mang đến cho chúng tôi tình thương của Đảng, của Bác, của đồng bào miền Bắc. Điều ấy sẽ giúp chúng tôi phá tan nhiều trận càn của giặc.

* * *

Tôi gặp anh Bông Văn Dũng ở Củ Chi, một thời anh là lãnh đạo nhà máy nhựa Bình Minh. Anh Dũng cũng đã 70 tuổi, con của người anh hùng Nam Bộ đã suốt đời ngang dọc lặn lội vất vả với nhiệm vụ cung cấp vũ khí cho mặt trận miền Nam. Anh tự hào về cha mình, Trung đoàn trưởng Đoàn 962, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Bông Văn Dĩa. Anh Dũng gìn giữ, nâng niu những kỷ vật của cha để lại. Anh nói với tôi:

- Tôi vẫn còn áy náy chưa an tâm về cuốn hồi ký của cha mình. Tôi đã ra tận ngoài Bắc để lấy cuốn hồi ký của ba tôi về, nhưng họ cứ năn nỉ giữ lại để trưng bày ở Viện Bảo tàng. Họ chỉ đưa cho tôi bản photo này thôi.

Tôi bảo:

- Để ở Bảo tàng cũng được, nhưng anh nên chụp hình cuốn hồi ký đó để lưu giữ về sau.

Mắc cạn trước đôn địch

Tàu chạy được ba giờ đồng hồ thì trời đã sẩm tối, gió cấp 6 cấp 7 rồi giật cấp 8. Những đợt sóng lớn chồm lên liên tục. Trong bóng đêm, con tàu thật bé nhỏ, yếu ớt, sóng dữ dội như muốn nuốt chửng con tàu gỗ mong manh. Biển Đông vốn giàu đẹp, thân yêu, sao lúc này lại trở nên hung dữ đến thế?!

Bữa đó đài báo sắp có bão. Đây là lúc tàu địch không ra khơi. Bão tố là thời cơ cho tàu ta làm ăn hoạt động, làm chủ biển cả.

Ngày 26-9-1963, chiếc tàu gỗ mang bí số tàu 41 chở 18 tấn vũ khí được lệnh lên đường mở bến mới. Theo lệnh của đài chỉ huy, tàu chạy lên hướng Bắc, sang cảng Giáp Khẩu Trung Quốc đậu ở đó chờ. Một chiến thuật nghi binh, như những chuyến tàu chở hàng sang Trung Quốc.

Thuyền trưởng Lê Văn Một cùng Đặng Văn Thanh là chỉ huy, máy trưởng Nguyễn Văn Sao, Thôi Văn Nam và Nguyễn Sơn. Đoàn thủy thủ gồm 12 người, toàn những

người dày dạn kinh nghiệm bởi đã trải qua những chuyến chở vũ khí vào Cà Mau, Bến Tre.

Bí mật là yếu tố số một để thành công bởi địch không thể ngờ. Do bảo đảm được bí mật nên tại các bến Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, đồng bào ta đã nhận được hàng ngàn tấn vũ khí. Nhiều nhất là ở bãi đậu Cà Mau, hầu như tuần nào cũng có tàu vào đổ vũ khí. Trên bến dưới thuyền, bãi kho tấp nập, nhận, chuyển như mắc cửi, thuyền ra vào như đi chợ mà vẫn an toàn. Nhờ tổ chức tốt, kỷ luật nghiêm, ý thức trách nhiệm cao và tinh thần vững vàng, nguy trang khéo léo, nhờ bến bãi đón tiếp, phân tán kịp thời nên địch vẫn không hề có phát hiện gì. Phải nói là thời gian này, vũ khí từ miền Bắc ào ạt đổ vào bờ biển Tây Nam Bộ.

Vũ khí đã góp phần làm nên chiến thắng Ấp Bắc ngày 21-1-1963 tại Tiền Giang. Chiến thắng này làm cho đội quân thiết giáp của ngụy lần đầu tiên bị tổn thất đáng kể. Tiếp sau đó là những chiến thắng giòn giã khác trên khắp mặt trận Nam Bộ. Đây là thời kỳ hoàng kim của công tác vận tải vũ khí trên biển vào Nam Bộ. Không một con đường nào, một phương tiện nào khác có thể tiếp tế cho chiến trường Nam Bộ số lượng vũ khí lớn như vậy trong cùng khoảng thời gian. Nếu vận chuyển bằng đường bộ vượt Trường Sơn, một người mang vác chỉ được 20kg, đi ròng rã ba bốn tháng trời, chưa kể gian khổ, bom đạn, hy sinh, mất mát, thì hàng ngàn tấn vũ khí phải mất bao người, bao công lao và bao thời gian?!

Từ các bến tiếp nhận ở bờ biên Nam Bộ, Đoàn 962 và các lực lượng khác dùng thuyền nhỏ, bí mật vận chuyển vũ khí đi khắp mặt trận Tây Nam Bộ, qua vùng địch kiểm soát, vào Sài Gòn cho đội Biệt động, đi ngược lên trên miền Đông Nam Bộ, nơi đang rất thiếu vũ khí.

Ngay từ năm 1961, đồng chí Dương Quang Đông đã cùng huyện ủy Xuyên Mộc lên lối tìm bãi đậu ở Kê Gà, Phước Bửu, Bình Châu, Hồ Cốc, Hồ Tràm... và cuối cùng xác định chỉ có thể lập bến ở Sông Ray, cửa Lộc An, thuộc xã Phước Hải. Ở gần ngay trung tâm kiểm soát của địch, có thể địch bị bất ngờ nên không đề phòng. Bãi bến đã được chuẩn bị đầu vào đó, nhưng mãi đến năm 1963 bến Sông Ray, Bà Rịa mới có dịp đón tàu.

Tàu đi trong bão

Bác Năm Sao máy trưởng quê ở Trà Vinh, trước là công nhân hãng tàu Ba Son. Hình như cái tên Sao cũng sắt, máy móc cũng sắt, Ba Son cũng sắt nên người bác rắn như cục sắt. Sóng đánh dồn dập như thế mà Năm Sao chỉ mặt sớ sớ. Thắng Rô người Bến Tre và Đặng Văn Thanh, ba người này còn tỉnh nên thay nhau giữ vững máy, vượt qua và né tránh từng cơn sóng hung dữ chỉ như muốn nhấn chìm, nuốt sống con tàu.

Đoàn thủy thủ bị sóng quất cho như tử, say sóng nằm ngổn ngang. Khỏe mạnh như Thôi Văn Nam mà khi bác Sao vừa tới cầm máy thay, Nam ói ngay vào đầu bác. Mấy anh ói vọt cả vào mặt nhau, nước mắt nước mũi

giàn giụa, mặt mày xanh lét, mắt nhắm nghiền, đổ cháo vào miệng cũng không há nổi. Nồi cháo anh Thắng nấu hơn năm tiếng đồng hồ chưa chín. Hai tay bê hai quai nồi, hai chân đứng dằng choãi ra, gò bụng làm trạc di động đưa theo nhịp tàu lắc, dít nồi chao qua chao lại vẫn gò bụng, cố giờ dít nồi vào đúng miệng bếp dầu. Cháo chưa sôi đã sóng ra ngoài gần nửa. Anh phải vật lộn giành nhau với sóng để nấu cho được nồi cháo kéo thủy thủ mấy ngày không có gì ăn sẽ kiệt sức. Sau đó anh Thắng phải nhấc cả khúc vải màn vào trong nồi cho quện với gạo, để cháo không bị sóng lắc đổ ra ngoài. Nấu cháo trên tàu trong lúc biển động khổ như thế đấy! Như đậu vật, đậu bò tót mới có được nồi cháo gần chín, ăn chậm chuội được. Chắc trên thế giới này nấu cháo cách đó thì chỉ có trên “tàu không số”. Thật là có một không hai!

Ba người sức còn khá thay nhau cầm lái, bên bĩ, khéo léo chống chọi với sóng gió, bão tố, không để nó ăn tươi nuốt sống con tàu.

Sau hai ngày hai đêm mặc sức tung hoành, sóng gió cũng đã đến lúc phải mệt mỏi. Trời xanh dần. Anh Lê Văn Một, người thủy thủ đã từng làm việc trên tuần dương hạm hiện đại của Pháp, bốn ba khắp thế giới Đông Tây, người đã từng vượt biển nhiều lần với tàu không số thắng lợi, hai ngày nay bị sóng nhồi cũng chịu không nổi, ói ra mặt xanh mặt vàng. Mệt chưa từng thấy, chỉ riêng bộ óc vẫn tỉnh. Anh chỉ lo con tàu gỗ mỏng manh này nếu bị sóng quất mạnh quá, nhờ nó kêu cái rắc thì ôi thôi!

Ba người còn khỏe phải kiêm thêm việc chăm sóc anh em. Phải dọn cả những bãi ới lênh láng khắp sàn tàu. Mền gối, quần áo chưa nồng chưa nặc cũng phải dọn bởi không thể để thế được.

Vào phía Nam hết bão thì lại gặp gió ngược. Gió Tây Nam như cố tình làm tiêu hao xăng dầu, đẩy lui con tàu không cho tiến. Vất vả lắm tàu mới nhích dần lên được. Máy trưởng Năm Sao như cố lấy sức nhỏ bé của con tàu vươn lên với sóng với gió. Cuộc độ sức đã qua, con tàu vẫn hiên ngang tiến dần xuống phía Nam.

Sang đến ngày thứ tư của cuộc hành trình, tàu đã chạy ngang đảo Phú Quý. Thuyền trưởng Một đã hồi phục lại sức khỏe, anh cùng Đặng Văn Thanh đứng gần nhau, quan sát, quyết định hạ bớt buồm cho tàu chậm lại, cho nhỏ bớt khi nhìn từ xa, để tránh sự chú ý của địch. Tàu ta chạy len lỏi giữa các tàu đánh cá của ngư dân.

8 giờ tối, thuyền trưởng Một bắt được ánh đèn pha từ phía Vũng Tàu. Vậy là tàu đã chạy quá xuống phía Nam. Anh điều khiển cho tàu quay ngược lại phía Bắc, chạy lên hướng Phước Hải. Gần đến nơi, tàu vừa chạy vừa đánh tín hiệu. Đánh mãi mà vẫn không nhận được tín hiệu trả lời trên bờ. Tàu qua cửa Lộc An vẫn không tìm được bến, liền cứ thế quay thẳng vào cửa Sông Ray.

Chờ tín hiệu

Ánh đèn trên cao rất gần cửa sông đang sáng trưng, theo tin báo trước đây là đồn địch. Ta cho đổ hàng vào đây cũng là đánh cú bất ngờ. Tàu chạy cách bờ chỉ hơn 50 mét, anh em quan sát tìm kiếm tín hiệu của bến mà mãi vẫn không thấy gì.

Suốt mấy tiếng đồng hồ, tàu phát tín hiệu, chạy qua chạy lại nhiều vòng, đến 1 giờ sáng vẫn không thấy người ra đón. Vào một đoạn, sợ không nắm rõ luồng lạch nhờ mắc cạn, lại vòng ra. Toàn bộ anh em trên tàu đều lo lắng, ruột gan như lửa đốt, lòng vòng mãi đến lúc trời sáng thì biết tính sao?!

- Đồng chí Nam, đồng chí Thiện nhận nhiệm vụ!

Hai chiến sĩ đã sẵn sàng nhận lệnh. Giọng chỉ huy Thanh dứt khoát:

- Hai đồng chí bơi vào bờ, bắt liên lạc!

Phân công cho hai người này vì họ là người địa phương Phước Hải. Gần một tiếng đồng hồ sau, hai người trở về, dáng điệu buồn bã, thất vọng.

Cả tàu vẫn dõi mắt tìm cái chớp xanh của niềm tin và hy vọng mà không thấy. Cảm giác chờ đợi tín hiệu còn căng thẳng hơn cả lúc chịu đựng sóng gió bão bùng ngoài biển Đông. Nỗi lo lạc bến, lo đồn địch ngay trên kia phát hiện ra, lo trời sáng... cứ căng lên trong óc mọi người trên tàu.

- Hay là ta chưa vào đúng bến?

Có tiếng nói nghi ngờ từ phía cuối tàu cất lên.

Anh Thôi Văn Nam, người Bà Rịa khẳng định:

- Không như các cửa rạch chằng chịt dưới Cà Mau mà khó kiếm, từ Long Hải lên đây chỉ có một mình cái cửa rạch này! Tôi rành quá mà! Ta đã vào đúng vị trí rồi, không thể lạc bến được!

Cùng với thuyền trưởng Một, Nguyễn Sơn đang lo lắng cầm sợi dây dòng xuống lòng sông để đo độ sâu. Anh nói với mọi người:

- Sông này có nhiều cồn cát ngầm, nếu nước triều ròng là gay đấy. Ở đây toàn cát vàng, rất chắc.

Nguyễn Sơn là người Bà Rịa, Nguyễn Sơn và Thôi Văn Nam là hai trong sáu người trên con tàu đầu tiên từ Bà Rịa ra Bắc xin vũ khí từ giữa năm 1961. Chuyến này mở bến vào Bà Rịa, các anh là những chiến sĩ quân giải phóng người địa phương có kinh nghiệm quen với luồng lạch, được cử đi trước hết. Lâu nay trên những chuyến tàu chở vũ khí vào Cà Mau, Bến Tre, anh em đã quen nhiều cửa vàm, tấp vào đâu cũng yên tâm như về nhà. Còn bến Sông Ray, chưa biết bến đậu ở đâu? Bến đón chỗ nào? Suốt mấy tiếng đồng hồ tìm kiếm vẫn thấy im ắng. Nguyễn Sơn nhìn dỗi vào bờ, miệng than:

- Sao không có người ra đón, hay là trong bến có chuyện gì chẳng?!

Nỗi lo âu ngày càng tăng, đèn trên đồn địch vẫn sáng như khiêu khích, như xoáy vào tâm can đang nôn nóng, lo âu của mỗi người.

Phải có người của bến ra dẫn tàu vào thì họ mới nắm được luồng lạch, chỗ nông chỗ sâu và mới vào đúng bến được. Tàu vẫn chạy vòng vèo chờ bắt tín hiệu. Đã quá nửa đêm, đồn địch ngay trước mắt, rất sợ bị lộ. Tín hiệu trên tàu vẫn hướng vào phía bờ đánh không ngưng nghỉ.

Thuyền trưởng Một nêu ý kiến:

- Hay là ta cho tàu chạy ra ngoài hải phận, chờ đêm mai lại vào vậy? Chứ cứ thế này, sáng ra là gay to!

Đặng Văn Thanh nói:

- Để xem đã... Cố chờ một lát nữa xem sao!

Vừa lúc ấy, có người nhìn thấy ánh chớp xanh lập loè như con đom đóm từ trong bờ. Anh ta muốn reo lên, nhưng chỉ dám nói nhỏ:

- Tín hiệu, đúng tín hiệu của bến kia rồi!

Anh em trên tàu mừng rỡ bừng tỉnh. Lát sau, có một chiếc ghe nhỏ áp sát mạn tàu, anh em vội kéo người của bến lên, hai người còn rất trẻ.

Chính trị viên Thanh nói:

- Tàu chúng tôi vào chờ ở đây đã ba bốn tiếng đồng hồ rồi. Sao trên bờ không thấy đánh tín hiệu?

Một anh ấp úng nói không ra hơi:

- Dạ, vì chúng em... ngủ quên!

- Trời đất!

- Bây giờ còn vào được nữa không? Liệu có bị mắc cạn không?

- Vô được mà, trăng giữa tuần, nước triều đang cường, vô được!

Một người khác khẳng định:

- Chúng tôi đã có hai trung đội ém sẵn ở đây để bốc dỡ hàng.

Đoàn người đang nồn nóng bởi bao nhiêu hy vọng, cùng con tàu xâm xâm tiến vào bến. Khẩn trương! Có hai trung đội chờ bốc dỡ hàng ở bến, phải chạy đua với thời gian.

Mắc cạn

Bỗng tàu khựng lại như có va chạm mạnh, máy đã tắt mà vẫn còn nghe tiếng xạt xạt dưới đáy tàu, tàu lao vào bãi cát ngậm rồi. Bởi thủy triều bắt đầu xuống mạnh, nhưng tàu tìm được bến mừng quá cứ lao vào, bởi cát ở Bà Rịa không phải sình lầy như dưới Cà Mau, Bến Tre. Cát ở đây là cát vàng cát sỏi, cứng như đá, khó mà thoát ra được. Bác Sao cho khởi động máy, cài số lui, tàu lắc lư, máy gầm lên, chân vịt sùng sục nặng nề. Bác tắt máy, vì biết máy không thể đủ sức kéo tàu ra khỏi bãi cát.

Người của bến kinh sợ cúi nhìn xuống mũi tàu gặp cạn:

- Chết rồi, chỗ này là cồn cát!

Thanh nghiêm giọng hỏi:

- Thế các anh không quan sát đo đạc luồng vào à?

- Hồi hôm nước cường, giờ này triều xuống rồi, tại tàu vào muộn.

- Vào muộn là vì sao? Đồng chí hiểu chứ?

Bến mới, người chưa quen việc, lại chưa từng có kinh nghiệm đón tàu nên mới ra nông nổi này.

Tàu mắc cạn, anh em chạy ngược chạy xuôi trên tàu, dồn người sang bên nọ, vắn thùng sang bên kia, cố để hỗ trợ cho máy lay lùi tàu lại. Máy tàu vắn rít lên chói tai, hết tắt lấy hơi, lại nổ. Bác Sao đang cố gắng hết sức mình điều khiển máy để cứu nguy. Tàu vắn ỳ ra không chịu chuyển dịch.

Tàu mắc cạn ngay trước đồn địch, hậu quả sẽ ra sao? Ai cũng hiểu cả. Thanh hạ lệnh:

- Phải dỡ bớt đồ xuống cho nhẹ tàu. Anh em tạm vắn mấy phuy dầu kia xuống sông đã.

Bảy tám phuy dầu dự trữ đã được anh em thủy thủ vắn xuống nước. Cứu tàu và vũ khí đã, vào đến gần bến rồi, chuyện đường về tính sau.

Hỡi ôi! Con tàu khẳm, mấy phuy dầu có nhẹ được bao nhiêu, không bù lại được thủy triều đang xuống mạnh. Thủy triều ở đây xuống nhanh như rồng cuốn. Tàu đã sục vào bãi cát ngầm.

Quan sát tình thế, thuyền trưởng Lê Văn Một đầy kinh nghiệm yêu cầu nổ máy, anh cầm tay lái, đánh thật mạnh sang tay trái, chân vịt xoáy sùng sục, mũi con tàu giật mạnh, chuyển động và xoay ngoặt sang trái 45 độ. Con tàu găm cứng vào bãi cát.

Hành động của thuyền trưởng quả là có ý đồ rất thông minh về chiến thuật.

Chẳng còn bao lâu nữa trời sẽ sáng. Mọi người bàng hoàng lo lắng. Một bài toán gay go, tàu nằm ngay trước mũi địch, làm sao chuyển hết được hàng trong đêm. Hủy tàu ư? Chử hủy tàu là kỵ nhất! Thất bại ư? Không thể! Sẽ lộ bến và lộ mất hành trình bí mật.

Anh Thanh gọi thuyền trưởng Một đang ở trên buồng lái, hội ý chỉ bộ, có cả người của bến, rồi quyết định:

- Tất cả cùng đồng sức đưa hàng lên ngay bây giờ, được càng nhiều càng tốt! Vũ khí đã tới bến, bằng mọi giá chúng ta phải chuyển lên bờ cất giấu. Các đồng chí lên bến huy động tất cả mọi người khẩn cấp xuống tàu.

Các thủy thủ trên tàu, cả thuyền trưởng, chính trị viên, máy tàu, cả anh em trên bến cùng ráng hết sức chuyển vũ khí xuống. Xuống con ghé lại dỡ vũ khí. Người lội, nước ngập tới ngực, mang vác tăng gấp hai ba lần sức người bình thường, bốc vác từng thùng vũ khí nặng hàng tạ bằng băng lên bờ. Phía ngoài mạn tàu, nước sâu hơn, quan sát thấy có mấy chiếc ghe đánh cá của dân ở gần, Thanh phân công cho Nam và Sơn tới vận động họ đưa thuyền đến. Thôi Văn Nam và Nguyễn Sơn là người địa phương đã khá hiểu lòng dân ở đây. Họ nhanh nhẹn lội tới lên tiếng:

- Chúng tôi có hàng, tàu đang mắc cạn, bà con lại chờ giùm rồi tôi chia cho.

Vừa nói, hai người vừa lôi mấy chiếc ghe nhỏ lại phía tàu.

Thấy thuyền dân ghé mạn tàu, Thanh lên tiếng:

- Chúng tôi là bộ đội Giải phóng, ghe chúng tôi chở chiến lợi phẩm, vũ khí, chẳng may bị mắc cạn. Vì việc nước việc dân, nhờ các bác giúp đỡ!

Mấy người trên thuyền cũng toàn người tốt, là dân vùng căn cứ có truyền thống cách mạng. Họ ngỡ ngàng đôi chút, nhưng rồi hiểu ra và cùng anh em nhanh nhẹn chuyển vũ khí xuống thuyền, lội đẩy thuyền vào bờ, hăm hở không khác gì các chiến sĩ trên tàu và người của bến.

Người của bến kéo đến mỗi lúc một đông. Hai ba hàng người chen nhau lao lên tàu, vác hàng xuống khấn trương như muốn níu bóng đêm lại. Nước biển đã rút sạch, con tàu nằm hoàn toàn trên bãi cát khô. Lúc này đoàn người đã chuyển được khoảng trên một phần ba hàng. Trên tàu còn khá nhiều, cỡ chục tấn vũ khí nữa.

Anh Ba Nam phụ trách bến lo lắng nói với Thanh:

- Bến này chỉ cách đồn địch vài cây số, chúng lại sắp sửa mở trận càn tới đây. Chúng ta khấn trương dỡ hàng, một mặt cất giấu, một mặt trang bị cho bộ đội chuẩn bị chiến đấu.

Ngưng một lát vì bó hàng nặng đến gần tạ, Ba Nam đứng dậy nói.

- Nếu trời sáng, ắt tàu sẽ bị lộ. Để bảo đảm giữ bí mật và không để lộ bến, yêu cầu các đồng chí phải phá tàu!

Vừa khuôn bó hàng chuyển cho người đứng trên khoang tàu, nghe người chỉ huy bến nói đến phá tàu, lòng Thanh quận thất; anh nói như cất lời Ba Nam:

- Vũ khí đã vào tới tay các đồng chí rồi đây, không thể để vượt mất nó. Xương máu của chúng ta không thể uổng phí, chúng ta sẽ có nhiều phương án giải quyết.

Trời đã rạng sáng, mặt trời còn nằm dưới biển Đông nhưng ánh sáng của nó đã xua dần bóng đêm. Đứng trước biển, ai mà không mong được ngắm vầng thái dương nhô dần trên mặt biển đẹp rực rỡ; nhưng lúc này đây, anh em chiến sĩ ta ai cũng mong muốn có một phép lạ kéo mặt trời xuống đáy biển, trả lại bóng đêm cho con tàu đang khắc khoải từng giây từng phút, giành lấy bóng đêm để vận chuyển vũ khí thật nhanh thật nhiều.



Du kích đồng bằng sông Cửu Long
cất giấu vũ khí từ "tàu không số" chuyển vào

Trời thương anh em, hôm nay lại có sương mù buổi sáng nên tầm nhìn không xa, tất cả vẫn đang dồn hết sức lực vận chuyển hàng lên bờ.

Không hủy tàu

Trời đã sáng rõ hơn, tình hình trở nên căng thẳng. Thanh triệu tập cuộc họp, anh trình bày vấn đề từng chi tiết. Có người nêu ý kiến:

- Bến đã có lệnh phá thì ta phải phá tàu.
- Để tàu nằm đây sẽ bị lộ thôi, phải chủ động phá trước khi địch phát hiện.



Anh hùng LLVTND
Đặng Văn Thanh
(Quê quán: xã Thuận Điền,
huyện Hàm Thuận Nam,
tỉnh Bình Thuận)

Đặng Văn Thanh chưa xót:

- Chuyển mở đầu vào Bà Rịa mà chịu hủy tàu sao? Ngoài kia đang chờ đón kết quả từng ngày, ta phải ăn nói với cấp trên sao đây?!

Bác Năm Sao lớn tiếng:

- Tàu này được cấp trên trao cho chúng ta, chúng ta sẽ có trách nhiệm, không phá hủy gì hết! Ai lên bờ trước thì lên đi, tôi ở lại cùng sống chết với tàu!

Người của bến nói:

- Nếu địch ào xuống đây mà các đồng chí không phá kịp tàu, lộ đường dây, lộ bến, ai chịu trách nhiệm đây?

Thanh nói dứt khoát như kết thúc:

- Chưa lộ, không hủy tàu vội, phải cố gắng dỡ hàng lên bằng hết, sau đó để lại mấy người, khi nào bị địch phát hiện mới phá tàu.

Thôi Văn Nam nói xen vào:

- Tôi xin ở lại tàu! Khi nào cần thiết hủy tàu, tôi sẽ làm.

Đặng Văn Thanh trình bày ý kiến với đồng chí Ba Nam, rồi anh nói dứt khoát:

- Hủy tàu bây giờ cũng dễ bị lộ. Chúng tôi sẽ ở lại tàu, nếu bị lộ, tự tay tôi sẽ giật bộc phá, hủy tàu phi tang.

Ba Nam thấy anh em trên tàu sẵn sàng hy sinh vì trách nhiệm thì hết sức cảm phục và thấy mình cần phải dũng cảm hơn nữa trước những hiểm nguy.

Mọi người nhất trí với Thanh, lại lao ra tiếp tục chuyển vũ khí. Khi trời sáng rõ cũng là lúc vũ khí đã được chuyển hết lên bờ. Thắng lợi rồi! Anh em mừng rỡ như vừa trút được gánh nặng khỏi vai. Lực lượng của bến nhanh chóng làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí vào nơi cất giấu. Vũ khí đã vào đến bờ an toàn thì cũng giống như cá đã xuống dưới nước! Nhiệm vụ ban đầu đã hoàn thành, anh em cùng thở phào đón chào ông mặt trời đang nhô lên rực rỡ.

Thuyền trưởng Lê Văn Một cùng anh em thủy thủ lên bờ, chuẩn bị cùng anh em trên bến sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vũ khí, nếu địch tới.

Thanh uể oải chậm chạp kéo lên lá cờ ba sọc, như một thuyền đánh cá của dân ở đây.

Mọi người được lệnh rời tàu. Năm người: chính trị viên Thanh, bác Sao thợ máy, Lê Xuân Ngọc, Thôi Văn Nam và bác Nhợ xung phong ở lại tàu. Thanh cùng bác Sao chuẩn bị sẵn việc cài kíp nổ. Anh em mang lưới ra chăng, người ngồi vá lưới, người dọn dẹp. Bác Năm Sao chuẩn bị nấu bữa ăn. Khung cảnh giống như một tàu đánh cá bị mắc cạn.

Gần trưa, vẫn chưa thấy dấu hiệu bị lộ, người chỉ huy bến lại ra tàu:

- Các đồng chí phải cho phá tàu thôi. Từ bót kia chúng nó nhìn xuống đây rõ mồn một, không thoát đâu!

- Nếu để địch cướp tàu, nếu để lộ bí mật các đồng chí hoàn toàn chịu trách nhiệm!

Đặng Văn Thanh không nói gì, đưa mắt nhìn khắp lượt anh em thủy thủ.

Bác Sao lên tiếng trước:

- Để tôi, anh em lên bờ bót đi, ba người ở lại đủ rồi. Dù có phải hy sinh, tôi cũng phá bằng xong tàu đã. Các anh yên tâm đi!

Thanh nói dứt khoát:

- Tôi quyết định bác Nhợ và Ngọc vào bến!

Hai người ngồi lì như không nghe thấy. Họ không muốn xa đồng đội lúc này, họ muốn ở lại chia sẻ trách nhiệm.

- Nhiệm vụ còn lâu dài, chúng ta còn phải tiếp tục vận chuyển vũ khí vào Nam. Các đồng chí lên bờ ngay! Cứ yên tâm, ba người chúng tôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ này!

Hai thủy thủ bước lên bờ, ngoái lại nhìn con tàu mà mình thương yêu gắn bó như máu thịt, nhìn những người đồng chí cảm tử thân thương mà đôi chân không bước đi được. Lát nữa đây, có thể họ sẽ không còn...! Trên những khuôn mặt hốc hác khô mòn căng thẳng bởi sáu ngày vật lộn trên tàu, những giọt nước mắt xót xa vẫn ứa ra lăn dài trên má.

Thanh thấy lòng thư thái vì nhiệm vụ chính vận chuyển vũ khí đổ vào bến đã xong và tàu vẫn nguyên vẹn. Anh phân công:

- Nếu địch tới, bác Sao tạt ngay can xăng vào khoang máy, Nam bật quẹt, tôi điểm hỏa.

Bác Sao chậm rãi vỗ vào can xăng nhỏ:

- Tôi đã chuẩn bị sẵn can xăng đây rồi.

Thôi Văn Nam tay cầm lăm lăm hộp quẹt giơ lên:

- Em đã hơ khô hộp quẹt rồi, nhạy lắm, khê một phát là bùng liền.

Con tàu vẫn nằm im trên bãi cát trong một vùng yên tĩnh.

Bây giờ mọi người mới thấy hành động de mũi tàu về phía trái, hướng về phía đồn địch của thuyền trưởng Lê Văn Một là cực kỳ thông minh. Anh làm như vậy để sáng ra, phía đồn địch có nhìn thấy tàu ta từ hướng mũi, con tàu sẽ nhỏ hơn là nhìn ngang. Hay thật! Đúng là một thuyền trưởng đầy kinh nghiệm!

Giữa trưa, bỗng có tiếng máy bay, chiếc AD6 xuất hiện, bác Sao bỏ ly nước, vợ vội can xăng bước xuống hầm máy. Nam cầm theo hộp quẹt. Chiếc máy bay đã phát hiện tàu lạ, nó bổ nhào xuống hướng con tàu. Mất Thanh không rời chiếc máy bay. Mọi người nín thở chờ tiếng bom.

Bác Sao hét to:

- Khi nào thấy nó thả bom mới điểm hỏa.

Mọi người cũng nghĩ như bác, nếu nó không giội bom, tức là chưa lộ. Nhưng nếu bom rơi và điểm hỏa, tức là cả ba người sẽ nổ cùng tàu. Hình như cả Đặng Văn Thanh, bác Sao và Thôi Văn Nam cũng đã nghĩ như thế. Dù vũ khí đã chuyển lên bờ hết rồi, nhưng người chiến sĩ là như thế, họ thi gan với địch bằng cả tính mạng của mình. Quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ cao hơn tất cả, dù có phải hy sinh.

Đúng như vậy, chiếc AD6 lượn vòng hạ thấp độ cao một lần nữa rồi bay đi thẳng.

Chắc nó cho rằng đó là chiếc tàu đánh cá của ngư dân bị mắc cạn, bởi lưới giăng trên thuyền, bởi cờ ngụy bay pháp phối...

Và bởi hồi ấy, dù những “con tàu không số” đã vận chuyển hàng mấy chục chuyến vũ khí vào bờ biển Nam Bộ, vẫn an toàn không hề bị lộ. Dịch không ngờ tới chuyện chúng ta đã vận chuyển vũ khí vào Nam theo con đường biển. Chúng đánh giá Bắc Việt làm gì có tàu viễn dương?! Tàu ta cải trang lẫn với tàu buôn ngoài hải phận, lẫn với tàu đánh cá của dân, người trên tàu cũng là người “địa phương” (Hầu hết thủy thủ trên tàu là người của bến ra và những người địa phương tập kết). Chuyến tàu nào cũng ngon lành trót lọt.

Sau đợt máy bay trinh sát, bến lại cho người ra tàu. Anh này đã lớn tuổi, nhìn những chiến sĩ gan góc quả cảm không muốn phá tàu, quyết thi gan với địch cho đến giây phút cuối cùng, anh cảm động không nói nên lời. Một lúc sau, anh nói:

- Trên bến nhận định tàu ta đã bị lộ, địch phát hiện ra rồi. Cấp trên lệnh cho các đồng chí phá tàu ngay!

Mọi người lặng lẽ, không ai nói một lời. Đồng chí trên bến cũng lặng lẽ cúi đầu xuống tàu, ngắm nhìn ba người đồng chí như ghi dấu hình ảnh các anh vào tim, cảm phục tinh thần hy sinh quên mình vì nhiệm vụ. Hình như anh cũng giống như các thủy thủ trên tàu, thà hy sinh cùng con tàu chứ không nỡ cho nổ tàu rồi trốn lên bờ khi chưa bị lộ! Nhất gan lăm! Tiếc lắm!

Còn một điều mọi người không lường được hậu quả, có thể điều ấy đã hình thành trong ý thức của Đặng Văn Thanh, nhưng anh không nói ra. Nếu cho nổ tàu, tiếng nổ ấy sẽ làm lộ bến, địch sẽ đánh phá bến, ta sẽ mất hẳn

một cơ sở bến đón nhận hàng mà phải bao công phu mới xây dựng được.

Thanh bình thần nhắc lại nhiệm vụ:

- Tôi nhìn hướng bờ, chú Năm nhìn hướng biển, Nam nhìn trước sau tàu, nếu địch xáp vô là chú đổ can xăng vào buồng máy, Nam bật quẹt, tôi giật nụ xoè nghe!

Bác Sao vắn sẵn nắp can xăng, để ngay bên cạnh.

Ba người ngồi ăn như một bữa ăn bình thường và nhâm nhi chai rượu Đồng Tháp, bình thần như không có chuyện gì sắp xảy ra, không cần nghĩ rằng đây có phải là bữa ăn cuối cùng trong đời hay không. Họ chỉ biết là chưa lộ mà phá tàu là không thể được. Nếu lộ thì hy sinh cùng con tàu.

Bỗng thấy người như chơi với chao đảo, con tàu lắc lắc nhẹ. Chú Năm Sao reo lên:

- Nước lên rồi! Thanh, Nam ơi! Nước lên rồi!

Thanh xúc động vụt đứng dậy:

- Chú xuống mở máy liền, tôi lái!

Tiếng máy nổ xình xịch xịch xịch nghe như tiếng reo vui phá tan bầu không khí nặng nề u ám.

Tàu từ từ quay mũi ra luồng, đi như một tàu đánh cá ra cửa sông, chờ trời nhá nhem mới quay lại. Khi tàu lừ lừ vào bến, anh em trên bờ trông thấy tàu, nghe tiếng máy, chạy vội ra xô nhau lội xuống đón, mừng vui không kể xiết.

Thanh nhảy xuống bờ, anh em thủy thủ ào đến công kênh anh. Anh vui vì mình đã hoàn thành nhiệm vụ, vì sự thử thách gay gắt vừa qua. Anh chạy đến bắt tay đồng chí Ba Nam, xiết chặt như muốn báo cáo: “Thưa đồng chí chỉ huy bến, tôi đã giữ bí mật cho bến đúng như lời hứa.” Đặng Văn Thanh thuộc loại người “thắng không kể công, bại không né tránh”, khi đã thắng lợi rồi thì tất cả chỉ còn là niềm vui chiến thắng.

Chỉ huy bến không hiểu vì xúc động hay vì ân hận mà miệng lắp bắp không nói lên lời, ông cười mà nước mắt cứ trào ra mãi. Tình thế đã rồi, ông không nói nữa. Sự thực, ông đã cho ba tốp trinh sát đánh tín hiệu đón tàu từ mấy tối nay khi vừa nhận tin có tàu vào bến. Hai tốp kia đều đón ở bờ biển, phía Bắc cửa sông, đánh tín hiệu từ chập tối mỗi đêm, một tốp đón trong sông. Nhưng tàu ta lại đi từ phía Nam lên, rồi lọt ngay vào cửa rạch, thành ra không nhận được tín hiệu của bờ. Ông là người làm việc thâm lặng, chắc chắn. Nhận được chuyển vũ khí đầu tiên cập bến thành công, có lẽ người đang sung sướng hơn tất cả chính là ông!

Lại nói về mấy thùng dầu, còn tám phuy dầu, mỗi phuy có tới 200 lít dự trữ để chạy ra Bắc; đã theo thủy triều trôi cả ra cửa sông, ngư dân vớt được, thấy nhãn hiệu Liên Xô (cũ), biết là của tàu Giải phóng, họ vội vàng tháo nắp, trút dầu sang thùng mình rồi nhận chìm các vỏ xuống biển, che giấu tang vật. Người dân Bà Rịa là vùng cách mạng, họ ý thức được phải giữ bí mật bởi đây là một việc nghiêm trọng.

Tàu Lê Văn Một hoàn thành nhiệm vụ, ngay tối hôm đó rời bến. Vì không kiếm đâu ra nhiên liệu để quay ra Bắc, tàu đành chạy vào phía Nam, chui vào rạch Cây Dừa, Bến Tre. Tàu hư không còn khả năng vượt biển. Một thời gian sau, tàu sắt đầu tiên của thuyền trưởng Đạt vào Trà Vinh, lúc ra ghé Bến Tre đón anh em. Tàu số 41 gồm mười sáu người còn nguyên, lên tàu sắt ra Bắc, khẳng định thành công trọn vẹn cho một chuyến đi.

Tàu sắt rẽ sóng

Con tàu sắt mới tinh còn nồng mùi sơn, to lớn hơn hẳn tàu gỗ nên phải có một thuyền trưởng có chuyên môn hàng hải điều khiển con tàu này. Trần Phong đã được đào tạo thuyền trưởng tại Trường Sĩ quan Hải quân khóa đầu tiên, rồi được tiếp tục học Hàng hải bên Trung Quốc. Anh đang là thuyền trưởng tàu chiến đấu của Hải quân, nhưng chỉ hoạt động ở phía Bắc, từ sông Gianh ra đến Hải Phòng là xa nhất, còn ngang dọc ngoài biển Đông thì chưa.

Trần Phong được điều sang “Đoàn tàu đặc biệt với nhiệm vụ đặc biệt”, lãnh nhiệm vụ thuyền trưởng trên con tàu mang bí số 55 trong loạt tàu sắt đầu tiên lớn nhất từ trước tới nay.

Sau vụ con tàu gỗ Bình Minh trên đường vận chuyển vũ khí phải dừng lại giữa biển vì bị hư, ta thấy dùng tàu gỗ chạy trên biển không bảo đảm. Muốn có tương lai lâu dài, phải chuyển sang tàu sắt với trọng tải lớn hơn, chạy được trong mọi thời tiết. Xưởng đóng tàu III Hải Phòng nhận nhiệm vụ bí mật đóng những con tàu sắt có trọng tải 45 tấn, 65 tấn và 100 tấn.

Ngày 17-7-1963, giữa mùa gió Tây Nam thổi mạnh, sóng nhồi nhấp nhô như muốn đẩy con tàu ngược lên phía Bắc, trong khi con tàu ra sức vượt sóng hướng vào phía Nam. Hầu hết anh em trên tàu từ thuyền trưởng, thuyền phó đến thủy thủ đều bị say sóng như tử, ói cả mật xanh mật vàng, thậm chí ói cả ra máu. Nấu ăn đã khó, ăn vào lại nôn thốc nôn tháo, mặt mày tái xanh, mắt lờ đờ. Thuyền trưởng Trần Phong đã mấy ngày không ăn uống gì, chỉ ói khan, nên sức khỏe yếu phải nằm bẹp một chỗ. Say sóng khổ sở như vậy nhưng mỗi lần có chuông báo động thì không biết sinh lực ở đâu dồn về, cả chỉ huy lẫn thủy thủ ai nấy đều tỉnh như sáo.



Đồng chí Trần Phong

Trời tối, con tàu lầm lũi lướt đi như một cái bóng, không một chút ánh sáng lọt ra ngoài để tránh mọi sự theo dõi. Tàu đã đến vùng biển giữa Cù Lao Thu và Côn Sơn. Sau khi đo đạc tính toán, thuyền trưởng Trần Phong quyết định cho tàu quay mũi vào bờ.

Trên tàu có những người đã từng đi nhiều chuyến tàu gỗ chở vũ khí vào Cà Mau từ 1962 nên giàu kinh nghiệm như Đặng Văn Thanh, thuyền phó Phan Đức Dục, Lê Văn Thêm, nhưng thuyền trưởng Trần Phong vẫn tin tưởng rất nhiều ở ba chiến sĩ quân giải phóng: Nguyễn Văn Đức, Huỳnh Văn Tiến (Mười Tiến) người Thạnh Phú, Bến Tre và Nguyễn Xuân Thơm người Cà Mau. Anh Tiến là dân đánh cá thường ra vào vùng biển này. Lần này, sau khi quan sát kỹ, Tiến báo cáo với Trần Phong:

- Anh Phong ơi, em nhìn cái đèn chiếu kia biết chắc nó là đèn Ô Cấp. Vậy nếu tàu vào hướng này là lệch lên phía Bắc, e không trúng bến.

- Mười Tiến nói lại cho tôi nghe coi!

- Đây nè, ngọn đèn đang nháy kia là đèn ở Ô Cấp. Nếu tàu ta cứ đi thẳng vào tức là vào đúng Ba Tri, căn cứ của địch. Không xong rồi, anh cho tàu quay ra đi!

- Đúng không? Tại sao Tiến lại khẳng định như vậy?

- Em ở vùng này mà, bao nhiêu lần đánh cá ngoài biển, em rành rẽ từng vị trí một, chắc chắn là tàu đi lệch lên phía Bắc rồi chưa vào đúng bãi đáp đâu!

Thủy thủ Nguyễn Văn Đức quê ở Bến Tre vội nói:

- Tôi quê ở đây, nhưng không rành bờ biển bằng cái tay đánh cá này đâu! Tôi tin là nó nói đúng!

Trần Phong ngẫm nghĩ rồi lẩm bẩm:

- Đúng rồi, gió Tây Nam đẩy tàu lên hướng Bắc rất mạnh, tốc độ tàu bị chậm lại. Tàu đã bị lệch bãi đáp rồi. Mười Tiến nói có lý!

Thuyền trưởng lập tức điều khiển cho lái tàu quay 180 độ ra đường cũ. Sau đó chạy xuống hướng Nam. Khi đến thời gian dự đoán, Trần Phong ra lệnh cho tàu hướng mũi vào bờ.

Trần Phong nhìn Tiến với vẻ khâm phục:

- Hàng hải cũng thua đôi mắt thổ công của Mười Tiến đấy! Đo đạc tính toán thiên văn địa văn kỹ thuật là ở ngoài khơi, còn vào ven bờ, vào cửa sông, nhất là

cửa lạ, tài liệu hàng hải cũ kỹ từ thời Pháp thuộc trong lúc này không bằng kinh nghiệm của người dân biển địa phương. Ta bố trí anh em trên tàu như vậy là rất khoa học.

Chính trị viên kiêm Bí thư chỉ bộ tàu Đặng Văn Thanh từ nãy đến giờ vẫn chú ý quan sát, lắng nghe. Anh không nói gì, chỉ theo dõi từng cử chỉ của anh em, nhất là quan sát thuyền trưởng.

Nói là tàu sắt hiện đại hơn nhưng thời kỳ ấy mọi phương tiện trang bị cũng còn lạc hậu lắm. Đo đạc hàng hải chỉ bằng dụng cụ thô sơ như la bàn từ, đo đường dài bằng máy có dây kéo chân vịt, quan sát thiên văn thời tiết bằng mắt, đo độ sâu bằng sào, bằng dây. Lấy đèn hải đăng ở bờ, lấy đảo làm mốc... Không có máy móc gì, cái chính vẫn là nhờ vào kinh nghiệm đi biển của thủy thủ.

Nhờ anh em vốn là chiến sĩ Giải phóng người miền Nam, đặc biệt là người địa phương biết cách xác định vị trí cửa sông, ven bờ và nhờ sự quyết đoán nhanh chóng đúng lúc của thuyền trưởng, con tàu sắt do Trần Phong làm thuyền trưởng đi chuyến đầu tiên vận chuyển vũ khí vào Nam đã cập vào đúng vùng Thạnh Phú.

Vì đi lệch hướng, vòng ra vòng vào nên khi tàu vào gần cập bến, trời đã mờ sáng. Những người ở bến ra đón thấy trời sáng rồi mà vẫn không có thuyền vô nên đã rút về, họ cho là tàu đêm nay chưa tới.

Khi tàu vào, không thấy người đón, biết theo luồng lạch nào mà vào bến?! Vì bí mật luồng lạch của bến bãi chỉ có người trong bến mới biết nên lúc này tàu ta cứ chạy

vật vờ mãi ở cửa sông đánh tín hiệu, nhưng không có tín hiệu trả lời. Trời đã sáng hẳn, tàu cứ chạy qua chạy lại rất dễ bị lộ. Lúc này mà gặp tàu địch thì nguy to!

Việc dẫn tàu vào đúng luồng đúng bến thì Tiến hay Đức đều không kham nổi bởi không dễ gì phán đoán được.

Thuyền phó Phan Đức Dục người Ninh Thuận, dáng vóc to cao, có chùm râu rậm mọc trên một nốt ruồi to dưới cằm. Anh xoay xoay chòm râu giật giật:

- Ta phải tự lo liệu thôi, để tôi!

Anh mặc quần áo đang hoàng, đội mũ phớt, ra đứng bên mạn tàu, cho tàu ép vào một thuyền đánh cá khá lớn của dân, mời thuyền trưởng lên tàu, anh Dục nói to:

- Chúng tôi muốn nhờ anh một việc, mong anh giúp đỡ!

Người chủ thuyền ngơ ngác, không hiểu chuyện gì.

- Lâu ngày không vào đây, luồng lạch thay đổi nhiều quá! Nhờ anh làm ơn dẫn tàu vào Khâu Bàng cho!

Ông này lưỡng lự chưa trả lời, anh Dục nói tiếp:

- Cùng là dân đánh cá cả mà! Giúp nhau chút có sao đâu!

Thấy dáng vẻ mấy người lạ này cũng không kém phần bặm trợn, họ nói luồng lạch chẳng chịt, thay đổi nhiều là thật. Thôi thì giúp nhau chuyện này cũng là lẽ thường tình.

Sau một hồi lạng lách đúng luồng, tàu vào đúng bến Khâu Bàng, Cồn Lợi, Bến Tre, như kế hoạch được giao.

Tàu đi trên sông còn gặp những người dân đứng trên bờ vẫy tay chào đón! Dân của ta, luồng lạch của ta, tàu vào Cồn Lợi, Bến Tre đúng căn cứ bến bãi của ta.

Bến ở đây dừa nước nhiều hơn tràm, được. Dừa mọc thành rừng, che chắn tầm nhìn của máy bay trinh sát địch. Căn cứ bến đáp này quả là lý tưởng, được quân ta làm chủ suốt ngày đêm. Xuồng ba lá, ghe thuyền dù có nhiều bao nhiêu cũng được rừng dừa nuốt gọn vào bụng, như cá mẹ nuốt cá con trong miệng che chở bao bọc cho đàn con an toàn trước kẻ thù. Tàu vào bến như đứa con được về với mẹ.

Đến lượt bến lo, để giữ bí mật, chỉ huy bến cho người dẫn tàu đánh cá kia đến một con rạch khác “neo cố định”, “giám” anh ta lại đến khi giải quyết xong xuôi mọi việc, tàu sắt đã ra khơi an toàn mới thả cho đi.

65 tấn hàng trên con tàu mẹ nhả liên tục hai ngày đêm là xuống hết các xuồng nghe. Ghe xuồng đón vũ khí rồi tỏa đi khắp nơi nơi, như chim mẹ mớm mồi cho đàn con, như mạch máu nóng tỏa đi nuôi dưỡng khắp cơ thể miền Nam.

Thuyền cập bến an toàn, người an toàn, vũ khí an toàn, trong niềm vui chung thắng lợi, vũ khí đến tay chiến sĩ, đồng bào đang chiến đấu chống Mỹ - nguy.

Thuyền trưởng Trần Phong không quên sự giúp đỡ của mọi người, cả thuyền trưởng tàu đánh cá của địa phương. Tình quân dân như cá với nước. Còn một điều nữa: Được đào tạo chính quy làm thuyền trưởng, Trần Phong vẫn đinh ninh nguyên tắc: thuyền trưởng là người

quyết định toàn bộ hải trình, có quyền quyết định xử lý mọi tình huống. Tàu sắt cần phải có kinh nghiệm hàng hải, bài bản hơn tàu gỗ, không thể thiếu những thuyền trưởng được đào tạo chính quy, Trần Phong mới được điều về Đoàn 125 làm thuyền trưởng. Vì công việc quá khẩn trương, Đặng Văn Thanh (Tám Thanh) chưa phổ biến hết quy định riêng của đơn vị mới nên Trần Phong cứ đúng trách nhiệm như thuyền trưởng tàu chiến đấu của mình mà làm.

Nhưng chưa phải là mọi việc hoàn toàn êm xuôi... Khi đã xong xuôi, nắm chắc thắng lợi rồi, Tám Thanh mới vỗ vai Trần Phong nửa đùa nửa thật:

- Bây giờ tôi mới nói cho chú em biết nghe: Lúc đó chú em cứ tự động cho tàu vào, tự động cho tàu ra, may mà không sao chứ nếu như chuyến đi này không thành công là anh bắn chú đó!

Trần Phong hơi chột dạ:

- Dữ vậy hả?!

Thanh cười:

- Giỡn vậy thôi chứ kiểm điểm kỷ luật cho lên bờ ngồi chơi xơi nước là cái chắc! Lúc đó tôi làm thỉnh. Thấy chú làm được, tôi cứ để cho chú tự xử lý.

Thấy Phong chưa thực sự hiểu, Thanh nói thêm:

- Nguyên tắc của đơn vị ta là chỉ Bí thư mới có quyền quyết định. Trong mọi tình huống, thuyền trưởng phải báo cáo, thông qua ý kiến chi bộ, chứ không được tự động xử lý theo ý mình.

- Tại tôi quen như bèn tàu Hải quân.

Tám Thanh cười:

- Cái này đúng ra là tôi cũng chưa phổ biến cụ thể cho chú. Thôi, thắng lợi là mừng lắm rồi, tôi nhắc lại cho vui thôi, lần sau rút kinh nghiệm, phải thực hiện đúng nguyên tắc của Đoàn nghe chưa?!

Trần Phong trầm ngâm suy nghĩ: “Chắc đồng chí này nghĩ rằng mình qua mặt bí thư chi bộ chẳng?! Ai mà dám thế! Chẳng qua do thói quen xử lý của thuyền trưởng bèn tàu Hải quân mà thôi! Nếu gặp trường hợp khẩn cấp, thuyền trưởng lại chờ hội ý chi bộ thì có mà bỏ mẹ!” Nghĩ thế thôi chứ anh đã hiểu trên “tàu không số”, Chi bộ và Bí thư kiêm chính trị viên quan trọng hơn tất cả. Vì tàu của ta không phải chỉ chạy bằng xăng dầu, bằng máy móc phương tiện mà còn đi bằng ý chí tư tưởng, tinh thần của con người. May mà anh Tám Thanh cũng xuề xòa cho qua. Phong chưa hết mừng vì thắng lợi của chuyến đi, anh mỉm cười, nói cho riêng mình nghe: “Cám ơn anh Tám Lẻ nghe! (Anh Tám Thanh hơi lẻ, anh em vẫn chọc vui như vậy). Cám ơn cả Mười Tiến và anh em “tàu 55”, cả thuyền trưởng tàu đánh cá quê hương Đồng Khởi... Cám ơn tất cả để Trần Phong có được chuyến đi đầu tiên thành công với 62 tấn vũ khí!”

Bất ngờ và táo bạo SỰ KIẾN VỮNG RÕ

Những khóm dừa nước miền Nam

Từ giữa năm 1962, tàu chuyển vũ khí vào Nam, “đi như đi chợ”, ra vào vùng bờ biển Cà Mau, Bến Tre, Trà Vinh rồi tiến lên bờ biển Bà Rịa, Bình Định, Tuy Hòa... Chỉ chưa đầy 3 năm (10-1962 đến 2-1965) ta đã vận chuyển được 84 chuyến với 5.500 tấn vũ khí và người. Nhất là thời kỳ cuối năm 1964, đầu 1965, gần như tuần nào cũng có chuyến tàu không số xuất phát từ Đồ Sơn, Bính Động. Tuần nào cũng có tàu vào cửa Vàm Lũng. Sở dĩ ta đạt được thành tích lớn lao như vậy là nhờ vào yếu tố bí mật, bất ngờ.

Từ chỉ huy cấp Trung ương cho đến cấp Đoàn, Đội, đặt nhiệm vụ triệt để tuyệt đối giữ bí mật cho con đường biển này là trên hết. Việc đảm bảo bí mật rất gắt gao. Ở bến Đồ Sơn, Bính Động, không một người nào không có

trách nhiệm được biết. Dân phải đi sơ tán triệt để. Lực lượng hậu cần chuyên chở vũ khí xuống bến đều được lựa chọn và học tập rất kỹ càng, ai biết việc người nấy, không hỏi, không nói. Cùng trong một đơn vị nhưng ai nhiệm vụ gì, vào bến nào nấy biết. Không số, không quân phục, quanh năm là “dân đánh cá, vận tải biển”. Không ai được biết mình sẽ làm việc gì. Con tàu thì lúc đầu không có số, sau có số nhưng là hàng chục số giả, thậm chí anh em còn mang theo sơn đủ màu để chạy tới đâu sơn biển số tới đó cho cùng màu cùng hiệu. Tàu cũng như người cầm người điếc, không kéo còi, cứ lầm lũi vào bến và âm thầm ra đi.

Hội đầu, các thủy thủ trên tàu từ thuyền trưởng đến chính trị viên, đều là người địa phương của bến miền Nam mới ra, hoặc là người miền Nam tập kết được tuyển vào Hải quân. Có đồng chí lúc vào tới bến, nhìn thấy cha mình sau hơn tám năm xa cách, phải vội vàng lẩn trốn. Có anh rõ ràng nhìn thấy người vợ thân yêu mà đã tám năm trời với vợ nhưng nhớ, vợ anh đang ở trong đoàn du kích ra bến vận chuyển vũ khí từ tàu lên căn cứ mà phải lánh mặt, chỉ dám lén nhìn vợ qua ô cửa con con. Tất cả để giữ bí mật về con đường vận chuyển vũ khí trên biển. Bí mật đã trở thành nguyên tắc cao nhất, mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ và tuân thủ tuyệt đối.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp dù rất mừng vui sau mỗi chuyến tàu thắng lợi, nhưng khi nghe anh em báo cáo thành tích, ông vẫn căn dặn:

- Các đồng chí thử nghĩ đến việc tờ báo Nhân Dân mới in ở Hà Nội, một tuần sau đã có mặt ở Cà Mau (chỉ huy

bến xin tàu mang báo Nhân Dân và báo Quân đội vào để biết thông tin). Vậy là tờ báo ấy đã đi bằng đường nào? Chỉ một chi tiết nhỏ ấy thôi, ta cũng không được phép coi thường.

Những trái dừa nước được người ở bến trong Nam chất lên tàu để tàu có thứ chở theo cho đầy, anh em thủy thủ chở ra bến Hải Phòng, không biết làm gì, liền vứt xuống sông. Một thời gian sau bỗng có dừa nước mọc um tùm từng đám từng lùm tại một khúc sông gần Thủy Nguyên, khiến cho một người Bến Tre tập kết sừng sốt thốt lên:

- Loại dừa nước này chỉ trong Nam Bộ mới có, sao tự nhiên lại mọc ở đây được?!

Rồi anh ta tìm đến các tàu vận tải để hỏi:

- Có phải các anh đã vào tận Nam Bộ mang giống dừa này ra đây không?

Thế là các lùm dừa ấy lập tức bị phá đi. Ban bảo vệ Đoàn cử ngay người theo dõi xem cái anh chàng nhận ra dừa nước quê hương kia có còn “tìm hiểu” gì nữa không...

Lớp anh em từ các tỉnh trong Nam ra và lớp tập kết lấy từ các đơn vị trong và ngoài quân đội cho “đoàn tàu không số” lúc này vẫn chưa đủ. Sang năm 1964, đơn vị đã tuyển những chiến sĩ Hải quân quê miền Bắc. Họ được lựa chọn rất kỹ, là những người khỏe mạnh được giáo dục kỹ càng, có niềm tin và dũng cảm. Những thanh niên ưu tú đó vào nhận nhiệm vụ của Lữ đoàn 125, Lữ đoàn của những “con tàu không số”.

Các thủy thủ phần lớn còn trẻ nên chuyện yêu đương nam nữ là quy luật tự nhiên, nhưng tinh thần hy sinh vì nhiệm vụ vẻ vang cho Tổ quốc là trên hết. Vì phải giữ bí mật mà tất cả các thủy thủ trên tàu không được phép tiết lộ công việc của mình với bất cứ ai, kể cả người thân nhất.

Tất cả các thư từ cá nhân đều được kiểm duyệt kỹ càng trước khi gửi. Mọi ngõ ngách riêng tư thâm kín nhất của tư tưởng, tâm hồn đều phải báo cáo tổ chức. Người vợ phải có lý lịch cơ bản bản cố nông. Có đồng chí vì muốn người yêu tin tưởng, trong khi tâm sự lỡ nói đến đơn vị của mình trong một chuyến đi phép. Sau đó cô nàng hỏi thăm tìm đến đơn vị. Cán bộ bảo vệ đi điều tra về cô gái. Tuy không có vấn đề gì nhưng anh thủy thủ này biết được mối lo của Đoàn nên đã trốn biệt người yêu, cần răng chịu đựng tiếng phụ tình! Sau đó, anh đã hy sinh trên vùng biển phía Nam, khiến cho người yêu không bao giờ biết vì sao chàng thủy thủ đẹp trai của mình tự nhiên lại biệt tăm biệt tích.

Lớp thanh niên ngày ấy noi gương cha anh, noi theo tấm gương mẫu mực của những người chỉ huy, một lòng trung thành, tận tụy quên mình vì nhiệm vụ.

Phải bảo đảm bí mật cho công tác vận chuyển vũ khí trên biển bằng mọi giá. Còn bao nhiêu con người hy sinh thầm lặng như thế. Còn bao nhiêu chuyến tàu bí mật mà mỗi chuyến là một câu chuyện ly kỳ, vượt bão tố phong ba, lẩn tránh tàu địch, trà trộn, nguy trang, thay biển số kịp thời, ứng xử khôn khéo... “Đoàn tàu không số” của chúng ta trong suốt thời kỳ này không để lộ một dấu

vết. Phương châm của đoàn là bí mật, bất ngờ để hoàn thành nhiệm vụ.

* * *

Tuy nhiên, cái gì thì cũng có thời hạn và cũng chỉ tương đối mà thôi. Sau những chiến thắng lớn của quân chủ lực ta ở Ấp Bắc, Bình Giã, địch không thể hiểu được đối phương lấy vũ khí ở đâu ra mà nhiều thế? Mà toàn là những loại vũ khí hiện đại còn hơn cả vũ khí của Mỹ - nguy ở chiến trường Nam Bộ. DKZ, AK, đại liên, trọng liên 12 ly 7, B40, B41... "Việt cộng" lấy vũ khí ở đâu?

Bộ chiến tranh của ngụy tập trung phân tích để tìm ra bằng đường nào mà vũ khí được Bắc Việt đưa vào đây. Chỉ có thể là đường biển. Nhưng chúng chết bởi thái độ chủ quan khinh địch. Chúng cho rằng Bắc Việt làm gì có tàu viễn dương, còn tàu đánh cá thì chỉ đi ven biển. Chúng không thể ngờ tàu sắt của ta một chuyến chở được hàng trăm tấn vũ khí, từ hải phận quốc tế cứ thế giữa đêm tối hướng thẳng vào bờ.

Tàu Hải quân, tàu tuần tiễu dọc ven biển của ngụy đã được tăng cường khá đông. Chúng nhận định có hai nơi tàu Bắc Việt có thể xâm nhập, đó là bờ biển ở vĩ tuyến 17 và từ vịnh Thái Lan sang. Chúng đang chăm chú theo dõi, tìm tòi và phát hiện.

Mật độ tàu ra vào nhiều như thế thì nguy cơ lộ bí mật con đường chiến lược trên biển cũng ngày càng lớn. Cấp trên lo lắng là sẽ có thể bí mật sẽ bị rò rỉ bằng những kẻ hở, những sơ suất rất khó lường.

Vũng Rô

Đổ vũ khí vào Vũng Rô là ta muốn đánh vào chỗ bất ngờ. Vũng Rô nằm ở bờ biển Tuy Hòa, một dãy núi của Nam Trường Sơn đâm ngang ra biển. Từ trên đèo Cả nhìn xuống thấy một vịnh biển lượn tròn, ba mặt là vách đá dựng đứng, mặt ngoài là biển, lại có hai hòn đảo nhỏ như bình phong che chắn, đó chính là Vũng Rô. Ngay trên đèo Cả là quốc lộ 1, nhìn xuống vịnh thấy rõ mồn một. Xe quân sự của địch qua lại suốt ngày đêm, lại có đồn Mũi Điện ở ngay đó. Vũng Rô rất gần căn cứ quân sự Hải quân ngụy Cam Ranh, Nha Trang.

Giữa năm 1964, ta đã táo bạo mở luồng vào đổ hàng ở Vũng Rô. Việc cung cấp vũ khí cho Khu 5 đang là yếu tố cần thiết, cấp bách. Thời gian này, vũ khí vận chuyển bằng đường Trường Sơn mới chỉ vào đến khu vực Ngã Ba biên giới ở Tây Nguyên. Còn Nam Bộ, Khu 8, Khu 6, Khu 5 chỉ trông chờ vũ khí đưa vào bằng đường biển của Đoàn 125.

Con tàu mở luồng vào Vũng Rô đầu tiên do anh Hồ Đắc Thạnh làm thuyền trưởng chỉ huy. Từ hải phận quốc tế, lúc 11 giờ đêm tàu đã chiếu thẳng hướng đâm vào bờ, cập bến Vũng Rô. Lực lượng trên bờ do đồng chí Sáu Suyền, Tỉnh ủy Tuy Hòa chỉ huy, băng qua sườn núi Vọng Phu, núi Đá Bia, chực sẵn đón tàu. Du kích và bộ đội địa phương ủa xuống tàu bốc dỡ hàng trong niềm vui không kể xiết. Một phần vũ khí được chuyển ngay trong đêm, vượt quốc lộ 1 lên dãy núi ở phía Tây Trường

Sơn, căn cứ của ta. Số còn lại không chuyển kịp thì cất giấu trong hang đá gần bến để chuyển dần. Hồ Đắc Thạnh người Tuy Hòa, không kịp hàn huyền với người đồng chí quen biết trên bến đón, dỡ hàng xong là tức tốc quay ra. Trời vừa sáng tàu đã ra đến hải phận quốc tế.

Thắng lợi bước đầu làm nức lòng ban chỉ huy và chiến sĩ trên tàu cũng như dưới bến. Chuyển sau lại tiếp tục. Thậm chí giao lưu thông suốt Hải Phòng - Vũng Rô. Tàu còn chờ cho anh em dưới bến cả quả của miền Bắc là gạo. Không như ở Cà Mau, Bến Tre, sản vật dồi dào phong phú. Chim rừng, cá biển, cua ốc nghêu sò, lúa gạo, dừa vô số. Chuyển nào tàu ra, anh em dưới bến cũng lo chuẩn bị mang lên tàu thực phẩm tươi để bồi dưỡng sức khỏe cho thủy thủ.

Vào Khu 5, nhiều chuyển anh em dưới bến ra đón vũ khí, trong bụng rất vui, miệng cười sung sướng nhưng không quên hỏi:

- Có mang gạo vào không đồng chí?

Anh em ở bến đón và cơ sở ta chỉ toàn ăn củ mì, cả tháng không có gạo, rất kham khổ. Vùng này dân thì “tối ăn khoai đi ngủ, sáng ăn củ đi làm”. Lực lượng của bến có củ mà ăn là tốt rồi. Biết rõ thực tế đó nên chuyển nào tàu vào đây, chỉ huy đơn vị cũng không quên gửi theo gạo làm quà.

* * *

Chuyến thứ hai thắng lợi. Rồi sau bốn ngày đón chuyển thứ ba, liên tục đến chuyển tàu thứ tư.

Tàu 143 chờ 63 tấn vũ khí do Lê Văn Thêm, Phan Văn Bảng chỉ huy, được lệnh cập bến Vũng Rô.

Do không xác định chính xác điểm vào nên tàu chạy quá xuống phía Nam. Thuyền trưởng liền điều khiển con tàu vòng trở lại. Đúng Nam Tuy Hòa, vòng qua mỏm Vọng Phu, rẽ vào bờ, tàu lọt đúng Vũng Rô. Vì phải vòng đi vòng lại nên khi tàu cập bến là đã 3 giờ sáng ngày 16-2-1965.

Mọi người trên tàu dưới bến lập tức khẩn trương bốc dỡ hàng, nhưng không tài nào kịp, trời đã sáng rõ.

Nhê ra gặp trường hợp này, tàu phải ngưng bốc hàng lúc bốn năm giờ, rời ngay khỏi bến, chạy ra vùng biển quốc tế, tối lại quay vào bốc nốt hàng lên. Như tàu đầu tiên vào Vũng Rô giữa năm 1964, từ hải phận quốc tế tăng tốc chiếu đúng tọa độ đâm thẳng vào Vũng Rô lúc 11 giờ đêm. Người dưới bến và thủy thủ dỡ hàng nhanh chóng trong mấy tiếng đồng hồ liền rồi tàu chạy ngay ra hải phận quốc tế khi trời gần sáng.

Tàu 143 đã không làm như thế. Anh em cứ cho bốc hết hàng, neo tàu cập sát bờ đá, lấy cây cối nguy trang tàu, ở lại bến giữa ban ngày. Với lại mấy chuyến vào Vũng Rô gần đây đều an toàn cả nên anh em cũng chủ quan.

Nếu nhìn từ trên cao xuống, con tàu chỉ như một mỏm đá nhô ra biển, trên có cây cối che kín không thể phát hiện đó là con tàu.

Nhưng yếu tố bất ngờ không phải lúc nào cũng thắng lợi mà trong đó vẫn còn có cái may rủi ngẫu nhiên. Trưa hôm ấy, một viên phi công nguy trên chiếc trực thăng tải thương UH1B bay dọc quốc lộ 1 từ Quy Nhơn về Nha

Trang lúc qua đèo Cả đã đưa mắt nhìn xuống ven bờ biển quen thuộc của cuộc hành trình. Tình cờ, hắn nhận thấy sao hôm nay lại có “một mỗm đá lạ nhô ra trên bờ biển bên vách phía Tây Vũng Rô”. (Sau này đọc tài liệu địch, ta mới biết).

Ngay sau đó một máy bay trinh sát bắn một trái mìn xuống chỗ “mỗm đá”, báo vị trí oanh tạc. Lập tức một chiếc khu trục AD6 bổ nhào ném bom tới tấp trúng con tàu. Mấy phút sau, con tàu của ta lộ nguyên hình, giữa một bên mạn tàu phơi lên trời, màu sơn còn mới nguyên.

Thợ máy Vũ Long An cùng máy trưởng được lệnh của chính trị viên xuống tàu đánh bọc phá, phá hủy không cho địch lấy tàu. Con tàu đã có sẵn khối bọc phá 500 kg bảo đảm cho nổ tan tàu. Hai chiến sĩ đội bom đạn mìn mịt, tới con tàu nhưng không vào được khoang máy. Tiếp theo đó, hàng chục máy bay khu trục đến ném bom. Tối chiều thì con tàu chìm hoàn toàn. Do tàu bị trúng bom, lúc chìm, tàu lật nghiêng, cửa khoang máy nằm phía dưới đáy vịnh. Đã thế lại phải lặn sâu, sức ép của nước mạnh, hai người lặn mãi vẫn không sao vào được tàu để chụp nổ.

Đến tối, địch thả pháo sáng, phía biển có hai tàu trấn giữ, trên bờ, hai tiểu đoàn bộ binh tràn xuống chiếm lĩnh các điểm cao trên quốc lộ 1, bao vây chặt, có ý định sẽ bắt sống cả người và tàu của ta. Sáng hôm sau, máy bay lại liên tục giội bom. Bộ binh của chúng mới chỉ dám tụ tập trên đèo Cả.

Đêm ấy, Ban Chỉ huy Khu 5 cử một tiểu đội công binh mang bọc phá tới, quyết thủ tiêu tung tích. Nhưng

do đặt không đúng vị trí hay sao đó mà khi nổ xong, con tàu chỉ vỡ đôi nằm chìm dưới đáy vịnh.

Suốt một tuần lễ, du kích, bộ đội địa phương và 18 thủy thủ tàu 143 chiến đấu quyết liệt với hai tiểu đoàn bộ binh và thủy bộ không quân địch. Một bộ phận trên bến có nhiệm vụ đặt mìn phá hủy số vũ khí đang cất giấu ở hang đá, chưa kịp vận chuyển đi. Mới cách đó ba ngày, đã có một chuyến tàu đổ gần năm chục tấn vũ khí vào Vũng Rô. Hang núi và các khe đá chứa đầy vũ khí, có phá cũng không hết.

Ý định quyết bắt sống tàu ta đã rõ, địch đổ quân thủy bộ bao vây cả khu vực, tàu chiến nguy lượn ào ào ngay trong vịnh và ngoài cửa biển.

Nhận thấy lực lượng ta quá mỏng manh so với địch, ta đành phá vòng vây, vượt quốc lộ 1 rút lui lên căn cứ trên núi. Anh em thủy thủ từ đây theo đường giao liên vượt Trường Sơn ra Bắc.

Sau này, qua tài liệu của địch ta mới biết là một tướng nguy từ Sài Gòn ra chỉ huy trận đánh, quyết bắt sống cho bằng được tàu ta. Sau đó hấn cho trục vớt con tàu và những vũ khí chất trong hang núi, đưa vào Sài Gòn triển lãm quảng cáo rùm beng.

Địch đã có đủ bằng chứng về việc vận chuyển vũ khí của ta trên con đường biển Đông. Chúng tăng cường tuần tra phong tỏa biển Đông, nhanh chóng phân tích để tìm ra các bãi đậu ven biển, tổ chức các lực lượng với quy mô lớn, giám sát chặt chẽ, gắt gao, không chỉ ven bờ mà cả ngoài khơi, cả hải phận quốc tế. Tàu tuần tra tuần

tiểu trên sông rạch, nhất là các cửa sông. Kết hợp với không quân trinh sát theo dõi sát sao từng con tàu trên biển. Chúng còn cài đặt hệ thống ra-đa làn sóng vô tuyến điện hiện đại để dò nhận sóng điện thông tin. Thời kỳ này, Mỹ đổ quân ào ạt vào miền Nam cùng với vũ khí hiện đại tối tân nhiều vô kể. Hải quân Mỹ từ hạm đội 7 vào tham gia, trang bị tối đa và hiện đại cho công việc canh giữ vùng biển, quyết không cho một tàu nào của Bắc Việt xâm nhập.

Sự kiện Vũng Rô đã chấm dứt thời kỳ “hoàng kim” của việc vận chuyển vũ khí trên biển vào Nam của ta, chuyển sang một giai đoạn mới đầy khó khăn gian khổ, một giai đoạn phải chịu đựng bao mất mát, hy sinh để đổi lấy một phần thắng lợi. Sau sự kiện này, cấp trên lệnh cho Đoàn 125 tạm ngưng việc vận chuyển vũ khí trên biển.



Một trong những con tàu không số của Đoàn 125 hải quân đang hướng về phương Nam

Gian nan chiến trận vào bờ

Đánh lừa nhau trên biển

Gần ba năm nay, Cà Mau - Bạc Liêu quen với chuyện tuần nào cũng có tàu vận chuyển vũ khí vào bến, có tuần mấy chuyến. Quân khu mặc sức phân phối vũ khí cho các mặt trận Tây Nam Bộ và cả Đông Nam Bộ. Vậy mà sau vụ Vũng Rô, bằng đi đến hơn 8 tháng trời không tàu nào vào bến nữa. Không nén nổi sốt ruột, Tư lệnh Quân khu điện thẳng ra Bộ Chỉ huy:

- Chúng tôi đang rất cần vũ khí. Bây giờ các anh tính bắt chúng tôi đánh giặc bằng cùi chỏ phải không?

Giọng ông lo lắng và trách móc rồi bất chợt như khiêu khích:

- Đoàn 125 giải tán rồi hả?

* * *

Số vũ khí dự trữ ngày càng cạn, mà phong trào cách mạng thì ngày càng lớn mạnh và quân dân miền Nam

mong mỗi được trang bị vũ khí như nắng hạn chờ mưa, như con thơ khát sữa chờ mẹ. Đường Trường Sơn, huyết mạch nối hậu phương với tiền tuyến nhưng chỉ vận chuyển vũ khí tới chiến trường miền Trung và một phần Đông Nam Bộ mà thôi! Còn chiến trường Tây Nam Bộ bao năm nay, vũ khí chỉ trông chờ vào đường biển.

Sau vụ Vũng Rô, Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có lệnh ngưng việc vận chuyển vũ khí bằng đường biển. Trong thời gian này, Đoàn 125 Hải quân được tăng cường, được huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn cho thủy thủ, trình sát và chuẩn bị các phương án cho một giai đoạn vận chuyển mới. Tuy con đường vận tải vũ khí trên biển đã bị lộ, địch tăng cường phong tỏa toàn bộ vùng biển miền Nam, song chúng có thể chưa rõ lực lượng phương tiện của ta. Chúng chủ yếu tập trung ở ven bờ, còn ngoài hải phận quốc tế vẫn có chỗ sơ hở. Bí mật về con đường bị lộ, nhưng từng chuyến đi, từng cách luồn lách, đi lối nào, thả hàng lúc nào, ở đâu, vào bến ra sao, ta vẫn có khả năng chủ động, vẫn khiến cho địch bất ngờ.

Đoàn 125 đã sẵn sàng làm nhiệm vụ. Quân chủng Hải quân báo cáo lên Bộ Quốc phòng xin được tiếp tục vận chuyển vũ khí cho chiến trường miền Nam.

* * *

Việc tàu 42 vào được bến Cà Mau thật bất ngờ, như từ trên trời rơi xuống, không mất một viên đạn, không tàu địch bám theo. Mà nào tàu có nhỏ, nó chở tới 60 tấn vũ khí, xua tan nỗi lo âu mong mỏi của bến đợi. Chuyển

hành trình 10 ngày trên biển Đông với sóng gió thì chẳng có gì lạ, với máy bay trinh sát giặc thì dù không tàng hình cũng cải dạng đánh lừa. Chuyển hướng, thay biển số, trang bị dụng cụ đánh cá... Ta vận dụng đủ mọi thủ thuật tinh vi để che mắt địch.

Chiến thuật này hầu như tàu nào cũng áp dụng, nhưng đúng như ta đã nhận định: dù con đường vận tải trên biển đã bị lộ, dù địch tăng cường tuần tra, dù thế nào đi chăng nữa cũng không thể không có sơ hở, ta phải biết lựa đúng chỗ kẻ hở đó mà đi

Thuyền trưởng Nguyễn Văn Cứng cùng chỉ huy Trần Ngọc Ẩn khôn khéo đánh lừa máy bay trinh sát trên biển của địch. Tàu 42 đã vào được bến Rạch Gốc, Cà Mau an toàn. Vũ khí đã tiếp tục vào với chiến trường Nam Bộ.

Sau thời gian im hơi lặng tiếng, nay địch đã phát hiện có tàu đổ bộ vào Cà Mau, lập tức chúng huy động máy bay, tàu chiến bắn phá ác liệt vùng căn cứ của ta. Tàu chiến địch bao vây các cửa sông, đón lõng chờ tàu ta quay ra là bắt sống. Chúng ta đánh trả cũng quyết liệt không kém. Lực lượng bền của Đoàn 962 kiên quyết bảo vệ tàu, bảo vệ bến bằng được.

Rừng được mệnh mệnh, thiệt hại không đáng kể, bom đạn có rải xuống U Minh bao nhiêu cũng không thấu.

Đêm ấy, lực lượng ở bến Cà Mau và tàu 42 lại một phen thử sức với tàu địch. Táo bạo và khôn khéo, nghi binh đánh lừa đối phương, lọt ra khỏi vùng phong tỏa, như một con cá kình vượt sóng, tàu 42 thoát khỏi vòng vây một cách êm thấm nhẹ nhàng, trở về miền Bắc. Thật là một chuyến đi hoàn hảo đẹp như một giấc mơ!

Tàu 42 mở đầu thắng lợi cho thời kỳ vận chuyển mới trên biển đầy ác liệt, nguy hiểm, nhưng nếu dũng cảm, biết ta biết địch, lợi dụng sơ hở của đối phương, tàu ta vẫn có cách vào bến đổ hàng. Tất nhiên là vô cùng gian khổ, mất mát và hy sinh là điều không thể tránh khỏi.

Tàu thả trôi không còn người lái

Trong những năm này, giặc Mỹ bắn phá miền Bắc rất ác liệt. Các đường giao thông thủy bộ là điểm đánh phá đầu tiên, triệt để. “Triệt để” là người Mỹ nói, chứ trên thực tế Mỹ chỉ gây cho chúng ta khó khăn gian khổ và hy sinh. Chúng ta còn có trăm phương ngàn cách vận chuyển, làm sao Mỹ có thể ngăn cản được?! Tàu hỏa của chúng ta còn chạy trên cầu phao vào ban đêm. Đường giao thông mới mở chẳng chịt như mạng nhện. Hệ thống bến cảng như thiên la địa võng...

Để bảo đảm an toàn cho vũ khí và tàu, thời kỳ này hầu hết “tàu không số” chở vũ khí vào Nam đều xuất phát từ một cảng bí mật có ký hiệu là A2 bên đảo Hải Nam.

Ta đã biết trước là sẽ gặp muôn vàn khó khăn nguy hiểm vì mạng lưới tuần tiễu của tàu, của radar, của máy bay trinh sát địch phong tỏa gần như dày đặc dọc bờ biển miền Nam cả ngoài hải phận quốc tế. Mỗi chuyến tàu ra đi là mỗi chuyến cảm tử.

Tàu 100 được lệnh rời bến Hải Nam Trung Quốc, do thuyền trưởng Lê Minh Sơn và chỉ huy Nguyễn Hữu Tương cùng 15 thủy thủ chở trên 60 tấn vũ khí vào Bạc Liêu.

Sáu ngày đầu yên tĩnh, biển Đông êm sóng, tàu vào tới vùng biển cực Nam, chuẩn bị rẽ vào bờ thì khu trục hạm của Mỹ phát hiện bám theo. Tàu 100 mấy lần tìm cách vòng vèo lẩn trốn, đánh lạc hướng, vòng ra vòng vào, cắt đuôi nhưng cái đuôi vẫn bám không rời. Đêm ấy, tàu cứ nhằm hướng rẽ vào bờ.

Máy bay Mỹ tới thả pháo sáng rực trời, chiếc tàu chiến Mỹ chạy đón đầu, quyết bắt sống tàu ta. Tàu 100 không chùn tay lái vẫn lao lên vùn vụt, hướng mũi sẵn sàng đâm thẳng vào tàu địch. Tàu Mỹ vội tránh ra, tàu 100 nổ súng bắn sang tàu địch, tranh thủ lao vào hướng bờ, đánh tín hiệu cho bến.

Bờ biển vùng này nông, có bãi bồi lầy lầy ra biển dài hàng chục cây số, lúc triều xuống thì càng nông. Nhận được tín hiệu phía bờ, tàu 100 lao thẳng vào cửa Bồ Đề, bến Rạch Giã. Đêm đó nước ròng, tàu lao nhanh không may bị mắc cạn, vì chở quá khẳm, không còn có thể thoát lui.

Tàu địch tập trung về cửa biển thêm ba bốn chiếc nữa bao vây các phía, quyết bắt sống. Trong tình hình ấy, biết không thể chạy thoát, chỉ huy tàu quyết định cho anh em bơi lên bờ, điểm hỏa để phá hủy tàu.

Mãi không thấy tàu nổ, không hiểu vì sao các khối thuốc nổ không muốn phá tàu. Các khối thuốc nổ không nổ nhanh chóng chịu thất bại, vội vàng chôn vùi trên 60 tấn vũ khí xuống đáy biển. Địch tập trung tàu chiến bao vây thật chặt nhưng không dám tới gần. Lực lượng trên bờ do đồng chí Tư Mao chỉ huy kịp thời bắn xối xả ra phía tàu địch đang muốn sáp lại gần, buộc chúng không

dám lên tàu. Chúng cũng không dám tiến thêm vì sợ mắc cạn, sợ hỏa lực trên bến và sợ tàu ta nổ.

Trời đã gần sáng, ông Tư Mao cùng với thợ máy Cốt và mấy du kích của bến nguy trang bơi ra tàu. Tàu vẫn mắc cạn, vả lại không ai biết lái. Ông Tư Mao thu thập tài liệu quan trọng, vợ vội được ít vũ khí rồi bơi vào bờ. Suốt đêm hôm ấy và cả sáng ngày hôm sau đã diễn ra cuộc chiến đấu dữ dội với tàu chiến địch của lực lượng du kích trên bến và thủy thủ tàu. Họ quyết chiến đấu, không cho địch cướp tàu.

Bến Rạch Giã đã lâu không nhận được vũ khí, nay vừa nhận được điện báo chuẩn bị có tàu vào, mấy ngày liền mừng lo thấp thỏm. Nay nhìn thấy tàu trong tình trạng nguy hiểm này, thật đau xót vô cùng!

Trong vòng vây của tàu chiến địch, ta không còn cách nào đưa tàu vào hay có thể lấy vũ khí từ tàu lên. Lực lượng trên bến tập trung toàn lực nhằm bắn vào tàu chiến địch để cố giữ, không cho chúng lại gần tàu. Hy vọng có thể cứu được tàu.

Trận chiến diễn ra ác liệt nên không ai dám bơi ra giữa làn đạn để điều khiển con tàu vào bờ khi nước đã lớn. Tàu cứ trôi nổi ở bờ biển Cà Mau, trên tàu còn hơn 60 tấn vũ khí và một tấn thuốc nổ. Tàu không có người lái, không tàu địch nào dám ghé sát, không ai dám xuống tàu.

Trưa hôm sau, trực thăng và phản lực đến giội bom quanh bờ, quyết tiêu diệt hỏa lực của ta đang quyết chiến bảo vệ tàu. Dứt đợt bom, tàu chiến địch lại sắp vào toan

cướp tàu, hỏa lực ta bắn trả quyết liệt. Cứ thế cuộc chiến dai dẳng gay go suốt hai ngày trời. Con tàu Poăng-go-rây thiện chiến của Mỹ cũng bị đạn ta xuyên phá bị thương.

Biết không thể bắt sống được tàu ta, địch cho máy bay ném bom thẳng xuống tàu, bom trúng cùng với thuốc nổ trên tàu đã kết hợp dựng lên một khối lửa khổng lồ quện với khói bùng lên dữ dội. Mặt nước trở lại yên lặng, không còn bóng dáng con tàu mang ký hiệu 100 đâu nữa. Chỉ còn những ánh mắt đăm đăm nhìn theo, đau xót tiếc nuối đến đứt ruột của những con người trên bờ. Bom giặc đã hủy tàu “giúp” chúng ta.

Bộc phá không nổ, mất nguyên con tàu

Không ngại tổn thất hy sinh, chiến trường cần phải có vũ khí, những “con tàu không số” vẫn cứ đi. Một tháng sau khi tàu 100 bị thiệt hại, Đoàn 125 lại cho tàu 187, cả thảy 18 người chở 62 tấn vũ khí lên đường vào Trà Vinh.

Thời kỳ này, bất kể một tàu nào đi trên vùng biển quốc tế đều bị máy bay trinh sát theo dõi. Thấy khả nghi là chúng chụp hình, bám sát. Khi đã phát hiện ra là tàu Bắc Việt, chúng không đánh động, cứ vờ như không biết, tiếp tục theo dõi để đến khi tàu ta vào đến gần bờ mới bao vây tấn công. Lực lượng đôi bên quá chênh lệch, khi đã bị bao vây, thật khó bề chạy thoát. Một chiếc tàu ta lọt trong vòng kiểm soát bao vây của hàng chục tàu chiến và máy bay Mỹ.

Gian khó như thế nhưng tinh thần của thủy thủ “tàu không số” vẫn không hề nao núng. Họ vẫn cùng với con tàu chở vũ khí vào Nam, dù biết rằng sẽ hy sinh.

Xuất phát từ đảo Hải Nam, Trung Quốc, tàu ta chạy ra hải phận quốc tế để đánh lạc hướng quan sát của máy bay và hệ thống ra-đa của địch. Tàu 187 tiến xuống hướng Nam. Sau 5 ngày, tàu đã đến ngang vùng biển Cà Mau. Máy bay địch phát hiện, chúng điện cho khu trục hạm tuần tra vùng biển Vĩnh Long chạy ra ngăn chặn. Đồng thời lúc này có 3 tàu Hải quân Mỹ, 4 tàu Hải quân ngụy tiến tới vây chặt bốn phía tàu ta, quyết không cho trốn thoát. Chỉ huy tàu cùng toàn bộ thủy thủ thực hiện phương án chiến đấu quyết tử trong vòng vây dày đặc tàu hải quân Mỹ - ngụy, máy bay uy hiếp trên đầu, bắn xối xả xuống tàu. Tàu 187 tăng tốc độ thật nhanh, xông phá được vòng vây, lao về phía bờ. Còn cách bờ 300 mét, tàu đâm vào một bãi lầy, khựng lại vì mắc cạn. Ba bề phía ngoài biển, tàu địch bám theo san sát. Chúng nã pháo dày đặc rồi cho xuống máy đổ bộ tiến vào tàu ta rất đông.

Không còn con đường nào khác, thuyền trưởng đành ra lệnh hủy tàu, cho anh em rời tàu bơi lên bờ.

Trong nhiều trường hợp hủy tàu, không phải trường hợp nào cũng giống nhau. Nếu không hủy được tàu, trước hết là để lộ đường vận chuyển, thứ nữa phương tiện vũ khí mà rơi vào tay địch thì còn biết bao tai hại phiền toái về quân sự, chiến lược, ngoại giao, ảnh hưởng đến vấn đề nước bạn đã giúp chúng ta vũ khí. Lệnh của cấp trên là bằng mọi giá phải hủy tàu, không để rơi vào

tay giặc. Đặt một khối thuốc nổ không hủy được tàu, mà phải đặt ba khối, một khối ở đầu tàu, một khối ở giữa tàu, một khối ở cuối tàu. Với nhiều loại kíp nổ định giờ khác nhau. Chập dây cháy chậm, kíp điện, kíp axit, đồng hồ định giờ, rồi cho nổ liên hoàn... Ba khối với một ngàn ki-lô-gam thuốc nổ, bảo đảm tàu nổ tan tành. Một nguyên tắc nữa là chính thuyền trưởng, chính trị viên, máy trưởng là người chịu trách nhiệm kiểm tra lại các kíp nổ, điểm hỏa và là người rút khỏi tàu sau cùng.

Song không hiểu vì sao lần này bộc phá lại không nổ? Lực lượng trên bờ không kíp hỗ trợ. Toàn bộ 62 tấn vũ khí trên tàu 187 bị địch kéo đi lấy mất, cùng một thủy thủ bị thương còn lại trên tàu.

Cũng thời gian này, ở bờ biển ngoài bến Ba Làng An Quảng Ngãi, tàu 198 cũng gặp trường hợp tương tự như tàu 187. Bị bao vây, thủy thủ cho hủy tàu rồi bơi vào bờ, tàu không nổ, địch lấy được nguyên cả con tàu và vũ khí.

Đây là giai đoạn mà mỗi khẩu súng, mỗi viên đạn vào được đến miền Nam đầy gian nan, khó khăn và mất mát hy sinh!

Nằm lại cạnh rừng được

Tàu 69 đi theo hành trình của tàu 42, một bài học thắng lợi, hành trình vòng vèo ngoài hải phận rồi tiến về phía Nam. Nhiều lần những chiếc máy bay trinh sát của Mỹ phát hiện bám theo, nhưng tàu 69 vẫn khôn khéo

đánh lạc hướng. Đêm đó, lại một tàu tuần dương của Mỹ có vẻ như đang bám tàu từ xa. Thuyền trưởng Nguyễn Hữu Phước (Năm Phước) cho tàu chuyển sang hướng Đông. Tàu Mỹ xa dần, chắc chúng nghĩ chỉ là tàu buôn trên biển, đi sang Hồng Kông hay Ma Cao gì đó. Người Mỹ vẫn giữ thói quen tuân thủ luật hàng hải.

Bảy ngày lượn vòng như chơi ú tim ngoài biển, bảy ngày nguy trang khôn khéo, tìm cách luồn lách, tránh tàu địch từ xa, vận dụng kinh nghiệm phòng thủ, đấu trí căng thẳng với tàu tuần tra của địch, tàu 69 vẫn đang tiến về phía mục tiêu đã định.

Nhận được điện từ Bộ Tư lệnh Hải quân Đoàn 125, bến Vàm Lũng mừng vui khắp khởi chuẩn bị đón tàu. Công việc đón tiếp bây giờ quy mô chặt chẽ hơn hẳn từ trước tới nay. Mọi người đang hồi hộp đếm từng ngày chờ đợi. Đã 7 ngày, tính từ hôm tàu xuất phát, nay đã là ngày tàu tới nơi. Suốt đêm 22-4-1966, cả đơn vị không ai chợp mắt. Tất cả mọi người giữ đúng vị trí quy định đã được phân công, chờ đợi một tia sáng tín hiệu xuất hiện ngoài khơi. Từ hồi hôm đã nôn nóng, rồi 1 giờ, 2 giờ đêm, đến 3 giờ sáng vẫn không thấy gì cả. Mọi người đang lo lắng căng thẳng thì nhận được điện từ Bộ Tư lệnh báo: "Tàu 69 đã vào".

Niềm vui trào dâng, các quan sát viên trên ngọn được căng mắt nhìn ra hướng biển đón tàu. Trời đã hừng sáng, chỉ huy đứng dưới gốc cây vẫn ngửa cổ nhìn lên đài quan sát, vẫn điều khiển quan sát viên phải tiếp tục làm nhiệm vụ. Quan sát viên vẫn lắc đầu, lắc đầu. Bao nhiêu

câu hỏi đặt ra cho ban chỉ huy bến. Người hỏi, người trả lời, người phân tích:

- Tàu 69 đụng địch chẳng? Hay là bị thương?
- Không thể có chuyện đó, suốt đêm làm gì có tiếng súng nổ trên biển!
- Có thể tàu 69 đụng địch, lại quay ra biển rồi!

Bao nhiêu câu hỏi chưa được trả lời, mọi người lo lắng nôn nóng như lửa đốt. Xin đừng có biến mất như mấy con tàu trước! Bao nhiêu xương máu công sức mới đưa được vũ khí vào, mà gần tới nơi lại mất! Mọi người lo thất ruột.

Vừa mờ sáng, Tư Mao đã ra lệnh cho anh em chia thành nhiều nhóm đi dọc bờ biển, cả các vàm sông để tìm tàu. Từ sáng đến tối, mọi người đều báo cáo về là không thấy tàu. Những cái lắc đầu thất vọng.

Trời đã tối, bỗng có tiếng gọi thất thanh của Thanh Hương, một nữ giao liên của bến, quần áo xơ xướt, thân hình lấm đầy sinh, tất tả chạy về:

- Chú Tư...! Chú Tư ơi! Có tàu vào rồi!
- Đâu, ở đâu?
- Tàu vào lạch Vàm Hố.

Vàm Hố cách bến này cũng đến mấy cây số đường rừng. Tất cả cùng tức tốc lao tới nơi. Đã suốt một ngày một đêm khắc khoải chờ đợi, nay thấy tàu vào, mừng vui hết biết! Người trên bến và người dưới thuyền ôm lấy nhau cảm động.

Thuyền trưởng Năm Phước đã tỉnh trở lại, anh nói to:

- Chúng tôi phải luồn lách mãi mới né tránh được tàu tuần tra của địch là nhờ đêm tối. Không ngờ lại xác định nhầm bến, trời đã gần sáng, không thể quay ra biển được, đành ém vào đây.

Một trinh sát hỏi:

- Tại sao tôi nghe thấy tiếng súng của ta nổ ở hướng này?

- Tàu vừa vào thì du kích nổ súng, thế mới chết cha!

- Chúng tôi đã dùng mọi cách ám hiệu mà họ vẫn cứ bắn.

- Do họ không được báo trước thôi.

Năm Phước vừa cười sung sướng vừa bắc tay lên miệng:

- Chúng tôi phải gào lên: Ngừng bắn! Ngừng bắn các đồng chí ơi! Tàu ta đấy! Mãi sau họ mới nhận ra tàu mình. Lúc ấy trời đã gần sáng rồi. Anh em du kích ủa ra khá đông. Họ dẫn tàu chúng tôi vào một con xẻo, lấy



Tàu 69 bị kẹt tại rạch Xẻo Giã
(Tân An - Cà Mau)

cành được che đầy nguy trang kín tàu, găm chằng cho chắc đề phòng trực thăng tới dòm ngó, đánh tốc lá nguy trang. Họ cắt cử người canh phòng, hướng dẫn cho ghe xuồng dân đi sang lạch khác để giữ bí mật cho tàu.

Tư Mao mừng không nói nên lời, nhưng vốn ít lời, anh chỉ mím môi gật gật đầu mãi.

Năm Phước bóp tay Tư Mao, nói nhỏ vào tai:

- Ngon lắm heng! 72 tấn vũ khí lặn, đã chưa Tư Mao?!

- Thật quý quá xá trời! Không sao nói hết được tao đang mừng ra sao đâu bây!

Anh em kể chuyện:

- Bà con ở gần đây, nhất là các má các chị cứ nhất định đòi lên tàu! Bị du kích chặn lại không cho lên, họ nói to: "Tàu này là tàu của miền Bắc, của Bác Hồ chở vũ khí cho miền Nam chiến đấu. Tụi tao là đồng bào miền Nam ruột thịt nè. Tụi tao phải có trách nhiệm lên thăm để báo cáo với Bác chớ..." Khi lên tàu, các má, các chị đều khóc òa, níu tay từng người vì cảm động, vì thương anh em thủy thủ cực khổ quá, dũng cảm quá... và cũng vì sung sướng quá!

Ngay đêm đó, tàu 69 được đội xuồng ba lá đi trước dẫn đường, vòng ra phía cửa Bồ Đề rồi vào cảng Bực Lữ. Gọi là cảng chứ chỗ này thực ra chỉ toàn rừng đước, rừng ngập mặn sinh lầy, không ánh sáng, không có phương tiện bốc dỡ, 72 tấn vũ khí được những bàn tay, đôi vai của các chiến sĩ vận chuyển lên bờ cất giấu bảo vệ. Vì họ nghĩ: "Mình ở bến, có cố gắng bao nhiêu cũng không thấm vào đâu so với các anh em trên tàu đã dũng cảm

không nề hy sinh đưa được vũ khí vượt ngàn trùng khơi đầy gian khổ nguy nan mới vào được tới đây.”

Chỉ huy bến lâu nay mới được một phen tất bật trong niềm vui sướng được đón tàu vào, đón những người đồng chí trung kiên quả cảm, đón vũ khí quý như máu thịt của mình.

“Xưởng sửa chữa tàu” dưới lòng sông

Khi vũ khí đã bốc xong, tàu nổi hẳn lên cao, mới lộ ra cái chân vịt đã hư hỏng nặng, không còn xoay được nữa. Giữa cảng nhưng không có một phương tiện nào để sửa chữa loại tàu sắt này. Không nhẽ đành bó tay?!

Anh Tư Mao quan sát tính toán một hồi rồi gọi mấy người lại:

- Tụi bây đi chặt cho tao vài chục cây đước về đây!
- Để làm gì vậy chú Tư? Chặt cây lớn không?
- Cứ mang về đây rồi khắc biết!

Lúc này nước triều đang lớn, Tư Mao hướng dẫn mọi người đóng cừ bắc giàn chống, đỡ lấy dít con tàu thật chắc, ở trên thì lấy dây chằng ghì ra tứ phía vào các thân cây đước, giữ cho tàu thăng bằng. Anh Tư kiểm tra cẩn thận từng cây chống:

- Chỗ này đóng thêm hai cây chéo nữa!
- Dưới ca bin này bày cho thêm bốn cây nữa nghe!

Khi nước triều xuống, cả con tàu nằm hẳn trên dàn cây được làm giá đỡ dưới bụng. Chân vịt tàu lộ ra. Anh Tư huy động những tay thợ đã từng có tay nghề đóng tàu, sửa chữa tàu cá, cả lực lượng của bến, trước hết đắp một cái đập ngăn nước bao xung quanh tàu, vét nước vét bùn. Một “xưởng sửa chữa tàu” được hình thành ngay dưới lòng sông, “xưởng” không điện không máy móc, chỉ huy động được cả thảy 4 cây đèn khò thay nhau vừa khò vừa sửa. Anh Tư trực tiếp điều khiển các “tay thợ”. Sức người và trí tuệ có thể làm được những điều bất ngờ, tưởng như thần thánh hóa phép phù hộ. Sau một tuần lễ vật lộn với



Từ trái sang: Đồng chí Bông Văn Dĩa -
Anh hùng LLVTND, đồng chí Lê Đức Thọ,
đồng chí Phan Văn Nhở (Tư Mao) -
Anh hùng LLVTND

bùn, nước, cái chân vịt hỏng kia đã được Tư Mao và anh em sửa xong, tàu được hạ thủy an toàn.

Đêm 1-1-1967, sau một thời gian dài chờ đợi thời cơ, sau khi đã nhận được thông báo từ Hóc Năng, Cái Bàu, Bồ Đề cho hay ngoài cửa biển đang yên tĩnh; lợi dụng Tết Dương lịch bọn địch nghỉ lễ, có thể chúng sẽ lơ là canh phòng, chỉ huy bến quyết định cho tàu 69 rời cửa Vàm Lũng lên đường ra Bắc. Lực lượng

của bến được lệnh chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, yểm trợ cho tàu ra khơi.

Các thủy thủ lưu luyến vẫy tay chào bến. Tàu lướt đi lặng lẽ trong bóng đêm ra khơi, thanh thản như lòng người đang lâng lâng vì đã hoàn thành nhiệm vụ. Chưa 40 phút sau, các đài quan sát trên ngọn đước đều nhìn thấy phía ngoài biển sáng lên bởi những làn đạn đan chéo vào nhau, mỗi lúc một dày thêm. Anh em vội báo ngay cho chỉ huy bến.

Chỉ huy Tư Mao phát lệnh:

- Tàu địch dịch ngoài khơi rồi. Toàn bộ lực lượng chuẩn bị chiến đấu, đón tàu vào bờ!

Tàu 69 ra khơi trong đêm tối, không ngờ tàu địch đã đón sẵn ngoài ấy. Hai tàu địch dàn ngang đón đầu, chúng nổ súng trước, hỏa lực nhắm tàu ta tuôn sang như đổốc lao.

Thuyền trưởng hô to:

- Tất cả vào vị trí chiến đấu!

Phía ngoài kia, hai tàu chiến địch đang áp tới gần.

- Quay đầu vào bờ!

Lái tàu xoay mạnh vô lăng, tàu vừa lượn tránh đạn, vừa quay mũi vào bờ. Các tay súng của ta bắn trả quyết liệt.

Nghe khẩu lệnh của thuyền trưởng Phước, Lưu Kim Nhật quay khẩu 12 ly nhắm vào tàu địch gần nhất. ĐKZ trên tàu ta nổ liền mấy phát. Tàu địch chạy vọt ra xa tránh đạn.

Mấy phút sau, một tốp máy bay đến thả pháo sáng, cả một vùng trời sáng như ban ngày. Tàu chiến ngụy lại bao vây, máy bay trực thăng bắn xuống như mưa. Mật tàu trúng đạn. Thủy thủ Đoàn Văn Dĩ hy sinh ngay trên ụ súng.

Phan Hải Hồ bị thương nặng vào chân, anh không đứng được nữa. Ba chiếc tàu địch đang quây lấy tàu 69 nhả đạn. Tàu bị bốc cháy, một số thiết bị đã hư hỏng.

Chiến sĩ Phan Hải Hồ vẫn bò dậy, hai tay ôm ghì súng bắn trả quyết liệt sang tàu địch. Luồng đạn dò lờ phụt ra trước họng súng của người chiến sĩ đang bị thương rất nặng. Bàn chân anh bị thương gãy rời xương, chỉ còn dính phần mềm cứ vướng theo thân hình đang chuyển động của anh. Hình như cái chân bị thương ấy trong giây phút này không còn giúp cho anh đứng vững nữa, mà nó cản trở sự di chuyển của chân còn lại. Thấy Nguyễn Hấn chạy tới, Phan Hải Hồ kêu to:

- Hấn! Anh giúp tôi chặt cái chân này đi, vướng quá, khó chiến đấu!

Hấn khựng lại, đau xót nhìn người đồng chí đang dững cảm chiến đấu quyết tử với tàu địch. Máu me đầy mình, bị thương nặng như thế nhưng Hải Hồ vẫn dồn hết sức còn lại, chiến đấu quyết tiêu diệt địch. Máu sôi lên, thuyền phó Nguyễn Hấn ôm lấy súng của thủy thủ Đoàn Văn Dĩ đã hy sinh, chĩa thẳng vào tàu địch, nhả đạn liên hồi.

Trận chiến không cân sức trên biển càng lúc càng gay go quyết liệt. Bí thư chỉ bộ tàu Tăng Văn Huyền chứng kiến cảnh đồng đội chiến đấu dững cảm, anh hô thật to át cả tiếng súng đạn rền vang:

- Các đồng chí hãy bắn mạnh hơn nữa, trá thù cho đồng chí Dĩ! Hãy chiến đấu dũng cảm như đồng chí Phan Hải Hồ!

Chính trị viên xông vào dập lửa, miệng hô to:

- Hãy tìm cách cứu tàu! Bộc phá có thể nổ, đây chưa phải thời điểm cần phá tàu!

Tàu ta vẫn chiến đấu và đang lạng lách giữa 4 tàu của địch, vừa đánh trả quyết liệt, vừa tiến vào bờ. Bến được lệnh bắn pháo hiệu liên lạc cho tàu vào cửa Vàm Lũng. Súng đạn hai bên cùng nổ hết cỡ, các tàu bắn nhau, trên bờ bắn xuống, dưới tàu bắn lên rất sạt. Trong cơn lửa đạn, tàu 69 dũng cảm xông pha phá được vòng vây đã vào gần bờ, vọt ngay vào cửa Vàm Lũng. Lực lượng của bến dốc toàn lực bắn chặn các tàu địch đang đuổi theo, đẩy cả 4 tàu địch chùn lại, dạt ra xa.

Sợ ăn đạn, chúng không dám vào gần bờ nữa. Sau đó, ta nghe đài Sài Gòn thông tin: "Ngày 1 tháng 1... đã tiêu diệt được một tàu "Bắc Cộng" chở vũ khí cho "Việt Cộng" ở cửa Bồ Đề". Chắc bọn tuần tra này muốn báo công và sợ phải vào săn lùng trong chốn thiên la địa võng của rừng đước, sợ chết.

Tàu ta bị hỏng nhiều chỗ, có nơi mạn tàu trúng hàng trăm vết đạn dày như cái rổ. Thủy thủ Đoàn Văn Dĩ hy sinh, 3 người bị thương. Không thể sửa chữa được nữa, tàu 69 đã bị hỏng nặng, đành nằm lại trong rừng đước Cà Mau. Nhưng tàu đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, vận chuyển 72 tấn vũ khí an toàn lên bến Vàm Lũng, đúng trong thời kỳ vũ khí đang khan hiếm.

Anh em trên tàu 69 ở lại bến, cùng với thủy thủ tàu 187, chờ ngày có tàu khác vào. Có ngờ đâu rằng phải tới gần 3 năm sau mới có tàu 154 của La Minh Tốt, Đỗ Văn Bé và Nguyễn Văn Đức vào được bến Vàm Lũng.

Bến Cà Mau là một dải dài các cửa sông lạch, hầu hết các cửa lạch đều có thể xây dựng bãi bến đậu. Rừng đước mênh mông như mái nhà che nắng che mưa cho con người. Dưới rừng đước là những kho chứa vũ khí bí mật. Người dân ở đây theo cách mạng triệt để. Suốt bao nhiêu năm bến bãi đón đưa tàu vào ra, vận chuyển vũ khí bằng ghe xuồng tỏa đi muôn nơi, lên cả miền Đông Nam Bộ. Việc cảnh giác giữ bí mật được bảo đảm tuyệt đối. Ban chỉ huy bến là những người dày dạn kinh nghiệm, cảnh giác đề phòng nghiêm ngặt.

Tuy nhiên, địch đã đánh hơi được bãi đậu của tàu chở vũ khí. Chúng không lạ gì bởi đã rượt tàu của ta đến tận đây, bởi đã bắn chìm tàu, đã bắt sống tàu ta ngay ở vùng bờ biển này.

Tàu chiến nguy rải đầy các sông lạch, nhất là vùng cửa sông để canh chừng, tìm tòi. Trên trời, máy bay trinh sát, quần đảo, bắn bừa vào nơi nào chúng khả nghi và rải chất độc hóa học hủy diệt màu xanh. Nhưng chúng đã thất bại, vì làm sao có thể diệt được rừng đước Cà Mau?! Một cây gục xuống, hàng trăm cây khác mọc lên thay thế.

Điều gì rồi cũng có thể xảy ra. Dân ta đã có câu thành ngữ: “Một miệng thì kín, chín miệng thì hở”. Cũng có kẻ hèn nhát bị địch mua chuộc đã chỉ điểm cho giặc lùng sục bao vây căn cứ bến bãi và các kho vũ khí. Bên

ta có những tổn thất tuy không nhiều nhưng việc bảo toàn bí mật đã bị rò rỉ.

Việc giữ bí mật của bến bãi ngày càng đòi hỏi phải tinh vi hơn. Xây dựng một bến cảng giữa lòng dân tuy có nhiều thuận lợi nhưng không phải ít khó khăn. Nếu bến thấy mất tích một người, lập tức phải di chuyển địa điểm. Gian khổ nhất là việc dời kho vũ khí còn cất giấu trong rừng được. Người nào vắng mặt, khi trở về đều bị theo dõi rất sát, nếu kẻ đó có hành vi phản bội, liền bị trừng trị kịp thời.

Chỉ huy bến Cà Mau đã tổ chức nhiều đơn vị chiến đấu, sẵn tàu của Hải quân ngụy, tiêu diệt không ít tàu tuần tra và tàu chiến của chúng trong vùng rừng Cà Mau này.

Một trận đụng độ hy hữu đã xảy ra trong rừng được giữa trung đội sẵn tàu địch của bến và trung đoàn lính thủy đánh bộ, lính dù ngụy. Thợ máy Lê Xuân Khảm, thủy thủ tàu 69 vốn là giáo viên dạy ở trường Hàng hải Hải Phòng. Anh đã được điều xuống tàu chở vũ khí vào Nam. Chuyển này thành công nhưng tàu đã hư hỏng, đành ở lại bến. Lê Xuân Khảm được cử làm trung đội trưởng đội sẵn tàu, gồm một số anh em của bến và thủy thủ hai tàu 69 và 187, có nhiệm vụ sẵn tàu địch trên các sông lạch.

Trận này ta chỉ có một trung đội, phải chiến đấu với một đội tàu chiến ngụy. Máy bay trực thăng vừa bắn yểm trợ vừa đổ quân xuống đông như kiến gió, quyết bao vây tiêu diệt đối phương.

Trận chiến đấu không cân sức. Anh em đã chiến đấu rất quyết liệt và dũng cảm, len lỏi vào các gốc cây, bụi đước, băng mình qua rạch, vừa bắn tỉa, vừa đánh giáp lá cà. Các chiến sĩ ta đã gây cho địch khá nhiều tổn thất. Máy bay của chúng kéo tới giội bom, giội trúng luôn cả vào quân nguy.

Một số chiến sĩ của trung đội săn tàu đã hy sinh. Số anh em còn lại băng vào rừng đước. Mới ngày nào lên bến, mấy anh người Trung, người Bắc không quen cầu khỉ, đi một bước là té lăn xuống sông vậy mà giờ đây được rèn luyện đã quen với thổ ngơi, băng rừng đước nhanh như khỉ, có kinh nghiệm lội sông không kém người của bến.

Chỉ huy trung đội Lê Xuân Khảm trúng đạn bị thương nặng, chìm vào hôn mê. Khi tỉnh lại, anh mới biết là mình còn sống. Xung quanh, kiến đang bu đen vào những bụm máu. Sau này anh mới biết đó là loại kiến hôi. Loại kiến này tiết ra mùi hôi đặc biệt, nhờ vậy mà chó béc-giê của địch không phát hiện ra hơi người.

Lúc này đã im tiếng súng, tiếng người, tiếng chó săn... Tàu địch, máy bay và quân lính đã rút hết. Khảm cố bò ra mé con lạch, thấy có người nằm đó. Bò tới nơi anh mới biết đó là Hoàng Thanh Loan, thủy thủ cùng trên tàu 69 với anh. Quê Loan ở Cát Bà, Hải Phòng. Loan đã chết, mắt còn mở trừng trừng. Bụng anh bị địch mổ phanh, máu me bê bết, chày loang khắp vùng đất xung quanh. Ruột gan anh bị chúng treo lên cành cây gần đấy. Khảm chỉ còn đủ sức đưa tay vuốt mắt cho Loan rồi lại ngất đi.

Lê Xuân Khảm đã được đồng đội cứu sống.

Ba năm ở lại rừng đước Cà Mau tham gia chiến đấu săn lùng tàu chiến ngụy, đội quân “thủy thủ tàu không số đánh bộ” đã lập được nhiều chiến công ở mặt trận cực Nam. Ba năm sau, năm 1969, anh em thủy thủ tàu 69 và tàu 187 được tàu 154 của các anh La Minh Tốt, Đỗ Văn Bé, Nguyễn Văn Đức chở vũ khí vào bến, đón trở ra miền Bắc. Riêng Lê Xuân Khảm nhận lệnh ở lại bến Cà Mau, tiếp tục nhiệm vụ chỉ huy trung đội săn tàu địch.

Ghe chở thủy lôi

Nghe chuyện ghe chở thủy lôi, thật khó có thể hình dung nổi họ đã chở như thế nào?

Vũ khí vào bến, bến là vùng rừng ngập mặn sinh lầy, vận chuyển từ tàu lên bến, từ bến đi các nơi, chủ yếu là trong đêm, không máy không điện, không cầu không tời trục gì cả, chỉ có hai bàn tay. Thứ nào nặng thì 4 bàn tay, 8 bàn tay vùn đờ, thứ nào tay không nâng nổi thì cột dây đu lên ngọn đước, dùng cây đước làm đòn bẩy, đòn khiêng, con lăn. Thời thì đủ thứ sáng tạo không sao kể xiết.

Chuyện về 4 trái thủy lôi mới thật là ly kỳ, huyền thoại. Từ trên tàu sắt, thủy lôi được đưa xuống bến bằng dây nhợ, con lăn. Sáng kiến của bến là sử dụng những cây đước lớn nhất làm đòn bẩy. Cột dây vào ngọn đước, cùng một lúc những cây đước cúi xuống cong mình góp sức cùng con người “cầu” cái khối sắt tròn trùng trục như quả dưa hấu khổng lồ, đường kính hơn một mét, dính sinh trơn tuột tuyệt ấy lên. Lại dùng thân cây đước làm đà cho quả thủy lôi trượt lên bờ, rồi trượt xuống ghe. Thật trầy trụa vất vả nhưng nó cũng về được đến nơi cất giấu, nằm chờ thời cơ.

Có cậu du kích trẻ than:

- Gồm, đạn gì mà to thế, súng ống nào cho vừa?!

Bác du kích già cười sặc sụa:

- Đạn này để bắn chim đó mầy, được không?!

Đây là trái thủy lôi sừng chàm của Liên Xô. Gọi là trái nhưng nó nặng tới 1.075kg. Quân khu 9 cần nó vào một kế hoạch đánh chiến hạm Mỹ ở sông Lòng Tàu, nên tàu không số đã chở vào đây, vũ khí nào dùng vào việc ấy. Trong chiến thắng Bình Giã, quân địch đã khiếp vía kinh hồn trước vũ khí của quân Giải phóng.

Thủy lôi chở bằng ghe, chắc chắn là chỉ ở Nam Bộ, Việt Nam mới có! Không khác gì những con kiến tha một con dế, thế mà cũng tha được!

Bốn trái thủy lôi được chuyển từ nơi bí mật của Đoàn 962 tại Cà Mau lên chiến khu Rừng Sác, bằng những chiếc ghe trên phủ củi đước, trái cây, gạo nước... Trong khi vận chuyển, có quả rơi xuống lòng rạch. Tưởng bó tay, làm sao có thể vớt nó lên?! Trên cạn còn có thể dùng cây, dùng dây nhợ, chứ dưới đáy nước thì thật vô phương! "Cái khó ló cái khôn", những người quen nghề thuyền ghe đã bật ra sáng kiến.

Chiếc ghe được nhận chìm xuống cạnh trái thủy lôi, bốn người lặn xuống vắn nó vào ghe. Nhiều người cùng lội nâng ghe lên mặt nước, có nước hỗ trợ nên khá nhẹ. Sau đó, mọi người xúm lại vừa nâng vừa tát nước trong ghe ra, thế là ghe nổi. Người và ghe lại tiếp tục vận chuyển thủy lôi đi.

Bốn trái thủy lôi được ghe đưa ra cửa biển, ngược lên hướng Bắc, máy bay trinh sát Mỹ bay lượn trên đầu, nhưng thấy ghe nhỏ, trời tối nên nó bỏ qua. Sóng biển âm ào đe dọa khủng khiếp, chìm xuống đây là mất toi, nhưng không nguy hiểm bằng du kích trên bờ nã súng vào ghe. Giải phóng quân, du kích địa phương, từ thủ trưởng cho đến lính toàn mặc áo bà ba đen, xám, chân đất, làm gì có quân phục. Xuất đầu lộ diện toàn vào ban đêm, không được báo trước nên anh em du kích ven bờ thấy nghi tưởng thám báo địch, cứ bắn.

Anh Tám Sơn là người có nhiều sáng kiến, có khi các nhà nghiên cứu khoa học cũng không bằng. Anh đã tính toán đầu vào đây cả. Khi tới chỗ sử dụng quả thủy lôi, lắp ráp xong xuôi ta sẽ đục lỗng ghe, cho ghe và thủy lôi cùng chìm xuống lòng sông, nằm chờ thời cơ.

Bốn quả thủy lôi hửn là đã được sản xuất ở một nhà máy hiện đại và mang sang đây chắc cũng phải có phương tiện vận chuyển thích hợp. Khổ cho những trái thủy lôi phải vật lộn với bùn nước, sinh lầy, với ghe xuống Nam Bộ. Vậy mà nó cũng đến được đúng nơi nó sẽ phát huy công dụng. Đó là vùng làm ăn của đặc công thủy Rừng Sác. Hai trong bốn trái thủy lôi ấy đã đánh chìm chiến hạm Balon Ronge Victory có trọng tải hai vạn tấn của Hải quân Mỹ xuống sông Lòng Tàu ngày 23-8-1966, cùng với hàng trăm thiết giáp M113, ba máy bay chiến đấu phản lực và hàng vạn tấn hàng. Hơn một năm trước đấy, biệt động Sài Gòn cũng đã dùng thuốc nổ đánh chìm tàu chiến Mỹ US CARD ở cảng Sài Gòn. (Ta gọi là trận đánh tàu "Cạc").

Lên bệnh xá Đức Phổ gặp bác sĩ Đặng Thùy Trâm

Trước Tết Nguyên Đán 3 ngày, tức ngày 27-2-1968, tàu 43B được lệnh xuất phát tại một cảng ở đảo Hải Nam. Làm sao để đúng đêm giao thừa Tết Mậu Thân, tàu phải cập vào bến Mỹ Á, Đức Phổ, Quảng Ngãi.

Giữa trời đêm, con tàu được gió mùa Đông Bắc tiếp sức đang lao nhanh về hướng Nam. Trời lạnh buốt da, nhưng anh em thủy thủ trên tàu thấy lòng ấm áp vì lại được nhận nhiệm vụ vinh quang, điều khiển chiếc tàu chở 38 tấn vũ khí chi viện cho chiến trường Khu 5. Tiếng máy tàu đang chạy đều đều, bỗng ậm ạch, ậm ạch rồi tắt hẳn.

Thuyền trưởng Nguyễn Đắc Thắng chạy vội xuống khoang máy, hỏi dồn:

- Lại chuyện gì đây? Mới chạy có mấy tiếng đồng hồ đã giờ chúng à?!

Ba chàng thợ máy tàu họ Nguyễn đang châu đầu vào máy. Nguyễn Trọng Tài ngẩng lên nhìn thuyền trưởng báo cáo:

- Báo cáo, máy có trục trặc một chút, chúng tôi sẽ cố sửa!

Nguyễn Đăng Năm cúi gầm đầu vào sau máy. Nguyễn Thành Thoảng trái lại, nét mặt cậu ta vẫn thản nhiên:

- Em bảo đảm máy không có vấn đề gì lớn, chúng em sẽ sửa được ngay thôi, anh cứ yên tâm!

- Cái cậu này thật lạ! Mình sôi gan vì lo lắng mà cậu ta lại bình tĩnh thế kia ư?!

Thắng lẩm bẩm nhưng vẻ bình tĩnh của Thoảng khiến thuyền trưởng cũng thấy đỡ lo. Chỉ huy Trần Quốc Tuấn nhìn anh em gật gật đầu thay cho lời nói. Anh bình tĩnh chờ đợi.

Gần nửa tiếng đồng hồ sau, máy chạy trở lại. Tàu lao về hướng Nam, vượt qua vĩ tuyến 17, mãi miết, lặng lẽ và hối hộp. Bỗng có một máy bay trinh sát Mỹ lượn quanh bốn vòng rồi bay thẳng. Vì đây là hải phận quốc tế nên có thể chúng chỉ nghi ngờ, anh em nghĩ chắc là tàu chưa bị phát hiện. Tàu vẫn mãi miết chạy vào hướng Nam.

Sấm chớp bão lửa ở bờ biển Mỹ Á

Trời đã tối. Vừa nhận ra ánh sáng lấp lóe của ngọn hải đăng, thuyền trưởng đã xác định đó chính là cửa Mỹ Á, anh hô to:

- Chuẩn bị vào bờ!

Con tàu nhẹ nhàng chuyển sang hướng Tây.

Vừa được 20 phút, từ xa đã xuất hiện sáu tàu chiến địch ở các phía tiến gần lại, bao vây tàu ta. Tàu 43B lọt giữa ba vòng vây. Khu trục hạm Mỹ ở vòng ngoài, trong là tàu hộ vệ, vòng trong cùng gần với tàu ta là tàu PCF tốc độ nhanh. Máy bay thả pháo sáng đầy trời, rõ mồn một như ban ngày. Các tàu đã nhìn thấy nhau, vòng vây đã phong tỏa kín mặt biển.

Tàu địch nã súng sang tàu ta. Thuyền trưởng Thắng hô to:

- Chúng ta đang bị bao vây. Tập trung hỏa lực, chuẩn bị chiến đấu!

Cuộc đối đầu không cân sức, một bên đơn độc nhỏ bé, đang thu mình hết sức để lẩn tránh, một bên đông đảo, to lớn, cố tình bao vây uy hiếp.

Pháo địch câu sang phía tàu ta, may không trúng tàu, nước biển bắn lên tung tóe. Tất cả các ụ vũ khí trên tàu 43B đã được lột ngụy trang, giương sẵn nòng hướng về mục tiêu đợi lệnh.

Một loạt đạn lóe sáng lia trúng tàu ta. Không biết là của máy bay trực thăng hay tàu chiến bắn sang.

Một chiếc tàu chiến lượn tới gần! Nguyễn Xuân Thơm, thuyền phó phục vụ hỏa lực hô:

- Tất cả vũ khí, nhắm mục tiêu bên phải, bắn!

DKZ, 12 ly, 82 ly, AK cùng đồng loạt nổ chát chúa nhằm sang tàu địch, bắn chiếc gần nhất. Khẩu DKZ của

Thơm bắn trúng ngay một tàu chiến địch khiến nó bị thương bốc cháy, vội chạy vọt ra vòng ngoài.

Tiếng Thơm vang lên lẫn trong tiếng súng nổ:

- Nhắm mục tiêu gần nhất, bắn!

- Bắn máy bay phía trước!

Một chiếc trực thăng trúng đạn của tàu ta rơi ùm xuống biển, một chiếc máy bay khác bị thương, vội vàng bay vào bờ. Bao nhiêu vũ khí trên tàu dốc hết toàn lực, tấn công, kiên quyết chiến đấu phá vòng vây. Tàu ta vẫn tiếp tục lao về phía bờ. Đạn địch vẫn bắn sang tàu ta vèo vèo.

Mấy chiếc tàu địch ở vòng trong thấy máy bay rơi, tàu chiến bốc cháy, liền dẫn ra xa.

Thấy phía Bắc có khoảng trống, thuyền trưởng hô to:

- Lái tàu 45 độ sang hướng Bắc, cắt vòng vây!

Ngay lập tức hai chiếc PCF của địch lao tới đánh áp chặn đường phía Bắc.

- 180 độ, xuống phía Nam!

Vũ Xuân Ruệ nhào người trên bánh lái, môi mím chặt, vè mặt căng thẳng.

Thuyền trưởng Nguyễn Đắc Thắng, thuyền phó hàng hải Nguyễn Văn Đức, chính trị viên Trần Quốc Tuấn vừa quan sát vòng vây, vừa điều khiển tàu, vừa ôm súng chiến đấu. Không thể cắt vòng vây, tàu 43B lại quay mũi 180 độ, hết phía Bắc lại xuống phía Nam. Tàu chiến nguy rượt theo bắn sang rất ác liệt, máy bay trực thăng liên tục nhả đạn. Những tràng đạn bắn trúng tàu, rít lên chát

chúa. Tàu 43B vừa bắn trả, vừa lạng lách lượn vòng tránh đạn, vừa tránh tàu địch, vừa hướng mũi vào phía bờ. Trận chiến xảy ra trên vùng biển chỉ cách bờ 12 hải lý.

Vũ Xuân Ruệ đang cầm lái, cả thân hình anh xoay cùng bánh lái, hai hàm răng nghiến chặt, mắt long lên. Nguyễn Văn Đức thuyền phó hàng hải đứng ngay cạnh quan sát điều khiển tàu cùng với Ruệ.

Bỗng anh nghe tiếng Ruệ kêu:

- Anh Đức ơi! Em bị trúng đạn rồi!

Đức quay sang, thấy Ruệ gục trên tay lái, anh vội vàng bước tới, một tay đỡ Ruệ, một tay cầm lái tàu.

Đức hô to:

- Hào vào lái!

Lưu Công Hào (tốt nghiệp trường Hàng hải số 2, quê ở Đồ Sơn) chạy vào cầm lái. Hào cũng đã bị thương, máu chảy mà không biết bị thương chỗ nào. Hào cầm chắc tay lái, cùng với thuyền trưởng điều khiển tàu lạng lách tránh đạn, tiếp tục chạy vào bờ.

Đức quay sang ôm Ruệ lay lay:

- Ruệ, Ruệ!

- Em không sống được nữa...!

- Ruệ ơi! Cố lên! Cố lên!

- Anh hãy báo cho gia đình em... Cho em gửi lời chào tất cả các đồng chí!

Anh Đức lay lay mặt Ruệ, Ruệ đã tắt thở!

Đức không nén nổi nỗi đau xé ruột. Anh thương người đồng chí, người em này như máu thịt của mình. Từ hôm cùng lên tàu nhận nhiệm vụ, anh đã được biết chuyện của Ruệ. Ruệ mới 21 tuổi, hiền lành, đẹp trai, chiến sĩ hàng hải quê ở Tiền Hải, Thái Bình, được phép của đơn vị cho nghỉ 15 ngày cưới vợ. Mới cưới xong ba ngày, hay tin tàu của anh được nhận nhiệm vụ mới cho chuyển công tác đặc biệt, nếu nghỉ hết phép thì không được tham gia, anh muốn chuyển tàu này mình phải có mặt! Ruệ đã tạm biệt người vợ trẻ, tạm biệt mẹ, đến đơn vị đề nghị được đi.

Thủ trưởng thấy Ruệ cứ cười cười nên nghĩ chắc chàng trai trẻ này mới cưới vợ nên ngượng ngùng đây! Anh thân mật tới vỗ vai:

- Sao mới cưới vợ được ba ngày, chưa hết phép đã lên đây làm gì? Cậu đừng để cô ấy nghĩ rằng chúng tôi không quan tâm nhé!

Ruệ nằng nặc xin đi bằng được. Anh tâm sự với Đức, là mình còn trẻ, nhiệm vụ cách mạng là trên hết! Nghỉ mười ngày nữa lâu quá, nhiệm vụ lại đang rất cần mình có mặt.

Đức không nén nổi thương xót, nước mắt ứa ra. Anh đặt Ruệ xuống, chạy đi lấy chiếc túi nhựa cho thân thể còn ấm nóng của Ruệ vào, rồi thắt chặt miệng túi lại.

Anh thấy đầu gối mình đau nhói, quần áo rách tứ tung, máu từ chỗ đau chảy ra ướt đầm. Anh biết là mình đã bị thương, nhưng nhẹ, vẫn đứng được. Đức cầm lái tàu, vì thấy Hào cũng đã bị thương.

Thân tàu bị đạn găm thủng lỗ dày đặc. Anh em thủy thủ vừa hy sinh vừa bị thương gần hết nhưng vẫn kiên cường chiến đấu, quyết không để tàu địch áp vô bất sống.

Tàu 43B bắn trả quyết liệt, cố sức phá vòng vây lao vào phía bờ. Tàu địch bị hỏa lực ta đánh mạnh, dần bớt ra. Lúc này là 1 giờ đêm giao thừa Tết Mậu Thân. Đạn của tàu ta đã gần cạn.

- Thơm, đập pháo mù!

Tiếng thuyền trưởng Nguyễn Đắc Thắng hô to.

Thơm đập chốt, không biết gấp gáp làm sao, quả đạn xít khói ngay trên sàn tàu. Anh vội vàng đẩy nó xuống biển. Một vùng tối mù mịt xuất hiện và lan nhanh trên biển, con tàu nhanh như cắt lủi khỏi đám khói, thoát ra khỏi vòng vây, tiến vào bờ phía Nam. Khói mù lan cả trên tàu, anh em ho sặc sụa. Lúc sau, tàu địch áp sát lưng tìm trong đám khói mù thì tàu ta đã biến mất dạng. Chúng lại tỏa ra tìm kiếm trên biển.

Chỉ ba mươi phút sau, đội tàu chiến của địch đã xiết chặt vòng vây, quây lấy con tàu 43B. Lúc này, trên tàu đã gần hết đạn. Anh em bị thương hết lượt và mấy người đã hy sinh. Hỏa lực địch lại bắt đầu nã về phía tàu ta. Thấy không còn khả năng phá vòng vây và tiếp tục chiến đấu nữa, thuyền trưởng Thắng phân công:

- Các đồng chí, chúng ta đã chiến đấu rất dũng cảm, nay tàu ta lại nằm trong vòng vây của địch. Tôi phân công:

Tổ 1: Chính trị viên Trần Quốc Tuấn đưa anh em thương binh tử sỹ vào bờ. Tổ 2: Thuyền phó Đức và thuyền phó

Thơm cùng với tôi, có nhiệm vụ hủy tài liệu. Tổ 3: Gồm 4 người có nhiệm vụ điểm hỏa là thuyền trưởng Thắng, máy trưởng Tài, thuyền phó Thơm, thủy thủ trưởng Kiểm. Các đồng chí cho nổ bộc phá để hủy tàu.

Quyết định của thuyền trưởng Nguyễn Đắc Thắng:

- Hủy tàu, bơi vào bờ! Cho định giờ 30 phút!

Thủy thủ trưởng Kiểm lĩnh nhiệm vụ điểm hỏa khoảng máy. Thuyền phó Thơm điểm hỏa khoảng lái. Máy trưởng Nguyễn Trọng Tài giật nụ xòe dây cháy chậm... Có dây nổ truyền cho hai tấn rưỡi bộc phá, bảo đảm tàu sẽ nổ tan tành.

Nguyễn Văn Đức đã bị thương nên không làm sao vác nổi bao ni lông bọc xác Ruệ. Anh cố lòi ra mạn tàu, đẩy Ruệ xuống rồi nhảy theo.

Thuyền trưởng Thắng chạy tới kiểm tra lại đồng hồ lần cuối, rồi nhảy xuống biển theo anh em. Người còn khỏe kèm sát người bị thương. Trong lúc ấy, địch đã phát hiện được tàu, chúng không dám đến gần sợ nổ, mà chỉ bắn về phía tàu như mưa. Tàu cách bờ khoảng 300 mét, không thể vào được nữa vì bị mắc cạn. Anh Kiểm vừa nhảy xuống biển thì trúng đạn, chìm xuống ngay mé tàu. Võ Nho Tông vừa là y tá tàu, vừa kiêm pháo thủ lắp đạn DKZ, trúng đạn hy sinh trên tàu. Mười hai người bị thương, ba người hy sinh, người bị thương nhẹ quên cả vết thương, dìu đồng đội bị thương nặng bơi vào bờ. Người mặc áo phao, người không kịp mặc, cùng nhảy ào xuống biển, chỉ kịp khoác cái dây bao và mang theo vũ khí.

Trong trận chiến đấu căng thẳng và ác liệt, Thơm thấy đau nhói ở hông nhưng không kịp để ý tới. Lúc bơi vào bờ, anh bơi cạnh Hoa và Hào. Thấy Hoa đang ngập nước lại không có áo phao, sắp bị chìm, Thơm sấp lại dìu. Huỳnh Ngọc Hoa bơi yếu, lại bị thương.

Hoa nói lớn:

- Các cậu có phao, bơi vào bờ trước đi, tôi yếu lắm rồi!

Thơm lột ngay áo phao của mình ra quàng vào người cho Hoa.

- Không, đừng nhường cho tôi! Cậu cứ mặc đi, bơi vào bờ đi... đừng lo cho tôi!

Thơm nói to:

- Mặc vào ngay, kéo chìm bây giờ! Tôi còn cái bọc này đây!

Anh khoác áo phao vào người Hoa, cố dìu bạn, còn mình ôm gói quần trang bọc nhựa. Ba người dìu nhau bơi vào phía bờ.

Chỉ bơi được một lát thì gói đồ bị sóng đánh văng khỏi tay. Thơm đã đuối sức, anh cởi quần áo cho đỡ nặng, cố rài căng áo bó lại làm phao, nhưng cũng bị sóng cuốn mất luôn. Trên thân hình chỉ còn cái quần cộc và chiếc dây đeo khẩu súng ngắn. Thấy buốt ở hông, sờ tay vào Thơm mới thấy miệng vết thương há rộng. Do sóng đánh, anh mới biết là mình đã bị thương từ hồi nào.

Nhìn xung quanh không biết hai người kia sóng dạt đi đâu. Mất máu, đuối sức, ngập nước, mấy lần nhồi

lên lại chìm xuống. Thơm chìm dần, chìm dần, chân tay chỉ còn nhoai nhoai nhẹ nhẹ, đầu đã mê mệt. Anh nhận thấy mình đang chìm dần, chân chạm vào cát, chạm cát tức là nông rồi. Nếu nằm im, chỉ giây lát nữa thôi mình sẽ chết. Sức sống cuối cùng của con người sắp chết trôi dạt, anh cố hết sức còn lại dùng cả hai bàn chân đạp mạnh vào cát, đẩy người lên. Một con sóng ào đến, đánh mạnh, Thơm mê man không còn biết gì nữa.

Con sóng cứu mạng ấy đã đẩy Thơm lên bờ cát. Anh nằm đấy chìm vào lâng lâng mê man.

Một tiếng nổ long trời chuyển đất. Thơm tỉnh lại, sức trẻ thật là phi thường. Anh nhìn ra phía tiếng nổ, thấy lửa và khói đen bay mù mịt. Tàu nổ rồi! Hoàn thành nhiệm vụ phá hủy tàu rồi! Nghĩ tới 40 tấn vũ khí quý giá biết bao đã không vào được bến, anh xót xa vô cùng! Nghĩ tới đồng đội, người bị thương, người đã hy sinh, tìm anh nhối lên, đau thắt!

Lòng dân

Tiếng nổ đã làm cho Thơm tỉnh hẳn, anh nhìn xung quanh không có ai. Pháo sáng địch vẫn thả đầy trời. Nhìn vào phía bờ, bãi cát rộng cả trăm mét mới thấy có vài bụi cây, anh cố nhoai người bò dần vào tới nơi.

Gần đấy có một bà cụ đang lượm dù pháo sáng. Thơm gọi:

- Má ơi! Má ơi!

Bà cụ chạy lại. Thơm hỏi vội.

- Má có biết du kích ở đâu không?

-!

- Con là quân Giải phóng vừa đánh trận trên biển...

- Có phải ở dưới tàu lên không?

- Dạ, đúng ạ!

- Con vào chỗ cây rơm kia kìa, có người đón đấy!

Thơm vừa bò vừa lết theo hướng tay bà cụ chỉ. Gần tới nơi anh cố gọi:

- Các đồng chí ơi!

Một phụ nữ chạy vụt ra xốc Thơm lên, dìu anh đứng dậy. Thơm bám vào người cô, cà nhắc một chân đi sâu vào phía trong cỡ 500 mét. Anh được đưa vào căn nhà ba gian. Một người băng bó vết thương cho anh. Một quá, Thơm nằm im. Anh thiếp đi.

Chợt một bàn tay lay mạnh:

- Anh ơi! Dậy ăn chút cháo cho tỉnh!

Thơm tỉnh lại, anh thấy mình được mặc quần áo sạch sẽ. Anh mừng vì đã gặp cơ sở trên bờ và được cứu sống. Nhìn người phụ nữ nhanh nhẹn khỏe mạnh, lặn xả vào nhiệm vụ cứu thương binh, Thơm cảm phục và xúc động hỏi:

- Chị tên gì? Cho em biết để em kêu cho tiện.

- Tôi tên là Răng. Chúng tôi có nhiệm vụ đón tàu, vận chuyển vũ khí vào đêm nay, không ngờ tàu của các

anh bị bao vây. Cuộc chiến đấu xảy ra trên biển ác liệt quá! Khi thấy tàu nổ, chúng tôi rải người để đón các anh.

Thơm thấy yên tâm hơn, anh em vào bờ đã gặp người của bên đón. Được cho ăn cháo nóng, được băng bó, anh đã tỉnh táo trở lại. Anh hỏi thăm tin tức của đồng đội:

- Anh em trên tàu bơi vào bờ ra sao rồi chị? Họ đang ở đâu?

Chị Răng vội nói:

- Ở hầm ngầm kia cũng có hai người được đưa lên trước anh.

Trời gần sáng, Thơm được đưa sang hầm khác. Ở đây, Thơm gặp lại Hào và Thọ cũng đã được băng bó cẩn thận. Ba người mừng rỡ vì còn sống cả.

Hào chùi vết máu đang rỉ xuống thành dòng của Thọ, cảm động nói:

- Tôi và anh Thọ gần chìm thì may sao được sóng đánh vào bờ. Bò được một đoạn thì gặp mấy em nhỏ đi lượm dù pháo sáng. Mấy đứa được du kích phân công ra bờ biển giả vờ lượm dù để kiếm anh em trên tàu bơi vào. Du kích ở đây thấy đánh nhau trên biển ác liệt quá, họ nói chỉ biết đứng nhìn ra, rồi cho người đi khắp bờ biển để xem có người nào sống sót bơi được vào bờ thì cứu.

Hào nói nhỏ:

- Không biết anh em bơi vào có ai bị sao không?

Hầm sâu tới 3 mét, có sẵn một ít nước uống, khi cửa hầm đóng kín tối như bưng, chỉ nghe thấy tiếng nhau nói mà thôi.

Mấy chị trên mặt đất nói qua ống thông hơi xuống:

- Các anh phải giữ im lặng! Hãy bình tĩnh nằm yên đấy, có đau cũng ráng, không được rên. 1 giờ chiều nay, chúng nó sẽ càn vào đây.

Cái lỗ thông hơi bé tí vừa lấy không khí, vừa làm loa thông tin. Trong hầm sâu tối om, tiếng nói của chị du kích nghe mới ấm áp, thân thương và tin tưởng làm sao.

Đến chiều, ngồi trong hầm bí mật, các anh nghe rõ tiếng xích xe tăng ầm ầm, tiếng súng nổ rất gần. Khá lâu sau, thấy trên mặt đất lặng yên, các anh yên tâm, chắc địch không càn qua điểm này. Vừa dự đoán xong thì lại nghe tiếng nói vọng xuống:

- Chúng nó rút rồi các anh ơi!

Một lúc sau, cửa hầm mở, hai chị xuống đưa ba anh em lên mặt đất. Vết thương được lau rửa băng bó lại. Thơm hỏi thăm mấy chị du kích xem có tin tức gì nữa không. Các chị nói:

- Làng vừa báo sang là bên kia cũng có một số anh em lên đó rồi.

Thơm viết vào một miếng giấy, đưa cho chị du kích:

- Chị chuyển giấy này cho các anh ở bên ấy giùm tôi! Chúng tôi cần liên lạc với nhau.

Thơm viết vắn tắt: "Chúng tôi gồm ba người là Thơm, Hào, Thọ. Các anh ở bên ấy có những ai? Hãy cho chúng tôi biết." Cô gái nhanh nhẹn chạy đi, chỉ hơn một tiếng sau đã chạy về, trong bóng tối mờ mờ vẫn thấy rõ hai hàm răng cô gái sáng lên nụ cười rất tươi:

- Ở bên ấy có đồng người lắm! Chúng tôi sẽ đưa các anh sang.

Đùi và mông Thơm lúc này mới sưng tấy lên, hình như vết thương đã bị nhiễm trùng, đang đau nhức nên anh không thể đi được. Các chị phải lấy cáng khiêng anh đi.

Anh em thủy thủ gặp nhau mừng rỡ vì còn 14 người. Trong số đó thì chỉ có hai người không bị thương, ba người bị thương nhẹ, số còn lại bị thương khá nặng.

Biết là các “cộng quân tàu Bắc Việt” vào bờ vẫn ẩn náu gần đây nên địch bao vây càn quét toàn khu vực. Nhờ lực lượng du kích địa phương bảo vệ rất tốt, anh em ta cứ ngày nằm dưới hầm, tối lên mặt đất được chăm sóc vết thương, được ăn uống bồi dưỡng. Suốt mấy ngày, du kích vẫn chưa tìm được đường cho các anh thoát khỏi vòng vây. Lực lượng du kích đã mấy lần bám sát quốc lộ 1, tìm đường đưa các anh lên căn cứ mà vẫn không thể thực hiện được. Địch bao vây và canh phòng rất khắt khe. Chúng gác dọc quốc lộ 1 suốt đêm ngày, phục kích không cho ai lọt qua.

Một tuần lễ sau, cấp trên phải điều động một đội quân chủ lực của tỉnh Quảng Ngãi đến đánh địch giải vây. Suốt 16 tiếng đồng hồ, quân chủ lực vừa chiến đấu, vừa nghi binh phân chia hỏa lực địch, vừa dẫn đoàn thủy thủ đang bị thương vượt qua quốc lộ 1, xuyên khu rừng già đi lên vùng căn cứ ở huyện Ba Tơ.

Thơm lúc này không còn đi nổi. Dù không muốn nhưng anh phải nằm cáng cho anh em thay nhau khiêng.

Vết thương do viên đạn xuyên từ lưng quần xuống phà ra ở dưới mông, may mà đó là đạn bắn từ trên máy bay xuống, chứ nếu là đạn từ tàu địch bắn sang là nguy rồi. Dù chỉ ở phần mềm nhưng vì bị nhiễm trùng nên vết thương đã loang to bằng gần nắm tay. Nếu có lành thì ít nhất cũng khoét lõm mất nửa mông.

Anh Nguyễn Đắc Thắng còn trêu chọc:

- Thắng Thơm nhỏ con, lại ốm nhom, chỉ nặng bằng con heo cỏ. May quá tội mình khiêng đỡ mệt!

- Thuyền trưởng Thắng ơi, em còn đi được, chỉ cần diu thôi, khỏi cáng! Anh em ai cũng bị thương và đuối sức cả rồi.

- Giờ này là lính thủy đi bộ chứ còn thuyền trưởng cái gì?! Mày sưng tấy cả người, lê không nổi mới phải cáng, chứ ai ham cáng mày làm gì?!

Đoàn dừng chân ở một nhà cơ sở, được ăn củ mỳ nấu còn nóng hổi, sao mà ngon đến thế! Anh em thủy thủ thấy lạ vì thấy mấy chị mấy dì ai cũng cạo đầu trắng bóc. Rồi sau đó lại thấy tất cả phụ nữ từ già tới trẻ ai ai cũng trọc đầu.

Anh Đức tò mò hỏi một du kích:

- Sao dân ở đây tất cả đều cạo đầu?! Bộ họ đi tu hay theo đạo gì lạ vậy?!

Một anh du kích trả lời:

- Tu gì đâu! Mấy ngày sau Tết Mậu Thân, bà con đấu tranh mạnh quá, kéo lên tận thị xã Quảng Ngãi. Chúng bắt nhốt hết. Tuần sau, ai muốn về nhà thì chúng cạo

đầu cho về, bà con đành chịu cạo đầu để được về nên mới thành ra như thế.

Anh ta còn giải thích thêm:

- Bà con ở xã Phổ Thiện triệt để đi theo cách mạng. Vùng này tuy nghèo, nhưng dân thì rất giàu tình cảm!

* * *

Chuyện về anh thuyền phó Phạm Chuyên Nghiệp quê ở Hải Dương cho thấy lòng dân Phổ Thiện đối với những người thủy thủ tàu không số chân thành, thấm thiết như thế nào!

Trong cuộc chiến đấu với lực lượng tàu địch bao vây trên biển đông gấp hàng trăm lần, chỉ có mười mấy thủy thủ và một con tàu nhỏ bé, thuyền phó Phạm Chuyên Nghiệp bị thương ở đầu rất nặng. Được anh em dìu vào bờ, biết là mình không thể sống được nữa, anh Nghiệp không để đồng đội dìu đi theo. Anh kiên quyết:

- Các đồng chí đừng vì tôi mà chịu hy sinh tất cả. Cứ để tôi ở lại! Tôi không thể sống nổi nữa đâu! Tôi ở lại đây, anh em cứ đi đi!

Một ông già ở xã Phổ Thiện chứng kiến tình cảnh ấy liền can thiệp:

- Các chú cứ để chú ấy ở đây cho tôi! Các chú đi đi! Cứ yên tâm không phải lo!

Ông Ba công người bị thương về nhà, lau rửa vết thương cho anh, cho anh ăn được mấy thìa cháo, hỏi thăm anh về chuyện gia đình, quê hương. Nhìn người thanh

niên miền Bắc, lòng ông đầy thương xót. Ông nhận anh Nghiệp là em, kêu là chú Chín. Bị thương quá nặng, Phạm Chuyên Nghiệp đã vĩnh viễn ra đi. Ông Ba cùng bà con trong xóm tẩm liệm, chôn cất anh tại mảnh đất ven bờ biển Quảng Ngãi quê ông.

Quê anh Nghiệp ở Hải Dương, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ:

Huyện Tứ Kỳ, xã An Thanh

Hải Dương quê mẹ sinh thành anh tôi!

Sau này gia đình anh được đơn vị báo tin đã tìm vào xã Phổ Thiện, xin bốc mộ anh về. Ông Ba nhất định không cho, ông nói:

- Chú Chín nằm đây với tôi đã gần 30 năm rồi. Năm nào đến ngày chú ấy chết, tôi cũng cúng giỗ. Mồ mả chú ấy tôi trông coi nhang khói. Tôi không cho ai mang chú ấy đi đâu hết!

Gia đình khóc lóc van xin mãi, ông Ba mới ngậm ngùi nói:

- Tôi thương chú ấy, coi như em ruột. Nay tôi đồng ý cho chú ấy về thăm quê!

Trạm xá Bức Phở

Một ngày một đêm leo đèo lội suối, xuyên rừng, đoàn thương binh người đi, người dìu, người phải nằm cáng. 14 người trên con tàu 43B làm nhiệm vụ đặc biệt

trong Tết Mậu Thân, giờ đây đã được giao liên đưa vào một trạm xá dân y của huyện Đức Phổ. Trạm xá nằm giữa khu rừng thưa, cây cối loang lổ khô héo vì máy bay địch rải chất độc hóa học. Trạm xá này cách căn cứ địch không xa.

Ngay ngày hôm sau khi các thủy thủ bị thương đến trạm xá, đã xảy ra cuộc càn của địch ở xã Phổ Hiệp bên cạnh. Lực lượng du kích chống càn đánh trả quyết liệt! Một số thương binh được đưa vào đây. Bệnh xá hiếm thuốc, cơ sở vật chất thiếu thốn trầm trọng. Có một anh là xã đội trưởng, do vết thương quá nặng đã tử vong ngay tại bệnh xá. Nữ bác sĩ Thùy Trâm và anh y sĩ tên là Thanh Kỳ ở trạm xá này phẫu thuật mổ xẻ, cắt cưa rất thành thạo. Các ca mổ không hề có thuốc mê, thuốc tê gì cả; chỉ có những lời động viên an ủi nhẹ nhàng ngọt ngào của bác sĩ, y sĩ, y tá và những hàm răng cắn chặt của thương binh, nhưng ca mổ nào cũng mang lại hiệu quả khá.

Trạm xá Đức Phổ còn có tên gọi là “Cậu Tư”, cái tên mới nghe đã thấy gần gũi, thương yêu, triu mến. Trạm xá có một nữ bác sĩ còn trẻ người miền Bắc, một y sĩ nam, hai y tá nữ và mấy người phục vụ đều là người Quảng Ngãi. Ở trong vùng xôi đậu giữa ta và địch nên trạm xá thường phải di chuyển địa điểm để tránh địch càn. Nhà lán làm tạm bằng tre nứa, lợp lá sớ sài. Trang thiết bị hầu như chẳng có gì đáng kể.

Mấy ngày đầu vì quá nhiều thương binh nên các bác sĩ, y sĩ, y tá làm việc suốt ngày đêm không nghỉ, liên tục cứu chữa cho thương binh. Trạm xá không còn đủ thuốc

men, bông băng. Sức làm việc và nhiệt tình của các anh các chị ở đây thật đáng khâm phục!

Hôm ấy, bác sĩ Đặng Thùy Trâm trạm xá trưởng nét mặt sáng ngời, thân mật nói chuyện với anh em:

- Chúng tôi vừa mới được biết các anh chiến đấu dưới tàu lên. Vậy là các anh mới ở ngoài Bắc vào?

Ngừng một lát vì cảm động, bác sĩ Trâm nói tiếp:

- Trạm xá chúng tôi được cấp trên giao nhiệm vụ phải chăm sóc chạy chữa cho các anh mau lành vết thương. Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức, các anh cứ yên tâm điều trị ở đây!

Tiếng nói ấm áp nhẹ nhàng của nữ bác sĩ, của người đồng đội như giúp các anh thương binh yên tâm hơn.

Xuân Thơm cười thật tươi:

- Chị ơi! Chúng em vào đây như là được về với gia đình rồi, lại được các chị tận tình chăm sóc, chữa cho lành vết thương! Chúng em là những người may mắn lắm đấy, chị ạ!

Trạm xá quả là đang gặp rất nhiều khó khăn. Dù bác sĩ Trâm không nhắc tới khó khăn nào nhưng anh em biết hết. Thuốc men, dụng cụ thiếu thốn, không có điện nước đã đành, đến ăn cũng chỉ có củ mì là chính. Mấy ngày hôm sau, để có thuốc, bông băng và gạo cho thương binh ăn mà ba người của trạm xá phải đi ba bốn ngày đường mới xuống tới đồng bằng để mua gạo, mua thuốc mang về. Đoàn tiếp tế đã đụng bọn địch kiểm soát dọc đường. Một chị tên là Nguyễn Thị Ngọc Vui đã hy sinh, chỉ còn

hai người trở về. Các chị vội vàng lao vào việc phục vụ, vì lo thương binh đang đói.

Bữa ăn hôm ấy có gạo và cá khô. Anh em thương binh được ưu tiên ăn hai phần ba cơm, dọn một phần củ mì, còn các y bác sĩ và người của trạm xá ăn hai phần củ mì chỉ có dính mấy hột cơm. Anh em thủy thủ từ chối không chịu ăn. Anh Đức nói với bác sĩ Trâm:

- Anh chị em ăn sao chúng tôi ăn vậy, chứ làm thế này khó coi lắm! Chúng tôi chịu đựng gian khổ đã quen, nay lại nằm một chỗ không phải làm gì, đâu cần ăn nhiều. Mấy chị mới phải ăn no để còn sức phục vụ anh em thương binh chúng tôi chứ!

Chị Trâm cười bảo:

- Các anh cứ yên tâm, không phải áy náy gì cả!

Quy định của trạm xá là vậy nên anh em đành phải chấp hành.

* * *

Bác sĩ Đặng Thùy Trâm là con gái Hà Nội, có gương mặt tròn sáng như trăng. Sự có mặt của chị nơi bệnh xá giữa núi rừng hẻo lánh khiến cho đêm nào cũng như có trăng rằm. Chị Trâm vào chiến trường đã hai năm nay. Học xong Đại học Y khoa Hà Nội, chị tình nguyện vào phục vụ chiến trường miền Nam gian khổ và ác liệt. Hành động của chị thật đáng khâm phục! Chị Trâm thường nói chuyện với anh em thương binh thân thiết như đã quen biết từ lâu. Anh em thủy thủ xúc động đến mức

làm được cả thơ tặng các chị, mặc dù thơ phú văn chương xưa nay chưa từng làm bao giờ.

Các bác sĩ, y sĩ, y tá của trạm xá “Cậu Tư” đều phục vụ hết mình, bằng cả tình thương yêu đồng chí, đồng đội, bằng cả tình người sâu nặng. Giữa miền sơn cước hoang vắng khô cằn, thiếu thốn đủ mọi bề, giữa những trận càn với bom đạn khốc liệt của quân thù ập đến bất kể lúc nào, vẫn có những người phụ nữ ngày đêm thầm lặng cứu chữa thương binh tận tình và chu đáo. Sự hy sinh ấy thật lớn lao, thật đáng trân trọng, tự hào! Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta từ trong khó khăn gian khổ mà trưởng thành và lớn mạnh từ chính những con người bình thường, từ những thanh niên yêu nước đang cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp chung. Sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ chiến thắng.

Đâu phải chỉ có các anh, những chiến sĩ của “đoàn tàu không số”, ra đi làm nhiệm vụ là chấp nhận hy sinh, mà sự chịu đựng gian khổ của các chị ở trạm xá nhỏ bé này cũng vô cùng quý giá!

Tình thương mến mà các chị dành cho các anh thương binh chẳng khác gì người mẹ chăm sóc cho con. Những cái tên đã trở nên quen thuộc trong những ngày ở trạm xá “Cậu Tư”: Anh Thắng, anh Tuấn, anh Đức, anh Thơm,... bác sĩ Đặng Thùy Trâm, chị Thúy Phượng y tá, chị Mỹ Liên y tá, anh Thanh Kỳ y sĩ, chị Lê Thu, chị Kim Xuyên... phục vụ bệnh xá, đang ngày đêm chăm sóc từng người, lau khô từng vết thương, động viên thương binh uống từng viên thuốc, mừng vui vì vết thương lên da non, xốt xa vì vết thương nhiễm trùng.

Cái vết thương ở mông của Thơm đã làm cho Lệ Thu vất vả nhiều nhất. Cả tháng trời mà nó không chịu lành khiến Lệ Thu xót xa:

- Sao mãi nó không chịu khô, cứ chảy nước vàng hoài?! Máu anh độc thật!

Thơm trêu đùa cô cho vui:

- Bao nhiêu máu lành của anh dịch nó lấy mất hết rồi, chỉ còn lại máu độc nên vết thương lâu lành đó thôi!

Thơm vốn nhỏ người, lúc này anh chỉ còn nặng khoảng ba mươi mấy ký.

Vì bị thương và kiệt sức nên đoàn thủy thủ tàu 43B khi đến trạm xá “Cậu Tư” được điều trị, nghỉ dưỡng khá lâu: một tháng năm ngày.

Nghĩa tình kẻ ở người đi

Mấy ngày sau cùng ở trạm xá, các chị tỉ mỉ gấp nếp những mảnh dù Mỹ khâu thành ba lô, túi xách, ruột tượng, áo quần và lo chuẩn bị gạo, muối, thuốc men cho các thủy thủ tàu 43B mang theo lên đường.

Có lệnh của cấp trên, đoàn thủy thủ phải gấp rút vượt Trường Sơn ra Bắc. Anh em được cấp giấy chứng nhận có chữ A màu đỏ để đi ngược trở ra, trái chiều với đoàn quân đang hành quân hồi hã vào Nam. Cũng mất hơn ba tháng ròng rêu non vượt suối, cũng sốt rét, bom đạn gian khổ như bộ đội Trường Sơn.

Vì bị sốt rét nặng, kiệt sức không bước nổi nên nhiều đoạn đường Thơm phải nằm cẳng. Mà cẳng anh thì thật khổ cho mấy người khênh vì ai cũng đuối cả. Đã mấy lần người con của rừng được Cà Mau tưởng chừng bị sốt rét ác tính quật ngã phải nằm lại ở rừng Trường Sơn. Chỉ có hai người là anh Đức và anh Thắng là may sao không bị sốt rét. Hai anh đã rất vất vả vì phải chăm sóc cho anh em trong đoàn.

14 thủy thủ tàu 43B trong đó có 10 anh là người Bắc đã về tới đơn vị. Riêng Thơm phải nằm điều trị tại một trạm xá ở Hải Phòng. Anh gặp một cô y tá chăm sóc cho anh với cả tấm lòng yêu thương. Thế là duyên trời đã định, cô gái miền Bắc ấy lại yêu anh Giải phóng quân quê tận Cà Mau, rồi họ nên vợ nên chồng từ đấy.

Nằm ở trạm xá Hải Phòng, Nguyễn Xuân Thơm vẫn còn nhớ như in 35 ngày được sống trong gia đình trạm xá Đức Phổ, trạm xá "Cậu Tư". Trang nhật ký của anh Nguyễn Xuân Thơm đã ghi lại (xin được trích nguyên văn):

"Gián khổ lắm chúng tôi mới về đến trạm xá huyện Đức Phổ. Đây là một trạm xá dân y, tên của trạm xá này là "Cậu Tư". "Cậu Tư" - cái tên bình thường giản dị nhưng rất mực mến thương! 35 ngày đêm sống ở trong lòng "Cậu Tư", tôi vô cùng thương yêu triu mến. "Cậu Tư" đối với đơn vị tôi không tiếc mồ hôi sức lực, không tiếc máu xương, không quản đường xá xa xôi lặn lội trèo đèo lội suối về đồng bằng tìm thuốc, tìm thức ăn nuôi dưỡng chăm sóc cho chúng tôi mau bình phục. Còn liên hoan vật chất 4 lần. Khi chia tay chúng tôi, các chị còn may cho chúng tôi ba lô, quần áo, dụng cụ cá nhân, còn cho gạo và thuốc men mang theo ăn đường.

Bác sĩ Đặng Thùy Trâm khóc khi tiễn đưa chúng tôi. Chị hẹn:

- Sẽ gặp nhau ở miền Bắc các anh nhé!

Còn chúng tôi đối với "Cậu Tư" thế nào đây? Bao nhiêu tình cảm thương mến nói sao cho hết, tôi cũng xin viết mấy câu thơ mộc mạc từ đáy lòng dưới đây tặng mỗi người:

Tặng chị Thúy Phương (người chị lớn tuổi nhất):

Gặp nhau trong những ngày gian khó
Sống chung trong khuôn khổ núi rừng
Chị Phương ánh mắt rừng rừng
Chia tay tạm biệt xin đừng quên nhau!

Tặng Thùy Trâm:

Những ngày sống trên núi rừng Ba Tơ hùng vĩ
Sống bên nhau có chị có em
Giờ chia tay: em, chị muốn thêm
Được nhiều nữa gần nhau công tác
Chị ơi tình chị em tạm gác
Nhiệm vụ mình gánh vác trên vai
Xa nhau tình cảm còn dài
Hẹn ngày thống nhất nay mai chị về.

Tặng anh Thanh Kỳ:

Núi cao chẳng ngại gian nan
Anh đi về làng mang vác nặng vai
Nuôi em chẳng kể hôm mai
Được mau lại sức trẻ trai lên đường.

Tặng Lê Thu (người nhỏ tuổi nhất):

Biển Đông vẫy gọi anh về
 Còn em ở lại bộn bề nhớ thương
 Anh về trở lại hậu phương
 Tiếp tục nhiệm vụ chiến trường đang mong.

Trang nhật ký của bác sĩ Đặng Thùy Trâm có ghi về đoàn thương binh tàu 43B (xin phép được trích nguyên văn):

"10.4.68

Vậy là chiều nay các anh lên đường, để lại cho mọi người một nỗi nhớ mênh mông giữa khu rừng vắng vẻ. Các anh đi rồi nhưng tất cả nơi đây còn ghi lại bóng dáng các anh: những con đường đi, những chiếc ghế ngồi chơi xinh đẹp, những câu thơ thắm thiết yêu thương. Nghe anh Tuấn ra lệnh: "Tất cả ba lô lên đường!". (Chính trị viên tàu 43B Trần Quốc Tuấn). Những chiếc ba lô vung vè may bằng những tấm bao Mỹ đã gọn gàng trên vai, mọi người còn nấn ná đứng lại trước mình bắt tay chào mình một lần cuối. Bỗng đứng một nỗi nhớ thương kỳ lạ đối với miền Bắc trào lên trong lòng mình như mặt sông những ngày mưa lũ và... mình khóc ròng đến nỗi không thể đáp lại lời chào của mọi người. Thôi! Các anh đi đi, hẹn một ngày gặp lại trên miền Bắc thân yêu".

* * *

Hai mươi lăm năm sau (năm 1993), Nguyễn Văn Thơm hay tin anh Hoa đang bệnh rất nặng liền tìm ra Hải Phòng thăm đồng đội. Gặp Thơm, anh Hoa mừng như được sống lại những ngày cùng nhau chịu đựng gian nan và chiến đấu anh dũng trên những con tàu không số. Anh Hoa như được tăng thêm sinh lực để nói chuyện với đồng đội. Anh Hoa nắm chặt tay Thơm, như muốn ôm lấy người đồng chí bé nhỏ của mình, nước mắt anh trào ra trên khuôn mặt nhăn nheo:

- Thơm đây ư! Thơm ơi! Anh sống thêm được 25 năm nay là nhờ có cái áo phao của chú đấy!

Hoa cứ giữ chặt tay Thơm như không muốn buông ra, sợ người đồng chí, người em đi mất:

- Thơm này, Thơm có biết hồi mới vào Hải quân, anh còn chưa biết bơi không?

- Sau này anh cũng bơi rất kém! - Thơm cười nhẹ.

Thơm chợt nhớ lại, lúc bơi từ tàu 43B vào, anh đã nhường áo phao cho Hoa. Anh cũng bị thương và may mắn đã được một con sóng cứu sống.

Gian khó có nhau, hành động nhường phao cho đồng đội, rồi mình cũng suýt chết chìm, Thơm không hề nhớ. Trong chiến tranh, có những cái tưởng là bình thường, bởi đó là chuyện bình thường, bây giờ mới thấy ý nghĩa của nó thật cao cả, lớn lao. Các anh không chỉ sẵn sàng hy sinh vì nhiệm vụ, mà còn hy sinh bảo vệ đồng đội. Đó là đỉnh cao của tư tưởng và ý chí của người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, của người lính Cụ Hồ.

Tư tưởng ấy trong các anh đến giờ vẫn còn nguyên vẹn. Mỗi khi nhắc đến những đồng đội đã hy sinh trong trận chiến đấu ác liệt ấy, người lính già nay đã ngoài 70 tuổi vẫn nhớ vẫn thương không thể nào quên.

Anh Đức lúc kể về Vũ Xuân Ruệ cứ rơm rớm nước mắt. Anh Đức quê ở Bến Tre, anh Ruệ quê ở Thái Bình, nhưng anh Ruệ là người đồng đội mà anh Đức thương nhớ nhiều nhất! Anh đã mang theo hình ảnh của Ruệ trong tâm tưởng suốt cuộc đời.

Anh Thơm nói lên mong muốn tha thiết của mình:

- Bao giờ được về thăm bệnh xá Đức Phổ, bệnh xá "cậu Tư", chúng tôi sẽ tặng bệnh xá những kỷ vật của các chị đã cho mang theo. Tôi vẫn còn giữ gìn cẩn thận đến bây giờ!

(Anh Nguyễn Xuân Thơm nay là Trưởng Ban liên lạc Đoàn tàu không số khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Anh Nguyễn Văn Đức hiện là phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh Quận 5).

Huyền thoại về con tàu 235 “Con tàu ma”

“Con tàu ma” là tên mà Hải quân Vùng 2 ngụy đặt cho tàu 235

Thả hàng

Hòn Hèo chỉ cách Nha Trang 12 km, thuộc hai xã Ninh Phước, Ninh Vân, huyện Ninh Hòa. Bến Hòn Hèo luồng hẹp, nhiều mạch đá ngầm. Một tài liệu của Pháp đã viết: “Tàu muốn ra vào Hòn Hèo, thuyền trưởng phải có tay nghề lão luyện trên dưới 20 năm.”

Nguyễn Phan Vinh là một thuyền trưởng tài năng và đầy bản lĩnh đã nhận nhiệm vụ cho tàu 235 cập bến Hòn Hèo vào dịp Tết Mậu Thân 1968. Vào Hòn Hèo tức là đột nhập đúng chỗ bất ngờ nhất ngay giữa ba bề là căn cứ địch.

Tàu 235 là một trong bốn con tàu được lệnh xuất phát, để làm sao đúng giao thừa Tết Mậu Thân 1968, cả bốn tàu

cùng nhất loạt cập bến ở bốn tỉnh khác nhau. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân miền Nam đang rất cần vũ khí. Đoàn 125 phải có cuộc hành quân táo bạo. Chiến sĩ được nhận nhiệm vụ đợt này là một vinh dự vẻ vang. Họ sẵn sàng "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

Bốn con tàu mang bí số: 43 - 235 - 165 - 56



Đồng chí Phan Vinh -
Anh hùng LLVTND

Con tàu 235 được lệnh vào Hòn Hèo. Đây là tàu cao tốc 4 máy chính, tốc độ 32 hải lý/giờ, chở 14 tấn vũ khí và 20 thủy thủ. Nhiệm vụ của nó là cập bến bất ngờ vào Hòn Hèo đúng giao thừa.

Hai ngày lên đênh trên vùng biển quốc tế, không có chuyện gì xảy ra. Ngoài thuyền trưởng và chính trị viên, anh em thủy thủ trên tàu chỉ biết chuyến này vào Khu 5, còn nhiệm vụ đặc biệt thì sau này mới biết. Anh em cho rằng chuyến tàu nào mà không đặc biệt, không thiêng liêng. Tinh thần của các chiến sĩ đã được rèn luyện kỹ càng, giống như mũi tên đã đặt lên cánh cung giương sẵn, chỉ việc bắn là lao tới đích.

Thuyền trưởng Nguyễn Phan Vinh và thuyền phó hàng hải Đoàn Văn Nhi xách máy đo mặt trời, thu thập đủ số liệu thiên văn, rồi bắt đầu tính toán. Mờ tối, tàu đang chuẩn bị vào bờ thì phát hiện có tia sáng chớp lóa phía bờ. Thuyền trưởng Vinh nhận định:

- Chỗ ánh sáng kia là Cam Ranh! Chúng ta đi quá hai mươi hải lý mất rồi!

- Không phải bến, quay lại ngay!

Con tàu lặng lẽ quay mũi lên hướng Bắc. Phía xa thấy có mấy cụm ánh sáng của tàu chiến địch đang tiến tới. Thực ra thì khi tàu 235 còn ở ngoài hải phận đã bị theo dõi, cũng như tàu 43 trước đây. Địch cứ để xem con mồi sẽ đi tới đâu. Khi tàu ngoặt vào phía Tây, lúc này là 20 giờ, các tàu tuần dương địch đã được báo động, chuẩn bị xiết chặt vòng vây.

Tàu ta đã vượt lên đến phía Bắc Nha Trang, thuyền trưởng Phan Vinh cho chớp đèn tín hiệu gọi bến. Một chớp, hai chớp, ba chớp,... rồi dõi mắt chờ, vẫn không có tín hiệu trả lời.

Thuyền trưởng ra lệnh:

- Tàu địch đang tới gần, không thể đợi bến được nữa, phải né tránh tàu địch, cho tàu vào gần bờ, thả hàng!

Tàu 235 tiến nhanh vào phía bờ.

Lực lượng Hải quân vùng 2 Duyên hải, hang ổ của Hải quân ngụy đóng ở ngay Cam Ranh. Tàu lớn tàu nhỏ gần chục chiếc lao đến đen cả vùng biển phía Bắc Nha Trang với ý định bao vây và bắt sống tàu Bắc Việt.

Trong tình hình tàu ngụy quá đông, bủa vây kín các ngã, thuyền trưởng Phan Vinh tắt hết đèn, điều khiển tàu lượn lách lẩn tránh rất thông minh và khôn khéo, ẩn hiện như ma, khiến cho tàu địch không biết đâu mà tìm. Đặc biệt lần này địch không dùng pháo sáng, mà thay đổi chiến thuật kiếm tìm: Chúng cũng cho tắt cả các tàu tắt hết đèn, từ từ khép kín vòng vây. Cả vùng biển chìm trong bóng đêm. Tàu ta lợi dụng bóng tối, lao nhanh vào

phía bờ. Ý đồ của địch là khi tàu chúng đồng loạt bật đèn sáng, tàu nào không đèn tức là tàu ta sẽ bị lộ. Nhưng con tàu ta đã lợi dụng tình thế, biến mất hút vào bóng đêm như con tàu ma. Tàu 235 đã xác định được bến. Thuyền trưởng Phan Vinh ra lệnh cho mọi người khẩn trương thả hàng xuống nước, tranh thủ lúc tàu chiến địch chưa phát hiện ra.

Vũ khí đã được gói kĩ trong bao có sáp phủ kín, không sợ nước vào. Mỗi bao được cột chặt với một sợi dây nhựa to bằng ngón tay nối dài với đầu trên là một phao nổi. Độ sâu của bãi đáp phù hợp với độ dài của sợi dây phao. Phương án thả hàng xuống biển đã được ta thực hiện nhiều lần, khi tàu không thể cập bến! Sau đó bến sẽ cho ghe thuyền ra tìm cách vớt dần lên. Trong hoàn cảnh bị địch bao vây, chỉ còn cách đánh lạc hướng chúng, cho tàu vào gần bờ rồi thả hàng xuống biển. Mọi phương tiện, cả vũ khí, cả tàu đều đã được trang bị chu đáo với nhiều phương án thực hiện trong mọi hoàn cảnh khác nhau! Cùng với tinh thần dũng cảm, mưu trí sáng tạo, những chiến sĩ kiên cường đã làm nên những kỳ tích huyền thoại như thế đấy!

Hàng đang được gấp rút thả xuống biển. Không một ánh đèn, ánh sáng mờ mờ của biển đêm chỉ đủ nhận ra bóng người ngay trước mắt. Lợi dụng bóng đêm, tất cả thủy thủ trên tàu hồi hả vùn những bao hàng xuống biển.

Không thấy bóng dáng tàu địch nào ở gần. Đúng là tương kế tựu kế. Cái chiến thuật tắt hết đèn của địch đang ủng hộ chúng ta thả hàng. Thả hàng chỉ ở chỗ bờ biển thoai thoải, đáy biển tương đối ổn định, phao nổi lập lờ gần mặt nước mới chắc ăn. Xác định vị trí thả hàng

lúc này cũng chỉ là tương đối, bởi khó đo độ sâu, có thể đáy biển chỗ này là một sườn núi ngầm, chỉ cách vài mét là độ sâu đã rất khác nhau. Hàng thả xuống chỉ là ăn may, mười phần không chắc đã vớt được vài phần. Nếu gặp phải vực sâu, vũ khí sẽ nằm im dưới đáy biển.

Tàu đã vơi. Thuyền trưởng Phan Vinh rất mừng, anh điện ngay về Bộ Chỉ huy: “Chúng tôi đã thả hàng xong”. Trên tàu, anh em vẫn đang hồi hả thả nốt số hàng còn lại.

Phía ngoài biển đã thấy tàu địch đang kéo đến rất đông. Nhưng con tàu 235 đã biến mất hút như con tàu ma. Tàu địch lòng lộn khắp khu vực ngoài biển, dùng radar dò tìm, nhưng chúng có biết đâu rằng “con tàu ma” đang thả hàng gần bờ.

Chỉ chậm một lát nữa thôi có thể tàu 235 đã vọt ra khơi. Nhưng đúng lúc này, hàng chục tàu địch đồng loạt bật đèn sáng trưng ba phía. Ba tàu lớn vòng ngoài, 4 tàu nhỏ vòng trong, dàn thế trận bao vây khép kín.

Thuyền trưởng Phan Vinh cho ngưng ngay việc thả hàng, lệnh cho Lâm Quang Tuyến lái tàu xuôi xuống phía Nam để nghi binh, quyết không để lộ bãi thả hàng.

Tàu địch đã phát hiện được mục tiêu, liền đuổi theo rất đông. Hàng loạt pháo sáng nổ tung rực cả trời đêm, giống hệt pháo hoa đêm giao thừa.

Chiến đấu trên biển

Tàu 235 lăm vào tình thế bị mắc kẹt giữa ba bề tàu chiến địch và một bề là vách đá chắn. Lúc này là 2 giờ 30 phút ngày 1-3-1968, ngay thời khắc giao thừa Tết Mậu Thân.

Súng đạn bắt đầu lên tiếng. Tàu địch nổ súng trước, hàng loạt đạn sáng lòe bay vèo vèo. Chúng mới bắn súng nhỏ thì ụy với tham vọng bắt sống tàu ta. Đồng thời súng lớn bắn lên bờ, nhằm chặn đường người của ta bơi vào.

Pháo sáng thả dày đặc, cả một vùng biển sáng như ban ngày. Nguyễn Phan Vinh bình tĩnh điều khiển tàu chạy sát bờ, thủy thủ chuẩn bị sẵn sàng đợi lệnh chiến đấu.

Một tàu địch lao qua cửa vịnh, một chiếc khác lao tới.

Thuyền trưởng Phan Vinh hét lớn:

- Bắn!

Thủy thủ Hà Minh Thật sử dụng khẩu DKZ phóng một phát vào chiếc tàu gần nhất. Loại đạn này giống tên lửa dầu xoáy như mũi khoan, nóng lên mới nổ. Nguyễn Văn Phong nã đạn 14 ly 5 tiếp theo vào tàu địch, khiến tàu này bốc cháy, tuôn ra luồng khói đen ngòm rồi quay tròn như chong chóng. Tàu địch hai phía dạt ra không dám sáp lại gần. Từ xa, chúng nã pháo sang. Hỏa lực địch nhiều, bắn rất vào tàu ta. Các loại DKC, AK... của ta cũng nổ giòn giã, hấn trả rất quyết liệt.

Ngô Văn Thứ nghiêng chặt hai hàm răng, nhồi cả thân người điều khiển máy trên phòng chỉ huy, cần máy trong tay anh xoay ngược xoay xuôi, gấp gáp hồi hải. Anh cùng Lâm Quang Tuyến cố gắng đưa con tàu lạng lách tránh những luồng pháo đạn đang bay đến. Tàu ta xông pha giữa vòng vây tàu địch.

Trận chiến diễn ra đã chừng 20 phút, anh em trên tàu hy sinh một số, một số bị thương. Liên tục những tiếng hô:

- Báo cáo thuyền trưởng, tôi bị thương!
- Báo cáo thuyền trưởng tôi bị thương vào tay phải!

Hà Minh Thật thấy máu chảy ở dưới lưng, ướt cả áo, nhưng không biết đau ở đâu, anh nghĩ mình không bị thương, vẫn ghi súng nhắm sang tàu địch nhả đạn.

Đạn địch đang bắn sang tàu ta cứ như những bó đuốc cháy rừng rực lao tới.

Ngô Văn Thứ bị thương ở vai. Anh quê ở huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương. Cũng như các thủy thủ bị thương khác, anh ráng sức chiến đấu, quên cả đau đớn. Mỗi lần chuyển động, Thứ lại thấy nóng nóng trên vai, máu đang ứa ra ở vết thương.

Đã có mấy thủy thủ hy sinh ngay tại vị trí chiến đấu. Thuyền trưởng Phan Vinh cũng đã bị thương ở đầu, nhưng vẫn bình tĩnh điều khiển tàu. Tay xách khẩu AK, thuyền trưởng hô to:

- Chúng ta sẽ chiến đấu tới hơi thở cuối cùng trên con tàu này! Chuẩn bị phương án hai!

Phương án hai là phá vòng vây, vượt ra khơi, hy vọng vào tốc lực cao của con tàu 235. Nếu không thoát, có thể lao thẳng vào tàu địch cho nổ tàu, tiêu diệt luôn cả tàu địch.

Tiếng chính trị viên Nguyễn Tương vang lên:

- Các đồng chí, hãy dũng cảm lên! Chỉ ít phút nữa chúng ta sẽ lao vào tàu địch, cùng nó nổ tung! Chúng ta sẽ hy sinh cùng con tàu nhưng trong giây phút vĩnh biệt cuộc đời, chúng ta vẫn làm thêm được việc có ích cho Tổ quốc!

Phương án này anh em thủy thủ trên tàu đều đã chuẩn bị tư tưởng từ những chuyến đi trước, nhưng chưa phải dùng đến. Giờ đây nó sắp trở thành hiện thực. Anh em đã tình nguyện lên tàu là tình nguyện hy sinh, là chiến đấu đến cùng, là cảm tử.

Tàu 235 lúc này cách bờ khoảng 200 mét, đang quay mũi ra biển. Vừa lúc đó thợ máy Vũ Long An hô to:

- Báo cáo, máy tàu hỏng nặng!

Một quả đạn đã trúng ngay cần lái, máy tàu xịch xịch trong vài phút rồi tắt luôn. Không còn cách nào thoát ra khỏi vòng vây. Máy hỏng, vậy là không thể thực hiện phương án hai.

Thuyền trưởng ra lệnh:

- Anh em bị thương rời tàu!

Nguyễn Minh Hải đang nằm co dưới sàn được một đồng chí đến đỡ dậy. Hải nói to:

- Để tôi ở lại đây, chẳng nào tôi cũng chết! Cho tôi được chết ở trên tàu! Tôi không thể sống nổi đâu. Tôi không muốn lại trở thành gánh nặng cho các anh!

Vinh nói như quát:

- Khoác áo phao vào cho Hải, đưa xuống nhanh!
- Nghe lệnh tôi! Tất cả rời tàu, mang theo vũ khí!

Nguyễn Minh Hải quê ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Anh có thân hình to cao, nổi tiếng là người ăn khỏe. Hồi đi chuyến tàu đầu tiên, anh bị sóng nhồi cho như tử, nôn ra mật xanh mật vàng. Vốn thật thà chất phác, anh nói với Thật:

- Anh Thật ơi! Từ ngày xuống tàu em mới được ăn “lo”, thế mà sóng “lô” lại bắt “lôn” ra hết, chán thật!

Hải bị thương rất nặng. Biết mình không thể sống nổi, anh từ chối không cho anh em dìu theo, ngại anh em sẽ chết lây. Anh cương quyết từ chối, cũng như mấy tháng trước đây, anh đã từ chối tình yêu của mình, bởi lo người yêu sẽ đau khổ khi mình hy sinh. Anh viết thư khuyên người yêu với lời lẽ dứt khoát: “Cô hãy đi lấy chồng đi, đừng chờ tôi nữa!”. Cô Tú phản đối quyết liệt, trách anh bội bạc phũ phàng, coi thường cô... Cô đã cùng Hải thề non hẹn biển. Mẹ Hải ở vậy nuôi đứa con trai duy nhất sau khi chồng bà hy sinh ở chiến dịch Biên giới thời chống Pháp. Bà đang chờ ngày con trai mình lấy vợ, sẽ có cháu nối dõi tông đường. Mấy người bạn trong đơn vị phải khuyên nhủ dần xếp mãi, cô Tú mới chịu tha cho Hải tội “bội tình”.

Hải vừa là thợ máy, vừa là pháo thủ trên tàu. Anh bị trúng mảnh pháo vào chân không còn đứng được nữa. Hai anh quàng áo phao vào người Hải, khênh Hải ra mép tàu, cùng lăn xuống biển.

Nguyễn Tương hô to:

- Lệnh phá tàu!

Phan Vinh ra lệnh:

- An, Thứ chuẩn bị điểm hỏa khoang máy! Khung, Tuyến điểm hỏa vị trí sau! Thật điểm hỏa mũi tàu! Thời gian là hai mươi phút!

Thứ bị thương nặng ở vai. Anh vẫn cùng An chui xuống hầm tàu, giữ máy và dây cho An điểm hỏa.

Lúc được lệnh rời tàu, Phong còn cố lia khẩu 14 ly 5 lên hướng máy bay địch đang lượn tới. Thuyền trưởng Phan Vinh nói như quát:

- Ngừng bắn, mang theo vũ khí rời tàu ngay!

Thuyền trưởng Phan Vinh cho mọi người rời tàu. Anh quay lại kiểm tra một vòng các chốt điểm hỏa rồi cùng Thứ nhảy xuống biển sau cùng. Thứ đã bị thương nhưng vẫn cố khoác lên người 2 khẩu AK, một băng đạn 200 viên và 4 quả lựu đạn.

Phong nhảy xuống nước, mang theo khẩu AK, còn thấy Tuyến quay lại phía sau giật cái ba lô theo. Cái bi đông nước toồng teng.

Phong thấy Tuyến bơi bên cạnh nhau. Tuyến đã bị thương, đuối sức rồi mà còn quàng cả ba lô. Phong nhào lại sát Tuyến, gỡ bỏ ba lô:

- Vứt đi thôi, tàu nổ bây giờ!

Tuy mệt nhưng Tuyến thấy tiếc, bộ quần áo mới mặc một hai lần, lại cả bi đông nước. Anh không nỡ bỏ.

Đằng sau thấy có người bơi theo nhưng chắc đã đuối sức, cái đầu nhô lên lại ngập xuống, chỉ chực chìm. Phong quay lại diu kéo theo, không kịp nhận ra người đó là ai. Bỗng một quả đại bác nổ khá gần, cột sóng đánh mạnh xô Phong vào vách đá. Tay anh rời người đồng đội. Tai ù, đầu choáng váng. Anh sắp chìm. May sao một con sóng cứu tinh đã hất anh vào bờ.

Hai người bơi sau là Vinh và Thứ cũng vừa vào tới mép nước thì một tiếng nổ long trời lở đất chấn động cả một vùng. Một khối lửa hình nấm bùng lên cùng với khói đen cuộn cuộn, cuộn cuộn phụt lên rất cao. Hàng mấy tấn thuốc nổ trên tàu đã làm cho tàu 235 vỡ tung. Cái ca bin tàu to như thế mà bị thổi văng lên đến lưng chừng núi Hòn Hèo. Tiếng nổ làm chấn động cả vùng, rung động tới tận Nha Trang.

Tiếng nổ khủng khiếp ấy khiến cho các chiến sĩ vừa bơi vào tới bờ như bưng tỉnh lại.

Bọn địch bàng hoàng, phải đến hai mươi phút sau chúng mới hết kinh ngạc. Chỉ huy địch đã gọi máy bay đến bắn phá dọc ven bờ để triệt đường rút của thủy thủ tàu ta.

Dụng “một trung đoàn Giải phóng” ... hai người [?!]

Một đội quân từ tàu chiến địch đổ bộ lên bờ, rồi một tốp quân khác cách đó không xa cũng đang kéo lên khá đông. Sau này mới biết mấy chiếc tàu nguy cũng bị

mắc cạn. Chúng cho lính đổ bộ lên truy đuổi “Bắc Cộng” mới thoát vào bờ.

Vinh và Thử đang bò lên bờ dốc đã thấy có một toán quân nguy vào đến gần bờ. Quan sát địa hình, Vinh và Thử cố bò thật nhanh để nắm lấy vị trí trên cao, chuẩn bị chiến đấu. Đó là một quả đồi nhỏ nằm sát biển. Vinh và Thử vừa nằm lặn ra nghỉ lấy sức thì ngay phía dưới hai toán quân lính thủy đánh bộ địch sắp xếp đội hình như hai gọng kìm đang tiến lên, vừa vắn đúng tầm đạn của Nguyễn Phan Vinh và Ngô Văn Thử.

Hai anh dùng các mô đá làm nơi ẩn nấp, đợi địch tiến thêm vài bước nữa cho chắc ăn. Hai tràng đạn AK nổ giòn giã chất chúa, một loạt lính địch ngã rạp xuống. Chúng lui lại, dàn đội hình phản công. Bên ta chỉ có hai chiến sĩ, hai khẩu AK và mấy quả lựu đạn. Hai người vẫn đánh trả quyết liệt, đẩy lui nhiều đợt tấn công của địch.

Sức đã kiệt vì mất máu, vết thương trên vai Thử máu vẫn ứa ra nóng hổi. Vết thương trên đầu Vinh khiến anh choáng váng. Hai người nằm ngửa thở lấy sức. Súng địch vẫn bắn rất dữ. Pháo địch nã xuống đỉnh đồi, đất đá cây cối văng tứ tung. Hai khẩu AK đã hết đạn, Thử và Vinh đều để tay vào trái lựu đạn, nằm chờ. Sau mấy lần tấn công, địch đã bị thương khá nhiều. Chúng tưởng là đã đụng độ với một đại đội Việt Cộng trên bờ. Thấy im tiếng súng, địch tưởng đối phương đã bị tiêu diệt, chúng dàn hàng ngang tiến lên. Đợi cho địch tới gần, hai quả lựu đạn của Vinh và Thử nối nhau tung vào giữa đám đông. Rồi lại hai quả nữa. Tiếng kêu la thảm thiết vang lên sau những tiếng nổ ầm ầm.

Hết lượt đạn, chỉ còn nghe vài tiếng súng nhỏ, đó chính là khẩu K54 của Phan Vinh.

Cuối cùng, sức lực cạn kiệt, đạn cũng hết, vết thương nặng mất nhiều máu, thuyền trưởng Nguyễn Phan Vinh và thợ máy Ngô Văn Thứ đã hy sinh anh dũng ngay trên bờ biển Hòn Hèo.

Sau này người dân địa phương kể lại: Hai khẩu AK đã được các anh tháo rời một số bộ phận rồi vứt ra xa để vũ khí không rơi vào tay địch. Lưỡi lê đã giương lên, chuẩn bị đánh giáp lá cà... Trận địa đằng sau chỗ các anh nằm, đất đá, cây cỏ tan hoang bởi đạn pháo. Hai chiến sĩ đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, đến hơi thở cuối cùng.

Nguyễn Phan Vinh quê ở Điện Bàn, Quảng Nam. Ra Bắc tập kết, anh được đào tạo thành thuyền trưởng. Hồi học tại Trung Quốc, Phan Vinh luôn đứng đầu lớp. Được phân công về Đoàn 125, anh đã có mặt trên 11 chuyến tàu chở vũ khí vào Nam. Phan Vinh là người chỉ huy tài giỏi, dũng cảm và rất đẹp trai nhưng vì nhiệm vụ quan trọng mà chưa kịp có người yêu. Thuyền trưởng Phan Vinh được anh em quý mến, thương yêu, tin cậy.

Ngô Văn Thứ, người chiến sĩ Hải quân quả cảm. Đất mẹ Kim Thành, Hải Dương đã sinh ra anh, tự hào vì anh. Ngô Văn Thứ có một đứa con gái bị tật nguyền vì bệnh bại liệt. Anh thường tâm sự với đồng đội là anh rất thương con gái. Anh mơ ước sau này nó sẽ khá hơn và được đi học như các bạn cùng lứa tuổi. Không biết về sau, cháu bé lớn lên đã sống ra sao? Cháu có hiểu gì về người cha của mình, một chiến sĩ "tàu không số" anh hùng đã chiến đấu hy sinh ở bờ biển Hòn Hèo như thế nào không?!

Sau này một tài liệu của địch đã gọi tàu 235 của ta là “một con tàu ma”. Còn đại đội thủy quân lục chiến đổ bộ lên bờ thì báo cáo là “đã đụng độ với một trung đoàn quân Giải phóng”(?!). Thực tế là chúng chỉ đối đầu với hai thủy thủ đã bị thương là Nguyễn Phan Vinh và Ngô Văn Thứ.

* * *

Tiếng nổ rung trời chuyển đất từ con tàu của ta đã đánh thức Tuyến dậy. Phong cũng nhờ con sóng xô mạnh mà dạt vào bờ. Hai người cùng thốt lên:

- Tàu nổ rồi!

Lửa vẫn còn lan ra trên mặt biển đêm. Lửa đang in trong con mắt của hai chiến sĩ. Họ lặng nhìn con tàu thân yêu của mình không còn nữa mà lòng bồi ngùi khôn tả.

- Mọi người đâu cả rồi?

- Địch bắn dữ quá! Không nhìn thấy ai cả!

Phong và Tuyến nhoai người bò vào phía trong.

Mãi tới sáng hôm sau, đúng sáng ngày mừng Một Tết Mậu Thân, mấy người đã lên được bờ mới tập trung lại với nhau. Đoàn Văn Nhi thuyền phó kiểm điểm quân số, còn được 7 người. Nhi bị thương cả hai chân rất nặng, máu ra nhiều, lúc bơi vào bờ có Mai dìu mới bơi nổi. Mặt anh tái xám không còn giọt máu. Đồng đội ai cũng xơ xác, mệt mỏi. Nhi chậm rãi nhìn vào nét mặt từng người rồi điểm danh:

- Trung sĩ cơ điện Vũ Long An.

- Hạ sĩ thợ điện Lê Duy Mai.
- Hạ sĩ hàng hải Mai Văn Khung.
- ... Hàng hải Lâm Quang Tuyến.
- Hạ sĩ thủy thủ Hà Minh Thật.
- Trung sĩ thủy thủ Nguyễn Văn Phong!

Giọng anh trầm xuống, chậm rãi nhắc tên từng người như để ghi dấu những cái tên đồng đội thân yêu. Đoàn thủy thủ gồm hai mươi người cơ mà?! Giờ chỉ còn lại bảy. Anh em đã chiến đấu hy sinh trên con tàu 235 mất hơn chục người rồi!

- Có cậu nào thấy anh Vinh không?

Nhi hỏi và nhìn mọi người. An vội nói:

- Tôi có thấy anh Vinh và anh Thứ bơi sau! Chắc các anh ấy cũng lên bờ rồi!

- Bây giờ làm sao tìm được hai anh ấy?
- Làm sao liên lạc được với người của bên?!

Bảy người đều bị thương và đuối sức cố dìu nhau lên sườn đồi, tránh xa nơi địch đang đổ quân. Nghe tiếng súng nổ phía bờ, anh em nhận ra tiếng AK của ta nhưng không biết anh em ta hay lực lượng du kích chiến đấu với quân địch mà ác liệt như vậy. Có cả tiếng pháo nổ ầm ầm. Khoảng hơn nửa giờ sau, không thấy tiếng AK nổ nữa nhưng đạn pháo địch vẫn nổ mãi. Hóa ra là chúng bắn nhau, cứ tưởng là đối phương nên cứ bắn tiêu diệt.

Họ không biết trận chiến đấu vừa rồi chính là giữa thuyền trưởng Phan Vinh và Ngô Văn Thứ với một lực

lượng khá đông của địch. Hai anh đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng rồi anh dũng hy sinh ngay trên bờ biển quê hương.

Sau này, một tài liệu của Hải quân ngụy đã viết: "... Mười hai chiến hạm và hàng chục hải thuyền của Hoa Kỳ cùng quân lực Việt Nam cộng hòa có phi cơ yểm trợ, đụng độ ác liệt với một trung đoàn Việt Cộng (!) (Thực ra chỉ có 20 thủy thủ tàu 235) gan góc và thiện chiến trên con tàu chở vũ khí từ Bắc Việt thâm nhập. Họ đã nổ súng đến viên đạn cuối cùng, đến người cuối cùng và hy sinh cùng với con tàu bằng khối lượng hàng tấn bộc phá do chính tay họ tự phá hủy, không để lại một dấu vết..."

* * *

Tiếng súng vẫn nổ đây đó, máy bay trực thăng lượn âm âm, thỉnh thoảng lại thả đạn từng tràng. Chúng tìm kiếm hay đổ quân? Trời bắt đầu nắng gắt, anh em dìu nhau lên được lưng chừng một quả núi, chỉ có đá và cây cối khô cằn. Tất cả đều đã rất mệt, đói và khát. Anh em tụm lại dưới một bóng cây khá to, nằm nghỉ.

Nhi bảo Phong và Tuyền:

- Hai cậu đi trinh sát, tìm hướng Tây Bắc xem!

Trong bảy người chỉ có hai người này là không bị thương và còn tương đối khỏe hơn cả. Anh em đã được hướng dẫn từ nhà, nếu vào bờ, cứ lần theo hướng Tây Bắc mà đi.

Hai anh đi theo hướng Tây Bắc, được khoảng hơn cây số thì từ xa đã thấy bọn lính đang đào công sự. Không

phải lính ngự mà là lính Nam Triều Tiên. Hai người rẽ sang hướng khác, lại thấy một toán khác.

Tuyển nói khẽ:

- Chúng ta đã bị bao vây các phía rồi!

Hai anh quay về lối cũ. Mọi người vội hỏi dồn dập:

- Có thấy gì không?

- Địch đang bao vây chúng ta rồi!

- Liệu có đi được không?

- Phải mở đường máu, phá vòng vây!

Tuyển phân tích:

- Liệu chúng ta còn có thể chiến đấu phá vòng vây được không? Đuối sức lắm rồi, vũ khí có hạn, địch lại đông, vây chặn xung quanh. Hay ta cứ tản ra ẩn núp ở quanh đây, chờ đến tối sẽ tìm khe hở luôn qua.

Nhi đã rất mệt, anh bị mất máu nhiều nên cái khát càng khủng khiếp hơn. Anh nói nhỏ:

- Cậu Tuyển hiểu bộ binh hơn mình. Bây giờ cậu sẽ phụ trách đơn vị chiến đấu, chỉ huy anh em hành quân trên bộ.

Anh em đều tán thành, Tuyển cũng cảm thấy chỉ có mình là đã từng là lính bộ binh, kinh nghiệm chắc chắn hơn hẳn các thủy thủ khác chỉ biết chiến đấu trên tàu biển.

Đánh nhau trên bộ, đôi chân là rất quan trọng. Trận địa còn có đất đá, cây cỏ, vài bước chạy đã có chỗ nấp kín. Còn trận chiến trên biển chỉ có lấy thân mình đưa ra

trước mục tiêu, không thể tránh vào đâu cả. Mặt đất hoàn toàn khác mặt biển. Máy bài võ để đánh kẻ thù trên biển, giờ này không dùng gì được. Bàn chân thủy thủ chỉ quen bơi lội, nay mới vượt một đoạn đường đã sương tấy, bởi không còn giầy dép. Đúng là lính thủy đánh bộ bất đắc dĩ!

Lạc lên đồi đá khô

Bị thương, đói và nhất là khát đã tiêu hao sức lực của tất cả anh em. Giữa trưa, trời nắng chang chang, lúc này đang là Tết, ở miền Bắc trời đang âm u lạnh giá như cắt ruột, cả tháng không thấy mặt trời đâu; vậy mà trời miền Trung nắng như nung, tưởng chừng làm khô hết nước trong người. Xung quanh anh em toàn đá núi và cây cối khô cằn, héo rũ.

Máy bay trực thăng của địch vẫn lượn vòng, thỉnh thoảng lại phành phạch ngay trên đầu, tiếng loa chiêu hồi eo éo: “Các chiến binh đoàn 125, anh em đã bị bao vây, không còn con đường nào thoát. Con đường sống của anh em là hồi chánh quốc gia...”

- Dụ bố chúng mày hồi chánh ấy à?! Chúng ông lại cho một băng rớt xuống khe bây giờ!

Tuyến phải kìm lắm mới không giơ súng lên. Anh biết rằng bây giờ không thể được.

Nguồn sống duy nhất lúc này ngoài tinh thần, anh em còn có mỗi người một ít viên sinh tố mà đơn vị phát

cho để phòng thân. Tuyển đề nghị anh em gom cả lại, đưa cho Mai giữ:

- Mai này, cậu hãy giữ và phân phối cho anh em.

Mai đếm cẩn thận, anh tuyên bố:

- Tôi đề nghị phát cho hai đồng chí thương binh nặng bốn viên, còn anh em hai viên một ngày.

- Đúng rồi, đưa ngay bây giờ để còn có sức vượt vòng vây đêm nay!

Suốt đêm, đoàn người dìu nhau, bám víu vào cây, cứ thế đi. Phong như con chim đầu đàn, anh trèo lên cây cao nhất trinh sát, xác định hướng, phát hiện phía trước. Giữa đêm, lất phất mấy hạt mưa nhưng không đủ thành giọt để hứng. Mọi người cố liếm những giọt nước hiếm hoi đọng trên lá cây. Vài giọt mưa nhỏ không đủ làm dịu cơn khát nhưng ngược lại đã làm ẩm áo quần khiến cho cái lạnh ở đầu dồn đến. Cái lạnh từ đói, từ khát, từ mệt mỏi, từ gió biển hút lên khe núi khiến mọi người run lên cầm cập.

Hoàn cảnh không có gì thay đổi. Đã sang đến ngày thứ tư, đoàn người cứ hướng theo ngọn núi cao trước mặt mà tiến. Mỗi ngày chỉ có hai viên sinh tố. Người bị thương nặng như anh Nhi lúc này đuối sức lắm rồi, không thể đi được nữa. Nhẽ ra anh phải nằm trên cáng, nhưng cáng ở đâu ra?! Cũng không người nào còn sức để khiêng cáng. Người nào cũng lê bước run rẩy chỉ chực gục ngã, phải vịn cây vịn đá mà đi. Mai không mang nổi cây súng, anh cố kéo lê nó theo. Mọi người gắng sức dìu anh Nhi. Một quãng ngắn lại phải nghỉ lấy sức. Họ cắn răng bước từng bước một.

Bổng Tuyền kêu lên:

- Chết bỏ mẹ rồi, sao lại vẫn thấy biển thế kia?!

Mấy ngày nay, dìu nhau đi trong đêm, lại lo lẩn tránh vòng vây của địch, anh em cứ ven sườn núi mà đi, sau hai ba sườn núi sao vẫn còn là ven biển.

- Lạc hướng rồi!

Tốp người lại xoay hướng theo sự chỉ dẫn của Tuyền.

Mấy ngày nay đã có người phải uống nước đá của mình. Mất máu, khát khô cổ, nước bọt cũng đặc lại thì nước đá có là bao, nó vàng quánh và nâu như lẫn máu. Anh Mai lúc này đang khum cái lá tính đá ra uống, rặn mãi mới được mấy giọt, vừa đưa lên miệng, khản quá, lại phải buông tay ra.

Chỉ còn Tuyền và Phong là sức lực khá hơn đôi chút. Mỗi lần dừng chân, hai anh lại kiếm một ít lá cơm nguội mang về đưa cho mỗi người vài lá. Cái mùi hăng hăng nhờn nhớt ớn ớn rất ghê, đưa vào miệng là muốn ói, nhưng còn có cái cho vào bụng để sống.

Phong thấy một gốc cây to có hốc ở trong, anh thò cả cánh tay vào sờ, thấy xâm xấp nước, mừng quá vội kêu lên:

- Có nước! Có nước này anh em ơi!

Mọi người mừng rỡ. Tuyền chạy lại hỏi dồn dập:

- Nước đâu? Nước đâu?

Nước lẫn với mùn ở dưới, lại chẳng có gì mức. Tuyền xé ngay miếng áo của mình cho vào thấm rồi lôi ra vắt.

Mấy lần như vậy được khoảng một bát nước nâu nâu dùng đục, chia mỗi người một hớp cho đỡ khát.

Mai nói:

- Anh vét cả cái đồng gỗ mục ra đây ta nhai, cũng như được ăn mía nuốt nước.

Mỗi người bỏ một nắm mùn vào mồm nhai. May mà cái mùn cây này không đắng không độc, chỉ hôi hôi hăng hăng.

Anh Thật lôi ra một tổ kiến, chẳng biết kiến gì mà to bằng hạt thóc:

- Ta lấy trứng nó ăn, chắc chắn là ngon bỏ rồi!

Anh ngồi nhặt từng con kiến non màu trắng sữa, đút vào miệng Nhi:

- Nhai đi anh, chất đậm đấy!

An nhìn thấy một con ốc sên, liền bảo:

- Này, bắt con ốc sên kia đưa đây cho tôi!

- Ốc sên à?

An lấy lưới lê lôi ruột con ốc sên nhảy nhảy ra, bỏ vào miệng nhai.

Mấy anh em nhìn An chăm chú, có người rùng mình vì sợ. Khung bảo:

- Ăn sống ốc sên, nhỡ ngộ độc thì chết.

- Lúc này là ngon nhất! Ốc sên ăn được đấy, hồi ở nhà có lần tôi đã ăn rồi.

Thế là ai còn khỏe liền đi loanh quanh lượm ốc sên về. Nhưng có anh vừa cho vào miệng đã ọe lấy ọe để, không dám nuốt. Thật cứ nhét vào miệng Nhi. Nhi ngoan ngoãn há mồm rồi nhai trệu trạo con ốc sên và nuốt.

Hà Minh Thật kể chuyện:

- Năm 1966, tôi đi chuyến đầu tiên vào Cà Mau thắng lợi. Lần đầu tiên biết rừng đước Cà Mau. Vừa lên tới bến, anh em đã bê ra một nồi cháo thật to. Tưởng là cháo gà, hóa ra cháo chim. Chim rừng Cà Mau nhiều vô kể! Ngày nào cũng được ăn sò, nghêu, ốc, cua nướng, cá nướng. Cứ là ăn no chán thì thôi. Họ bắt chim bắt cá thật dễ, cả tắc kè, rắn mối nhiều cứ như thời nguyên thủy.

Một người đề nghị:

- Cậu kể chuyện bắt rắn đi!

- Con tắc kè to bằng cổ tay, thấy người là nó vọt lên cây đước. Họ trèo lên cây đuổi theo. Người trèo nhanh như khí, túm đuôi nó lôi xuống, chẳng sợ nó cắn. Rắn cũng vậy, họ bắt dễ như bắt ếch. Ngon nhất là món chả rắn, chả tắc kè, rắn mối. Thức ăn ở rừng đước Cà Mau phong phú vô kể! Người ít, cá cua ốc sinh sản nhiều, người ăn có đáng là bao. Chuyển về, họ còn cho mang theo cả bọc chả rắn, cá nướng, ngon chưa từng thấy!

- Nước dãi tao không còn mà tiết ra nữa rồi!

Phong nói nhỏ, rồi ngược mắt nhìn lên ngọn đồi:

- Xung quanh đây toàn là đá và toàn là những loại cây không có nước. Cỏ cũng khô. Nước mưa rút hết xuống

khe rồi. Ở trên này không có gì nuôi sống được con người. Vùng này khô cạn thật!

Anh em bàn tính:

- Chúng ta bị địch bao vây ở dưới chân núi. Ở trên này lại không có gì ăn, không có nước uống. Nếu cứ thế này có thể chúng ta chết khát chết đói hết! Anh Nhi đã kiệt sức rồi. Bây giờ ta chia ra, anh nào còn khỏe đi xuống dưới phía bãi biển tìm liên lạc, tìm nước uống.

- Tôi đi!

Tuyển đứng dậy đi liền! Thật đi theo. Hai người xách theo AK, lựu đạn cùng xuống núi về hướng biển.

* * *

Chờ đến tận sáng hôm sau vẫn không thấy hai người quay về, anh em lo lắng sợ hỏ vồ mất rồi. Đêm qua có thấy bóng dáng hỏ qua đây, vì đông người, nó lảng đi. “Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận” có tiếng xưa nay mà!

Mọi người lần theo hướng Tuyển và Thật đã xuống, cố đi tìm. Gần tối, Tuyển về một mình. Anh nhìn đồng đội, buồn không nói được tiếng nào. Ngồi phịch xuống đất, một lúc lâu sau Tuyển mới nói:

- Chắc Thật đi lạc mất rồi!

Mọi người lo lắng nhìn nhau. Tuyển kể:

- Chúng tôi tìm thấy một vũng nước dưới khe kia kìa, Thật vội lên đây để báo cho mọi người xuống. Tôi chờ mãi không thấy ai, đoán là Thật bị lạc, không biết cậu ấy đi về hướng nào?!

Nhi nói nhỏ, giọng anh đã yếu như không còn hơi:

- Ta cùng xuống chỗ có vũng nước, chờ cậu Thật ở đấy. Có thể đêm nay Thật sẽ quay về đường cũ chẳng?!

Tốp người nằm gần vũng nước bùn cả đêm và cả ngày hôm sau nữa mà vẫn không thấy Thật về. Sức đã cạn nhưng lại không đành bỏ đồng đội mà đi. Nhưng rồi không còn cách gì hơn, tốp người đã kiệt sức vì đói khát đành cắn răng lê bước đi suốt đêm ấy, có lúc phải bò qua bụi gai, khắp người bị gai đâm nhức buốt. Phong diu Nhi, hai chân đã sưng tấy vì đá xước, gai cào, vì không giầy. Anh lấy cỏ lá buộc vào chân mình và chân Nhi để đi cho đỡ đau.

Khi xuống tàu ở bến xuất phát, thủy thủ không ai được biết là tàu sẽ đi đâu. Cả lái tàu cũng làm theo chỉ dẫn của chỉ huy, đi tới đâu biết tới đó. Nhưng anh em đã quen. Cứ được chuẩn bị thuốc men, bao tượng gạo, mũ tai bèo, dép râu là vào Khu 5; còn áo bà ba đen, không dép mũ là vào Nam Bộ. Lúc nhảy xuống biển, có anh không kịp mang ba lô, áo phao, chỉ có vũ khí là mang theo đầy đủ trước hết.

Nghe tiếng sóng biển mà thèm nước. Nước biển đầy ắp thế kia mà sao mình phải chết khát trên này? Khung nói:

- Tôi xuống biển, cứ lấy nước uống. Đằng nào cũng chết... không thể chịu được nữa rồi!

- Không được, xuống đó bây giờ không được! Chúng đang vây kín ở dưới ấy, đụng chúng thì sao?!

Khung cứ xách súng đi.

Mọi người lảng lảng nhìn theo Khung. Cũng có thể uống nước biển còn hơn người khô quắt vì không có nước.

Nhi nhìn An, phều phào:

- An đi theo Khung... có gì còn...!

Dù An đang sưng tấy, anh vẫn cố lê bước lần theo hướng Khung vừa xuống. Mới được vài trăm mét, bỗng An nghe thấy phía dưới có tiếng súng nổ ầm ầm xen lẫn tiếng AK, lựu đạn. Anh nép mình chuẩn bị chiến đấu hỗ trợ cho Khung. Một lúc sau, phía trận địa có tiếng hò hét, rồi im lặng. Khá lâu sau, không thấy động tĩnh gì, An nghĩ: “Chắc Khung bị đụng địch, có thể hy sinh hay bị địch bắt rồi.”

Anh em còn lại bốn người, nghe tiếng súng nổ phía dưới, nhìn nhau lo lắng. Thế là lại mất thêm Khung và An. Tiếng loa chiêu hồi lại ồm ồm phát ra từ trên máy bay đang rà dọc sườn núi. Chúng ra điều kiện cho anh em mười lăm phút, rồi mười lăm phút nữa phải ra hàng. Sau đó tiếp tục gọi ra chiêu hồi, rồi dọa dẫm. Chợt tiếng loa im hẳn, chắc là Khung và An đã hy sinh hoặc bị địch bắt rồi. Mọi người lo lắng trao đổi với nhau. Nếu bị bắt chắc không ai khai báo, nếu khai báo giặc đã kéo quân lên đây... Nếu địch tràn tới, còn viên đạn nào, chúng ta chiến đấu đến cùng!

Tiếng súng xa dần rồi im hẳn.

Phó thuyền trưởng Nhi nói với anh em:

- Bây giờ chỉ còn bốn người. Không thể ở đây lâu được, các đồng chí hãy di xuống phía biển tìm gặp dân xin thức ăn và đi tìm căn cứ. Để tôi ở lại đây!

Một anh đáp:

- Chúng ta sống chết có nhau! Chúng tôi không thể để anh ở lại đây mà đi được!

- Đi đi! Không thể vì tôi mà anh em chịu khổ thêm nữa! Đi đi! Dừng dằng mãi là chết đói hết mất thôi!

- Chết thì cùng chết anh Nhi ạ!

- Không bàn gì nữa, tôi ra lệnh cho các anh phải đi ngay! Tìm được cơ sở rồi tới đón tôi và tìm các đồng chí khác bị lạc.

Nhi kiên quyết giục mọi người. Tạm gác nỗi đau xót lúc này là cần thiết, ai cũng hiểu như vậy. Các anh lấy đá xếp thành công sự, đặt Nhi vào cùng khẩu AK. Tuyến đi kiếm được hơn chục con ốc sên cùng nắm lá cơm nguội để cạnh Nhi. Anh cắn hai hàm răng rồi bắt tay Nhi thật chặt.

Nhi buông tay mọi người, giục giã:

- Đi đi! Đi nhanh lên các đồng chí!

Tuyến, Mai, Phong vừa đi được một lúc thì gặp An đang vất vả lê từng bước chân, tay kéo theo khẩu súng. Mừng vì còn được gặp nhau, Mai vội hỏi tin Khung. An chỉ biết là Khung đã lọt vào ổ phục kích, quân địch rất đông. Sau đó anh không còn biết tin gì về Khung nữa.

Liệu Khung có còn sống đến lúc anh em tìm được cơ sở và quay trở lại?!

Mấy người giục nhau, cố động viên nhau hãy đi nhanh hơn để tìm nước uống, không thì anh Nhi sẽ chết mất!

“Một kho thực phẩm” (?) Hộp sữa của Hà Minh Thật

Tuyến và Thật xách AK xuống hết dốc một ngọn đồi, hai người bối tìm, thấy một vũng bùn cát xâm xấp nước. Thật vục vùi hai tay gạn bùn lấy nước uống rồi nhanh nhẩu bảo Tuyến:

- Tôi quay về đón anh em xuống đây nhé! Anh cứ ở đây quan sát!

Di mãi, di mãi, không còn xác định được phương hướng. Thật liền trèo lên một ngọn cây, nhìn thấy phía trước là dấu vết của một con suối hay thác nước gì đó, bây giờ khô khốc, trơ ra toàn đá học. Anh thấy có tốp lính lộ nhố đang di lên. Thôi chết, mình lạc vào ổ phục

kích mất rồi. Anh tụt xuống, chạy sang phía tay trái, rồi trèo lên một cây cao quan sát. Lại một tốp lính nữa. Trời lúc này đã mờ sáng. Bí thế, Thật rút chốt, ném thật mạnh quả lựu đạn về phía địch rồi tụt xuống, cầm đầu chạy, không ngờ lại đâm ra biển. Anh chui vùi vào đám cây cỏ rong biển, nằm xuống, vờ cào rong biển dậy kín lên người chỉ hờ hai con mắt, nằm im. Khá lâu sau Thật



Đồng chí Hà Minh Thật

thấy bốn lính Nam Triều Tiên khênh ra phía biển hai cái võng bó tròn. Anh nhận định có khả năng mình quãng lữu đạn lúc này chết hai thằng địch.

Xung quanh Thật nước biển đã dâng lên, anh uống mấy hớp nước biển, mặn đến ghê người. Anh nằm đây mong trời tối. Đã mấy ngày lê lét lần mò trên núi, vừa đói vừa khát, chỉ có mấy viên sinh tố, vài lá cây nhai cầm hơi, vậy mà anh em vẫn sống. Đêm qua, lúc chạy thực mạng, không biết sức ở đâu mà mạnh thế! Anh lấy rong biển nhai trệu trạo. Bờ biển vắng ngắt, không một bóng người. Quan sát phía xa có những lùm cây, có thể ở đấy có dân.

Trời mờ tối, Thật chui ra khỏi đám rong, đi dọc bờ biển, nhặt được gì có thể ăn được là bỏ vào miệng nhai cho đỡ đói. Quả táo tây dạt vào mép nước, anh ăn liền, nó ủng rồi nhưng vẫn là thứ ngon nhất. Đi lên một khúc nữa, thấy bờ có đá, Thật mò vào hõm đá và bất ngờ phát hiện ra một khe nước chảy, vội vục một bụm tay uống thử. Anh sung sướng khê reo lên:

- Nước ngọt, nước ngọt đây rồi! Các anh ơi!

Thật nghĩ mình đã đi lạc mất rồi, biết tìm đường nào trở về bây giờ? Anh em chắc cũng đang lo cho mình lắm!

Không thể lại lấy rong biển ngụy trang như đêm qua, lại nhìn thấy một đám dừa dại mọc um tùm, Thật liền chui vào bên trong. Tuy gai dừa cào xước cả tay chân nhưng chỗ này khá kín đáo, ban ngày có thể ẩn núp vào đây được. Anh đánh dấu phương hướng rồi đi vào ven rặng cây, tìm nhà dân để bắt liên lạc. Một ánh đèn lơ mờ từ trong ngôi nhà tranh hắt ra.

Thật đánh liều vào và lên tiếng bằng giọng Thái Bình của anh:

- Thưa bác, bác cho con hỏi...

Người trong nhà cầm đèn đi ra. Đó là một ông già. Ông ta xua tay:

- Thôi, anh đi ra đi! Đi nơi khác đi! Chúng tôi sợ lắm!

Vừa nói ông vừa đẩy Thật ra xa.

Giọng một bà già từ trong nhà nói vọng ra:

- Đi đi, để cho chúng tôi sống! Không thì chết hết bây giờ!

Đây là vùng Ninh Diêm, Ninh Hòa bị địch quản lý nghiêm ngặt. Dân sợ liên lụy, có nhiều người theo nguy cho yên thân.

Quan sát thấy phía ngoài bờ biển có một hòn đảo, tối ấy Thật bơi ra nhưng không có nhà cửa gì cả, anh lại bơi vào.

Một tối, anh lần vào ngôi chùa nhỏ hỏi thăm. Nhà sư trụ trì thấy anh quần cộc, áo chỉ còn mấy mảnh tả tơi, người ngòm bẩn thỉu như ở lỗ móc lên, mặt mũi hốc hác, râu tóc bù xù như thổ phỉ. Cảm thương, nhà sư nói:

- Tôi biết anh là người của Cộng sản, nhưng nhà chùa ở đây không thể giúp gì cho các anh được đâu!

Nhà sư đưa cho Thật hộp sữa và mấy quả ổi. Anh mang về cất trong bụi dừa. Tuy bụng đói, người mệt rã rời, anh có thể nuốt chửng cả hộp sữa, nhưng không thể ăn một mình. Hộp sữa này phải để dành, khi nào gặp lại các anh sẽ bồi dưỡng cho mỗi người một ca. Thật nghĩ tới

đồng đội, hai mươi người hy sinh gần hết, chỉ còn bốn năm người dạt lên bờ cả chục ngày nay không bắt được liên lạc. Chịu đói khát, lại lạc nhau, không biết ai còn ai mất. Mình thì lạc vào đây đã mấy ngày không tìm được đường ra. Lòng anh đau thắt, tay cầm hộp sữa mà tủi thân, nước mắt giàn giụa.

Sáng ấy, Thật đi dọc bờ biển, anh cố đi vào ban ngày để cho người ở bên có nhìn thấy thì nhận ra người lạ, nhưng vẫn không sao bắt được liên lạc.

Tối tối, có mấy người từ trong xóm ra, họ soi đèn bắt nhều. Thật lân la ra bắt hộ rồi làm quen hỏi chuyện.

Chiều tối hôm ấy, Thật gặp một phụ nữ. Cô ta nhìn chăm chăm vào anh rồi bỗng bỏ chạy vào phía rừng cây. Thật chưa hiểu chuyện gì. Một lúc sau, Thật thấy lính lúc nhúc vác súng kéo ra. Anh bỏ chạy thực mạng về phía rừng cây dưới núi. Chúng bắn theo rào rào, chéo chéo, âm ầm. Một chân trúng đạn, anh vẫn chạy. Anh chạy ngược lại phía hôm trước. Chúng đuổi theo nhưng trời tối không rượt kịp. Thật cứ thế chạy lên núi, chui vào một bụi cây. Viên đạn xuyên qua bắp chân, máu chảy nhiều, bông băng không có, anh nhai mấy ngọn cỏ dịt vào vết thương.

Ngày sáng hôm sau, dịch càn xuống bờ biển. Chúng phát hiện ra chỗ Thật trú ẩn hôm trước trong bụi dứa dại, bắt được cả hộp sữa và mấy quả ổi, can nước. Chúng quảng cáo rùm beng rằng đã tiêu diệt tận hang ổ Việt Cộng, bắt được nhiều tang vật... Có cả kho thực phẩm, đường sữa. (Thực ra chỉ có một hộp sữa và mấy quả ổi nhà sư cho mà Thật để dành cho anh em đồng đội).

Chờ tới chiều tối, Thật lại mò ra, tìm gặp người dân để bắt liên lạc với du kích. Anh nghĩ chắc chỉ có một số nào đó theo giặc thôi, chứ đa số dân chúng ở đây vẫn theo cách mạng. Sau này mới biết dân ở đây bị địch khống chế, mua chuộc bằng tiền thưởng. Một tên lính Đại Hàn nếu bắt sống được một Việt cộng sẽ được giảm hai năm đánh thuê. Chúng treo giải ai nộp một tên Việt Cộng sẽ được bao nhiêu tiền. Rất không may cho các anh thủy thủ tàu 235 còn sống sót lạc vào đây.

Đã ba bốn ngày nay, Thật không bắt liên lạc được với cơ sở. Anh em cũng không thấy đâu. Thật một thân một mình hết ẩn núp ở bụi ở hang lại mò ra tìm kiếm liên lạc, vẫn chưa có hy vọng gì. Hà Minh Thật không nghĩ là mình có thể chết vô vị ở đây, thà hy sinh lúc đang chiến đấu trên tàu, hoặc bên cạnh anh em đồng đội!

Sáng hôm sau, Thật đi ra bờ biển, cứ đi giữa ban ngày để may sao gặp người cơ sở, họ nhìn thấy người lạ mà nhận ra mình là thủy thủ trên tàu. Hai ngày liền đi tìm như thế, vẫn không gặp cơ sở nào.

Đã sang đến ngày thứ bảy. Chiều hôm ấy, Thật nhìn thấy phía xa có một người khoác súng, dáng cao gầy. Chẳng nhẽ là địch? Địch sao lại chỉ có một mình? Nếu là địch thì sẽ xông xáo, sao anh này lại có vẻ từ từ. Anh liều đi ra, tay để sẵn vào cò súng, nếu là địch thì một chọi một, sợ gì?! Thật khum hai tay lên miệng nói:

- Kiến...

Người kia quay sang đáp ngay:

- Vàng.

Thật mừng quá, lại khum tay:

- Vàng.

- Kiến.

Đúng là người của ta rồi! Đúng mật khẩu giữa thuyền và bến! Thật reo lên sung sướng:

- Kiến - vàng! Vàng - kiến!

Người kia chạy lại ôm lấy Thật:

- Anh ở tàu vô hôm mừng Một Tết phải không?

- Đúng rồi! Chúng tôi bị lạc lên đây, không làm sao bắt liên lạc được!

- Trời ơi! Thế mà anh còn sống đến nay! Có một mình anh thôi sao?!

- Còn nữa, mấy anh ở trên núi kia kìa!

- Chúng tôi đi tìm các anh suốt mấy ngày sau đó nhưng không thấy một ai. Cứ nghĩ anh em hy sinh cùng tàu hết rồi!

- Chúng tôi còn mấy người đều bị thương cả, cố dìu nhau bò lên núi.

- Chết rồi. Núi ở đây không có nước, không gì có thể ăn được!

Anh này đưa Thật về nhà cơ sở, băng rửa vết thương nhưng không có thuốc men gì cả. Thật cứ theo kinh nghiệm của mẹ, lấy cỏ nhai dặt vào vết thương. Người của cơ sở nói:

- Vùng này nhiều người theo nguy, họ còn tìm nơi ẩn náu của “Việt Cộng”, chỉ hầm cho chúng bắt. Lực lượng

ta ở đây hoạt động rất khó khăn. Cả khu này khô cằn xơ xác, đói khổ. Lên núi là không có nước, không có gì ăn để sống nổi. Cả tuần nay tôi đã đi tìm, tưởng là không còn người nào dưới tàu sống sót thoát được lên bờ.

Thật vội nói với người của cơ sở:

- Chúng tôi còn có năm người nữa ở trên núi, không biết bây giờ họ ở đâu?! Tôi bị lạc xuống đây sáu bảy ngày nay rồi. Các đồng chí hãy cho tìm họ ngay, có thể anh em bị chết khát chết đói mất rồi!

Ngay đêm hôm đó, người của bến đã tìm ra bốn người đưa về đây: Phong, Mai, Tuyền, An. Năm anh em ôm chầm lấy nhau, mừng rơi nước mắt.

Nghe bà con kể sau khi tàu nổ, có mảng tàu thật to bắn lên tận lưng chừng núi, cả những mảnh xác người, cả ba lô cũng văng lên bờ. Có một bó súng AK đã cong queo cũng văng lên bờ. Đau thương nhất là bọn địch lòi từ dưới biển lên một xác người to cao kền càng rồi chúng chất củi rác đốt. Nhưng xác người ấy cháy không hết, còn nằm trơ trên bãi biển mấy ngày liền.

Thật kêu lên đau đớn, xúc động:

- Đúng là xác Hải rồi!

Khi mọi người tìm đến chỗ anh Nhi thì chỉ còn mấy mảnh băng vết máu đã khô và rải rác quanh đấy từng bộ phận của khẩu AK đã được tháo rời.

Thật và Phong lấy mấy vỏ đạn pháo sáng khắc tên từng đồng chí tàu 235 đã hy sinh, cắm ở nơi đã xảy ra

trận chiến đấu ác liệt để làm dấu, cầu mong sau này còn biết được nơi các anh đã gửi lại xương máu của mình. Nơi con tàu 235 đã chiến đấu quyết tử là khu vực Đầm Vân, bờ biển Hòn Hèo, Nha Trang.

Sau này bà con địa phương kể lại: có một bụi cây rậm rạp đã nhiều lần bà con đốt làm rẫy mà vẫn không cháy. Mãi sau mới phát hiện một bộ xương người trong bụi rậm ấy. Nó ở gần chỗ anh Nhi nằm. Chắc là anh Nhi đã bò ra khỏi ụ đá.

Bà con bảo: “Chắc là bộ xương của cái anh cao cao chạy lên núi bữa chiều hôm ấy bị địch đuổi bắn theo rồi chết ở đấy.” Họ tưởng đó là bộ xương của Hà Minh Thật.

Tàu 235 lúc xuất phát gồm hai mươi con người, nay còn lại được năm. Đó là các anh:

- Hà Minh Thật quê ở Thái Bình.
- Vũ Long An quê ở Hưng Yên.
- Lê Duy Mai quê ở Thanh Hóa.
- Lâm Quang Tuyến quê ở Nam Định.
- Nguyễn Văn Phong quê ở Nam Định.

Mười bốn người hy sinh là: Nguyễn Phan Vinh, Nguyễn Tương, Đoàn Văn Nhi, Võ Tá Tu, Ngô Văn Thứ, Trương Văn Mùi, Nguyễn Minh Hải, Trần Lộc, Phạm Trường Nam, Doãn Quang Ruyện, Trần Thọ Thuyết, Đào Quang Ty, Hoàng Văn Hòa, Nguyễn Văn Dũng, cùng con tàu 235 trên vùng vịnh Đầm Vân, Hòn Hèo, Nha Trang. Riêng Mai Văn Khung thì bị mất tích.

Cuộc hành trình suốt sáu tháng trời gian nan vất vả mới đưa được năm người thủy thủ tàu 235 còn sống sót vượt Trường Sơn ra Bắc. Sau đó một thời gian các anh lại tiếp tục làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí vào Nam trên những “con tàu không số” khác.

* * *

Tôi tìm đến nhà anh Hà Minh Thật trong một con hẻm ở Gò Vấp. Anh vẫn còn cường tráng như người thủy thủ ngày nào. Nét chân thực, hiền lành, chất phác của người miền quê Thái Bình vẫn còn nguyên trong anh. Anh kể chuyện cho tôi nghe bằng cả tâm hồn đang trở về với quá khứ:



Các chiến sĩ tàu 235 sống sót trở về sau lần chở vũ khí vào Hòn Hèo (từ trái sang: Nguyễn Văn Phong, Lê Duy Mai, Vũ Long An, Lâm Quang Tuyến, Hà Minh Thật)

- Tôi không thể kể hết được đâu! Anh em trên tàu chiến đấu dũng cảm, hy sinh oanh liệt lắm! Sau này, anh Phan Vinh được phong *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân*. Còn anh Tuyến hiện nay ở Vũng Tàu. Anh Phong ở Hải Phòng. Anh Mai ở Thanh Hóa.

Anh kể tiếp:

- Anh Vũ Long An hiện nay sống ở Thủy Nguyên, Hải Phòng. Cứ có ai là đồng đội cũ đến thăm anh cũng khóc vì nhớ thương những đồng đội đã hy sinh, vì những ký ức đã qua, rồi sau đó lại ốm mất mấy ngày vì xúc động. Anh An yếu lắm rồi! Sợ khi cuốn sách này được xuất bản, anh An không còn sống để mà đọc nữa!

* * *

Lúc còn sống, Phan Vinh là bạn thân chí cốt cùng quê Điện Bàn, cùng học hàng hải với Trần Phong. Bây giờ nhắc đến Phan Vinh và bốn chuyến tàu chở vũ khí vào dịp Tết Mậu Thân, anh Phong vẫn nghẹn ngào rơm rớm nước mắt.

Trần Phong cảm thấy được an ủi phần nào khi cách đây mấy năm, đơn vị đã cho xây một bia tưởng niệm trên núi Hòn Hèo, ngay chỗ mảnh con tàu văng lên sườn núi, nơi con tàu 235 đã chiến đấu dũng cảm và hy sinh oanh liệt.

Hành trình hình chữ O

Một nhà báo Mỹ đã viết trong một tạp chí: “Cộng sản có loại tàu rất ranh ma ngoắt ngoéo. Chúng đi bằng nhiều hướng, vờ vĩnh, nhưng nửa đêm, nó đâm thẳng vào bờ...”

Từ khi con đường vận chuyển vũ khí trên biển Đông bị lộ, hành trình của các “con tàu không số” gặp rất nhiều khó khăn. Tuy chúng ta vẫn có trăm phương ngàn kế đánh lừa đối phương để vào được bờ, hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, nhưng cũng không ít tàu hoặc phải quay về, hoặc chiến đấu hy sinh, thậm chí phải hủy tàu.

Nhiều tàu mới ra tới hải phận quốc tế đã bị máy bay trinh sát của Mỹ bám theo chụp ảnh, theo dõi. Như vậy là khó có thể vào bến. Địch cứ bám theo, tàu ta cứ đi dần vào phía Nam, vòng vèo tìm cách lẩn tránh. Tới một lúc nào đó, hoặc đánh lạc hướng được tàu địch, tàu ta cập vào bờ; hoặc bị tàu ngụy bao vây chặt, trận chiến xảy ra ác liệt trên biển. Phía ngụy công bố: “Người Mỹ tuân thủ luật

lệ quốc tế, còn dè dặt, theo dõi, chứ gặp hải quân Cộng hòa là bị đánh ngay từ ngoài hải phận”.

Nếu không vào được bến, tàu ta đành phải quay ra. Ra được đến nơi an toàn cũng là thắng lợi. Nghe quay về tưởng như đơn giản, nhưng chúng ta hãy xem chuyến quay về mà anh em gọi đùa là “hành trình hình chữ O” như thế nào?

Không vào được bờ

Chuyến tàu 56 chở hơn 37 tấn vũ khí là một trong bốn chuyến đặc biệt Tết Mậu Thân tháng 2-1968

Xuất phát từ cảng A2 vào đúng kỳ gió mùa đông bắc thổi mạnh, tàu 56 bị những đợt sóng lớn nhồi lắc làm đảo lộn hết mọi sinh hoạt của thủy thủ đoàn vì say sóng. Nhưng dù chết cũng không được bỏ ca trực. Bốn người một ca: một lái, một chỉ huy, một quan sát và một dưới khoang máy. Khổ nhất là anh trực dưới khoang máy, vừa nóng lại vừa bị khói hơi dầu máy xộc vào mũi vào mắt.

Hai ngày sau, tàu vừa quay mũi xuống phía Nam thì đã thấy máy bay trinh sát địch lượn qua đầu. Dù đã chuẩn bị đủ thứ cờ Trung Quốc, Nhật Bản, Ma Cao để ngụy trang, thay đổi biển số, chạy ngoài hải phận, hoặc phải lượn lên lượn xuống lúc thì sang hướng Đông, lúc lên hướng Bắc, khi vòng xuống phía Nam,... nhưng anh em thủy thủ vẫn lo lắng nhận định: Có thể chúng đã phát hiện ra tàu ta.

Bị sóng đánh, thủy thủ say sóng gần hết lượt. Thực phẩm mang theo khá đầy đủ, phong phú vì là ngày Tết, nhưng chẳng ăn được là bao. Mấy lồng gà mang theo cũng không sao làm thịt được. Chẳng biết có phải gà cũng bị say sóng hay sao mà chết hết cả. Đành phải vứt xuống biển, tiếc nhưng đành chịu. Chỉ có dưa cải dưa hành là dùng được.

Đi trong sóng lớn tuy vất vả nhưng nhờ sóng đánh mạnh làm nhiều ra-đa của địch. Còn tàu cứ lúc ẩn lúc hiện giữa những luồng sóng nhấp nhô.

Máy bay NAVY lại bay đến, lượn 5 vòng, sấm soi thật kỹ. Tàu 56 do Ba Râu làm thuyền trưởng và Đỗ Như Sạn là chính trị viên. Tàu được nguy trang cẩn thận, liên tục thay đổi hướng đi để đối phó với địch.

Thấy bóng dáng tàu chiến địch từ xa là tàu 56 liền tránh sang phía khác. Sau mấy tiếng đồng hồ, tàu 56 chuẩn bị quay mũi vào bến Lộ Giao, Bình Định.

Tàu 56 vẫn đi, máy bay và tàu chiến địch vẫn bám theo sát sạt. Chúng đánh tín hiệu yêu cầu tàu ta dừng máy.

- Dừng cái mả bố chúng mày!

Báo vụ Nguyễn Văn Nghiệp dò mãi mới ra cái tín hiệu địch đánh sang tàu ta. Anh buông một câu chửi đồng cho bồ tức.

Con tàu cứ lặng im lướt đi, coi như không nghe không thấy gì.

Nhưng rồi không phải chỉ một hay hai tàu mà lúc này là hàng chục tàu địch đã bám theo, lượn lờ, quần đảo

xung quanh. Nội dung những bức điện giữa tàu 56 liên lạc với Sở Chỉ huy ở hậu phương: “18 giờ 23 phút, gặp 11 tàu địch bám sát. Tránh không được.”- Sạn. “23 giờ địch vẫn bám sát. Nhận định có thể bị lộ. Trở ra chờ thời cơ. - Sạn. “3 tàu địch rọi đèn pha bắt dừng máy - Có thể chiến đấu” - Sạn.

Điện từ Sở Chỉ huy: “Nếu địch bám sát, không ăn được, nghi binh đánh lạc hướng, bảo đảm cho đơn vị bạn hoàn thành nhiệm vụ” - Đạo.

Trong khi quân dân ta Tổng tiến công và nổi dậy khắp các đô thị miền Nam lúc giao thừa Tết Mậu Thân thì 4 chiếc tàu cũng phải đồng loạt đổ bộ vào bờ thuộc bốn tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Cà Mau. Còn có phương án tàu nào đụng địch không vào bến được thì sẽ có nhiệm vụ tập trung thu hút đánh lạc hướng tàu địch để cho tàu bạn vào bến.

Đúng giao thừa, tàu 43 của Đắc Thắng vào Đức Phổ, tàu 235 của Phan Vinh vào Hòn Hèo như thế nào chúng ta đã biết. Còn tàu 165 của thuyền trưởng Nguyễn Chánh Tâm và chính trị viên Nguyễn Ngọc Lương chở 64 tấn vũ khí vào Vàm Lũng, Cà Mau thì tình huống cập bến xảy ra như sau:

Tàu 165 chỉ đánh một bức điện duy nhất gửi về trước giao thừa 3 giờ đồng hồ với nội dung như sau: “Chuyển vào, gặp máy bay trinh sát địch về hướng tàu cập bến - Lương”.

Tàu 165 với thủy thủ đoàn 18 người chỉ để lại mấy dòng này thôi rồi đi vào huyền thoại! “Anh em ở bến Cà Mau đêm đó chờ sẵn đón tàu, họ nhìn thấy ngoài biển có

nhieu ánh lửa và đường đạn vạch lên trời. Địch thả pháo sáng trắng cả khu vực. Mọi người cho rằng tàu ta đã gặp địch và đang chiến đấu. Mấy ngày tiếp đó, ban chỉ huy bến cử người đi dọc bờ biển tìm anh em, song chỉ thấy váng dầu loang cùng nhiều mảnh ván có vết đạn nham nhở trôi dạt vào bờ.” (trích - *Lữ đoàn 125 Hải quân*).

Biển khơi Đất Mũi Cà Mau đã đón những người con dũng cảm của Tổ quốc vào lòng, vỗ về bằng tiếng sóng rì rầm như tiếng à ời ru hời của mẹ. Tiếng những người mẹ nơi quê nhà đang tha thiết gọi tên các anh: Nguyễn Chánh Tâm, Nguyễn Ngọc Lương, Hoàng Văn Tuyết, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Danh, Nguyễn Văn Thị, Trần Văn Dựng, Nguyễn Duy Tạo, Lý Khánh Hồng, Vương Văn Diêng, Nguyễn Kinh, Nguyễn Văn Em, Nguyễn Đình Văn, Trần Văn Quối, Phạm Văn Phương, Trần Văn Bé, Mai Đức Long, Vũ Hữu Nghị!!!!...

* * *

Tàu 56 vẫn đang luôn lách tránh né tàu địch ngoài hải phận, lúc lặng lẽ tìm hướng, có lúc như mất hút vào biển đêm lặng lẽ. Ban Chỉ huy tàu vẫn kiên quyết làm theo kế hoạch: Tối nay phải vào được bờ.

Buổi chiều biển lặng, trời trong xanh, nước trong xanh. Bức tranh thiên nhiên sao mà tươi đẹp và thanh bình đến thế?! Thủy thủ hàng hải Hồ Văn Kiêm lúc này vừa được nghỉ lái liền sang nấu cơm. Anh thuộc loại khéo tay vì hồi còn đi học, anh lĩnh nhiệm vụ nấu cơm cho cả nhà. Vừa học xong cấp 3, có giấy gọi đi học ở Liên Xô nhưng

anh lại tình nguyện đăng ký đi bộ đội như bao thanh niên cùng thời.

Trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, vừa có giấy báo chuẩn bị lên đường, mẹ anh hồi hải bắt cả nhà cả họ phải lo ngay việc cưới vợ cho anh đã. Vợ anh là một cô bạn gái cùng học, quen biết nhưng anh và cô đều chưa có tình ý gì. Hai người cùng mới 18 tuổi.

Mẹ anh giải thích: “Thời buổi chiến tranh, chẳng biết ngày mai sẽ thế nào. Cứ cưới vợ trước khi đi bộ đội, may ra còn có đứa cháu nối dõi!” Mọi thủ tục đám hỏi, cưới xin đơn giản gói gọn trong ba ngày. Gia đình hai bên cũng phiên phiên, miễn sao cho hai đứa mau thành vợ thành chồng.

Thế mà tình nghĩa vợ chồng cũng đã mặn nồng. Nhưng mới được bảy ngày là anh đã phải chia tay người vợ trẻ để lên đường. Kiêm được điều ngay sang đơn vị Hải quân. Trong thời gian đào tạo huấn luyện gấp rút, không được về phép. Chàng Hải quân đẹp trai và cô vợ tên Hòa chỉ có mấy lần thư từ cho nhau. Họ vẫn thường gọi nhau là: “Mối tình bảy ngày của anh!”, “Mối tình bảy ngày của em!”. Đến khi Kiêm nhận nhiệm vụ trên “Đoàn tàu không số” thì cô Hòa chỉ biết: “Anh ấy là Hải quân, hàng năm trời chả thấy thư từ gì cả!”

Mới đấy mà đã ba năm trôi qua, Kiêm chưa một lần về thăm nhà! Anh nghĩ nay mình mới 21 tuổi, sau này hòa bình, mình sẽ để cho cụ vài thằng cháu nối dõi, cho bố công mong mỏi từng ngày.

Chiều tối, anh em trên tàu đã nấu cơm nếp chuẩn bị mỗi người một nắm, một bi đông nước, vài thữ quân trang cá nhân trong đó có túi chống cá mập, một loại chất hóa học màu đen khi xịt vào nước biển sẽ có cái mùi gì đó khó chịu khiến cá mập không dám đến gần. Thời chiến tranh, đã thành thói quen, mỗi lần xảy ra đánh nhau trên biển là lũ cá mập lại kéo đến đây kiếm mồi. Trong những tình huống phải hủy tàu, có thủ thủ nháy xuống biển đã bị rơi vào hàm cá mập.

Tàu ta đã bắt được ánh đèn pha ở Cù Lao Xanh. Trong tình hình địch đang bám theo khá đông, chỉ có cách đánh lạc hướng, chuẩn bị lao vào bờ, vừa chiến đấu vừa thả hàng xuống biển. Người trong bến sẽ ra tìm kiếm và vớt lên sau.

Lúc đó là 10 giờ đêm, tàu còn cách bờ 20 hải lý. Đèn của tàu chiến địch đã sáng lòa các phía. Tàu 56 rẽ tránh về hướng Nam nhưng vẫn bị bao vây. Tàu đã bị lộ.

Các thủy thủ được lệnh chuẩn bị chiến đấu. Ba khẩu B40, B41, ba khẩu 12 ly 7, tất cả sẵn sàng nhả đạn. Bộ phận thả hàng cũng ở tư thế bắt tay ngay vào việc.

Chỉ huy tàu mở đài, chỉ nghe thấy tiếng rọc rọc... Đánh điện về báo cáo nhưng không được trả lời. Sau này mới biết là do chỉ huy sở đang rất bận vì tàu 43, tàu 235, tàu 165, ba tàu đều đã điện về báo cáo đã "vào bờ..." và đều xảy ra đụng độ với địch ở gần bờ. Chỉ riêng tàu 56 là chưa vào được!

Anh Sạn nhận định:

- Chúng ta đang bị tàu địch bao vây bốn phía rất đông, không dễ vào được bờ. Phải tiếp tục đánh lạc hướng chúng và di chuyển thật nhanh.

Thủy thủ trẻ Hồ Văn Kiêm hăng hái:

- Cứ mở đường lao vào bờ, vừa thả hàng vừa chiến đấu, cần thiết thì hủy tàu!

Theo lệnh của thuyền trưởng Ba Râu, Hồ Văn Kiêm bẻ lái cho tàu lao ra khơi. Ngay lúc ấy có 7 tàu địch bám theo, pháo sáng nổ đầy trời, nhìn rõ từng con tàu trên biển. Đúng là chúng đang giăng lưới, chỉ chờ bắt sống tàu ta. Tiếng loa phát ra từ một con tàu rất gần:

- "Các thủy thủ Đoàn 125, hãy đầu hàng chính nghĩa quốc gia. Các anh không còn con đường nào khác!"

Chúng rành cả tên hiệu bí mật của Đoàn Hải quân 125 đặc biệt của ta, ghê gớm thật!

Tàu địch bắt đầu nổ súng, nhưng mới chỉ là loạt đạn bắn lên cao thăm dò.

Sạn nói to:

- Chúng mới bắn thăm dò thôi, nếu ta nổ súng là lộ tàu ngay! Tàu chưa vào được gần bờ, chưa đến lúc chúng ta phải chiến đấu!

Tất cả vũ khí đã chuẩn bị sẵn sàng. Có lệnh chiến đấu là sẽ lật tung lưới phủ 3 khẩu B40, B41 và 12 ly 7. Thủy thủ tay nắm chắc khẩu AK.

Chính trị viên Sạn động viên anh em:

- Các đồng chí! Chúng ta chuẩn bị chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc! Các đồng chí hãy bình tĩnh vào vị trí chiến đấu!

Một chiếc tàu chiến địch lao lên chắn đường ngay phía mũi tàu ta. Thuyền trưởng hô to:

- Các đồng chí, chuẩn bị chiến đấu!

Mắt anh long lên nhìn tàu địch ở phía trước. Kiềm nắm chặt tay lái, nghiến hai hàm răng.

Ba Râu ra lệnh:

- Chuẩn bị đâm thẳng vào tàu địch phía trước!

Kiềm bình thản cho tàu lao tới. Một tiếng nói âm thầm trong tâm khảm anh: “Thế là con trai mẹ đã không thể làm cho mẹ toại nguyện được rồi! Mẹ ơi! Con xin lỗi mẹ! Hòa ơi! Vĩnh biệt em, mối tình bảy ngày của anh!”

Tàu ta sẽ nổ, đồng thời tiêu diệt luôn tàu địch. Thủy thủ đoàn sẽ hy sinh!

Dường như biết ý đồ của đối phương, tàu địch chợt tăng tốc độ, vọt né sang một phía. Tàu 56 lao qua làn nước xoáy cuộn trắng xóa của tàu địch để lại. Chứng kiến pha đối đầu ngoạn mục vừa rồi, vài chiếc tàu địch đã giảm tốc độ, chỉ còn mấy chiếc vẫn cố tình bám theo.

Cả thủy thủ đoàn sau giây phút căng thẳng lại sôi sục niềm tin quyết thắng.

Quần nhau đến hơn một tiếng đồng hồ, tàu 56 vẫn lao lên vùn vụt. Tàu địch từ từ dân ra, lui lại phía sau.

Chỉ huy tàu nhận định:

- Có thể nó sẽ không đánh! Hãy cho tàu giảm tốc độ!

Vừa lúc đó tàu 56 nhận được điện cấp trên: “Đêm qua 235 bị đánh ở Hòn Hèo... các đồng chí 56 quay về!”

Quay về?! Hai tiếng ấy nghe sao mà nặng nề, chua xót! Kiêm - chàng Hải quân trẻ không mặc quân phục đã trở thành “ngư phủ” không biết đánh cá hơn hai năm nay chỉ cời trần phơi nắng, nhúng nước mặn suốt ngày và ra khơi luyện tập máy móc, lái tàu, coi thiên văn và chuẩn bị kíp nổ...

Trên chiếc tàu thả trôi giữa vịnh Bắc Bộ, có năm anh lính Hải quân trẻ đang trải qua thử thách. Sóng gió cấp 7 làm đảo lộn hết cả tàu và người. Hai anh nôn thốc nôn tháo, nôn ra cả mặt xanh mặt vàng. Hai anh này sau đó chỉ được ở tàu hậu cần, tiếp dầu tiếp phẩm. Còn ba anh có sức khỏe dẻo dai và có hệ thần kinh tốt, ít nôn thì được bổ sung xuống “tàu không số” nhận công tác đặc biệt. Kiêm rất mừng vì mình đã được lựa chọn đúng vào thời kỳ việc vận chuyển vũ khí gặp nhiều khó khăn, gian khổ.

Kiêm đã tham gia vận chuyển vũ khí hai chuyến năm 1967, tuy gian khó ác liệt nhưng đã thành công. Một chuyến vào Bình Định, một chuyến vào Nha Trang. Vậy mà chuyến này sau lần đụng độ gay gắt với tàu địch, tàu ta lại phải quay về.

Về gần đến đảo Hải Nam vẫn thấy hai tàu địch bám theo từ xa. Sợ lộ, tàu cứ chạy ngược lên hướng Bắc, giả như một chiếc tàu chở hàng sang Nhật Bản hay Hồng Kông.

Trong thời kỳ gay go ác liệt nhất của công tác vận chuyển vũ khí vào Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nói: “Chỉ cần 50% số hàng vào được bờ là đã thắng lợi rồi.” Vào giai đoạn còn ác liệt hơn như những năm 1970 - 1971, Bộ Chỉ huy cũng nhận định: “Một trăm con tàu vào Nam, nếu chỉ một tàu chuyển được vũ khí vào bến, cũng đã là thắng lợi! “

Giao thừa Tết Mậu Thân, bốn tàu chở vũ khí mất ba, còn một tàu phải quay về! Trên thực tế, Đoàn 125 đã làm được những điều còn hơn cả mong muốn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Số hàng vận chuyển vào được bến còn cao hơn rất nhiều con số 50%. Chiến trường miền Nam vẫn đang thiếu vũ khí nên chiến sĩ Hải quân Đoàn 125 vẫn quyết tâm, sẵn sàng hy sinh vì miền Nam ruột thịt. “Tàu không số” vẫn ra đi với trăm phương ngàn kế để qua mắt địch và cập đúng bến đã định vào.

Con cá kình trên biển Đông

Sau chuyến trình sát biển Đông về, Thơm nhận con tàu 653 chở vũ khí vào Vàm Lũng. Anh vừa báo cáo lên cấp trên là đã tìm ra một con đường đi trên vùng biển đảo đá ngầm và san hô. Thật là bạo gan, chắc chỉ có những “con tàu không số” mới dám liều như vậy! Chỉ vì khu vực ấy tàu tuần tiễu địch không dám vào.

Tàu vòng qua đảo Hải Nam, chiếu thẳng ra phía Đông quần đảo Trường Sa. Trong những ngày tàu lượn trên

vùng đá san hô, để tránh địch dò tìm, tàu chấp hành nghiêm chỉnh sự im lặng về thông tin. Thời kỳ này ta và địch đã có đủ phương tiện hiện đại để có thể nghe được thông tin của nhau.

Hai ngày sau, tàu ta đến quần đảo Trường Sa.

Ban chỉ huy động viên anh em thủy thủ:

- Chúng ta hãy nâng cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực cao độ lên! Trưởng ca có trách nhiệm quan sát kịp thời, báo cáo cho chỉ huy xử lý các tình huống.

Không chỉ quan sát kĩ tàu địch để né từ xa mà quan sát viên còn có nhiệm vụ quan sát luồng lạch để tránh đá ngầm, bãi san hô trập trùng như dãy núi ngầm dưới mặt nước, sẵn sàng đâm thủng con tàu.

Thuyền trưởng Nguyễn Xuân Thơm luôn miệng nhắc nhở:

- Đá ngầm và san hô cũng là đối thủ nguy hiểm không kém tàu địch. Các đồng chí phải hết sức chú ý!

Đã có mấy “con tàu không số” mắc cạn ở vùng biển san hô này. Có tàu mắc cạn ngay giữa bãi san hô, không có cách nào ra nổi. Có khi lo lẩn tránh tàu địch, tàu ta mắc vào rạn san hô không thể cựa cựa, sợ lộ nên đành phải hủy tàu. Tàu địch không dám đuổi theo trong vùng san hô ấy. Đi theo đường này thì không lo tàu địch truy kích, nhưng lại dễ bị đá ngầm và san hô làm hại. Thật là “họa vô đơn chí”, nhưng mọi khó khăn không thể ngăn cản được ý chí sắt đá của con người.

Có nhiều đoạn tàu phải chạy từ từ, vừa chạy vừa thả dây dò độ sâu, dò đá ngầm, dò bãi san hô. Đi vào vùng biển san hô cũng giống như lạc vào trận đồ bát quái.

Đến ngày thứ năm của cuộc hành trình, tình hình vẫn êm không thấy có biểu hiện gì bị lộ. Con tàu len lỏi qua vùng bãi đá ngầm tiến xuống hướng Nam.

Sang đến ngày thứ sáu, tàu 653 đã bắt được đèn từ Côn Đảo. Thuyền trưởng Nguyễn Xuân Thơm cùng bộ phận hàng hải chuẩn bị đo đạc tính toán định hướng vào Vàm Lũng. Anh mừng thầm trong bụng: “May ra chuyến này đi thoát!”

3 giờ sáng, Thơm nhận được một bức điện từ nhà: “Tàu HQ. 5 của ngụy đang từ Côn Đảo đến Hòn Khoai, đã được lệnh của Sài Gòn quay lại, kiểm tra tàu anh.”

Chính trị viên và thuyền trưởng cho anh em họp khẩn cấp, phổ biến nội dung bức điện, chuẩn bị phương án đối phó. Tăng cường ngụy trang kín đáo, không được để lộ tàu.

5 giờ sáng lại nhận tiếp một bức điện nữa của cấp trên: “6 giờ sáng, nó sẽ tiếp cận anh.”

Thơm đồng dục ra lệnh:

- Quay 180 độ, chuyển ngay lên hướng Bắc! Tăng tốc! Đánh lạc hướng theo dõi của địch! Kéo kín tất cả các rèm cửa sổ, cửa tàu lại. Tất cả sẵn sàng chiến đấu! B40, B41, DKZ trực sẵn phía trong các cửa tàu! Đồng chí Tổng Thành Lập lên cầm lái!

Thuyền phó hàng hải Lập là người lái tàu rất giỏi, thông thạo luồng lạch vùng quần đảo giữa biển Đông.

Ban chỉ huy động viên tinh thần của từng thủy thủ:

- Các đồng chí chuẩn bị tinh thần, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống sắp xảy ra!

Thơm đi kiểm tra hết lượt rồi trở về khoang, thay bộ đồ chỉnh tề, đeo kính gọng đen to, đi ra ngoài mạn tàu.

* * *

Quá nhiên, đúng 6 giờ sáng, một tàu Hải quân Mỹ chạy tới, chỉ cách tàu ta chừng 200 mét. Bỗng nó lảng ra xa, bởi trông thấy cái dây to trên tàu đối phương đang kéo theo một vật gì đó ngằm ở dưới nước. Tàu ta vẫn buộc một cái lồng để đo độ sâu, sợi dây dài tới mấy chục mét kéo chiếc lồng theo. Tưởng đối phương kéo thủy lôi, tàu địch sợ.

Tàu địch bỗng chạy vượt lên phía mạn phải, bên phải là hướng mặt trời, chúng sẽ nhìn sang tàu ta rõ hơn. Chạy cách tàu ta khoảng chừng 50 mét, chúng đánh moóc sang hỏi:

- Tàu các anh từ đâu tới?

Báo vụ ta không trả lời. Thường thường từ trước tới nay, khi bị tàu Mỹ - ngụy bám theo, tàu ta thường im lặng, cứ giả câm giả điếc né tránh.

Thuyền trưởng Thơm ra lệnh cho đồng chí diện báo:

- Hãy trả lời là: "Tôi không hiểu anh nói gì!"

Nếu không trả lời, nó nghĩ là mình sợ, thế là có chuyện. Trả lời không khéo cũng lộ. Trả lời: "Tôi không hiểu anh nói gì" để có vẻ ngờ nghệch của một con tàu buôn tầm

thường của một nước nào đó vùng Đông Nam Á chẳng mấy thông thạo luật hàng hải. Câu trả lời ấy khiến chúng chỉ hoài nghi.

Hai chiếc tàu chạy theo sát nhau, tàu ta 100 tấn, tàu Mỹ 5.000 tấn, súng ống kênh càng đầy vẻ uy hiếp. Nó bất ngờ tăng tốc vượt lên, đánh sóng như muốn đe dọa đối phương. Nhưng không phải vì nhỏ hơn mà sợ, tàu 653 của ta vẫn đi thẳng, không hề tỏ ra nao núng.

Nhìn bộ dạng con tàu, địch chỉ mới nghi ngờ vì nó đang ngược lên hướng Bắc. Nếu là tàu “Bắc Việt” thì phải xuống hướng Nam. Mới gần đây, tại hải phận quốc tế, tàu hải quân ngụy sẵn đuổi và bắn chìm một tàu vì chúng tưởng là tàu Bắc Việt chở vũ khí vào Nam. Ai dè đó là tàu buôn của Nhật Bản. Bị phía Nhật cảnh cáo và xử phạt nên tàu địch có phần thận trọng hơn.

Tàu địch cũng đang thăm dò và dè chừng. Chúng rất sợ nếu nổ súng, chưa chắc cá lớn nuốt được cá bé mà có khi còn bị cá bé đâm cho thùng bụng. Đã có tàu chiến Mỹ bị tàu “Bắc Việt” tấn công đâm thẳng vào. Cả hai tàu cùng nổ, cùng chìm ngay giữa biển Đông.

Tàu địch bắc loa gọi sang:

- Các anh đi theo chúng tôi về Sài Gòn. Chúng tôi biết các anh là ai rồi. Các anh hãy đầu hàng chính nghĩa quốc gia, sẽ được hưởng lương khoan hồng...

Tàu ta không trả lời.

- Hỡi các chiến binh Đoàn 125 và thuyền trưởng Nguyễn Văn Đức! Chúng tôi đã biết các anh cả rồi! Các

anh hãy đầu hàng chính nghĩa quốc gia! Các anh sẽ được hưởng lượng khoan hồng!

A, hóa ra bọn này định bắt nạt! Làm sao chúng biết được cả thuyền trưởng Nguyễn Văn Đức?! Bọn gián điệp mặt đất của chúng cũng tinh vi thật! Chắc là chúng mới chỉ nghi ngờ thôi.

Tàu địch lớn, nên lấy thế mạnh uy hiếp kẻ yếu. Chúng có ý đồ bắt sống tàu đối phương.

Ở nhà nghe được điện tàu địch báo về Sài Gòn: "Tàu này có vẻ khả nghi, nó chỉ im lặng không trả lời."

Thuyền trưởng Thơm ra lệnh cho lái tàu:

- Lái sang phải 47 độ, không chạy song song với chúng!

Lúc sau, tàu địch dân ra rồi tăng tốc vượt lên phía trước, quay ngang với ý định chặn tàu lạ lại.

Tổng Thành Lập hỏi thuyền trưởng:

- Sao đây anh?

Thuyền trưởng Thơm quả quyết:

- Giữ đúng hướng đi! Nếu cần cứ đâm thẳng vào tàu địch!

Rồi anh nói nhỏ hơn, khẳng định:

- Chúng nó không dám để cho mình đâm đầu!

Y như rằng, tàu địch vội né sang bên cho tàu ta chạy tới, sau đó nó lại vượt lên chặn đầu. Cứ như vậy cả chục lần, tàu lớn và tàu nhỏ vờn nhau cứ như mèo vờn chuột.

Ở nhà lại nghe được đài Sài Gòn chỉ huy tàu địch:

- Đi cách xa ra hai hải lý, tiếp tục theo dõi!

Suốt mấy ngày liền như thế. Mặt trời mọc thì tàu địch đi bên Đông, mặt trời lặn thì nó đi bên Tây, bám sát con tàu khả nghi đang tiến ra hướng Bắc. Tàu lớn đi cách xa, cảm thấy con tàu lạ bé nhỏ kia có vẻ chẳng sợ gì mình. Hãy coi chừng! Không dễ dàng động vào nó. Để phòng, tàu địch không dám đi gần tàu ta.

Buổi sáng hôm ấy, tàu địch đang đi kèm phía bên phải, thuyền trưởng Thơm bỗng cho tàu đi sát bên trái một mạch đá ngầm mà anh đã biết nó nằm ở vị trí phía trước. Anh muốn lừa cho tàu địch mắc cạn vào bãi đá ngầm này. Tàu địch chạy chậm lại, né vòng ra sau. Chắc hàng hải bên đó cũng biết có mạch đá ngầm phía trước và hẳn chúng đang cầu nhau: "Cái bọn này tính lừa ta lọt vào trận đồ bát quái đây! Bọn này ghê thật! Không biết nó đi bằng kiểu gì mà tính toán chính xác, đáng khâm phục!"

Tàu chiến địch hiện đại, tất nhiên nó có máy dò độ sâu mới dám đuổi theo tàu ta. Còn tàu 653 chỉ có cái đầu và con mắt của các thủy thủ mà dám đi qua vùng biển đầy đá ngầm và san hô, đã thế lại còn định đánh lừa tàu địch to lớn gấp mấy chục lần. Đúng là tàu ta đang lướt sóng bằng những cái đầu thông minh và dạn dày kinh nghiệm..

Sau này từ tài liệu thu được từ hải quân ngụy, chúng đã gọi con tàu 653 là **"con cá kình trên biển Đông"**. Tạm

chí hải quân nguy còn đăng những bức ảnh bọn gián điệp mặt đất của địch chụp tàu ta từ lúc thao tác ở bến xuất phát và cả lúc nhổ neo. Những bức ảnh máy bay trinh sát Mỹ chụp “tàu không số” của ta trên biển Đông rõ mồn một.

Tàu địch chỉ được lệnh theo dõi kèm chặt tàu ta. Chúng có thể ngại và lo sợ bị đánh chìm xuống biển nên suốt mấy ngày liền chỉ kèm sát theo dõi con tàu đang ngược lên hướng Bắc.

Đến vĩ tuyến 17, con tàu to lớn kình cang kia chạy chậm dần rồi quay đầu lại.

Một đối sách thông minh sáng tạo và một ý chí kiên cường đã giúp cho tàu 653 vượt ngàn trùng khơi, hành trình theo *hình chữ O* rồi trở về nguyên vẹn. Đó cũng là một thắng lợi to lớn của ta.



Tàu của Đoàn 125 Hải quân trên đường vào chiến trường miền Nam

Vừa về đến Hải Phòng, Ban chỉ huy tàu 653 gồm Nguyễn Xuân Thơm và Nguyễn Kim Danh được mời đến dự lễ mừng công của toàn đơn vị. Hai anh được ngồi ghế chủ tịch đoàn, được nghe lời tuyên bố: “Đây là một chiến công, một đối sách cực kì mưu trí, sáng tạo và ý chí kiên cường để giành thắng lợi.”

Bởi có rất nhiều chuyến tàu ra đi, không vào được bờ vì bị bao vây thì cuộc chiến đấu trên biển xảy ra, lực lượng quá chênh lệch tàu của chúng ta đã không còn nữa nên trở về được cũng là thắng lợi.

Tàu không số “du lịch” Đông Nam Á

Một con tàu mà có tới hai thuyền trưởng: La Minh Tốt là thuyền trưởng số 1, đã dày dạn kinh nghiệm, lại còn được bố trí tăng cường thuyền trưởng thứ 2 là Đỗ Văn Bé, một thuyền trưởng tài ba được đào tạo Hàng hải từ khóa 1, quê ở Bến Tre. Đỗ Văn Bé, thuyền trưởng của con tàu 42 vừa hoàn thành nhiệm vụ trinh sát Đông Nam Á trở về. Hai thuyền trưởng cùng nhận nhiệm vụ di chuyển đột phá chở vũ khí vào Vàm Lũng, tàu mang bí số 154.

Sau Tết Mậu Thân, con đường vận chuyển vũ khí trên biển của Đoàn 125 ngày càng khó khăn, nguy hiểm hơn. Tàu địch phân ra ba vòng kiểm soát: gần bờ, xa bờ và ngoài hải phận quốc tế, theo dõi từng con tàu từ phía Bắc biển Đông xuống. Trong thời gian này hầu như không một tàu nào vào được bờ; mà nguồn vũ khí ở chiến trường đã gần cạn kiệt. Đây là giai đoạn mà mỗi khẩu súng, mỗi viên đạn vào được chiến trường miền Nam gắn liền với một gian khổ, hy sinh. Nhưng “vô quyết dày có móng tay nhọn”, chúng ta vẫn kiên trì tìm kiếm bằng được những phương án mới bất ngờ và táo bạo.

Tàu chở dầu không van

Tàu “Nhật Lệ” trọng tải 200 tấn do nước bạn giúp ta được cải trang thành tàu chở dầu giống như bao tàu buôn khác. Ra đến hải phận quốc tế, thấy một máy bay trinh sát Mỹ bay qua, rà xuống thấp, ngó nghiêng rồi bay đi thẳng, anh em thủy thủ bớt lo lắng, chắc rằng tàu ta chưa bị phát hiện. Tàu chỉ giả dạng chở dầu chứ không chở dầu mà vẫn chạy xuôi xuống phía Nam. Nhưng mấy ngày sau tàu đã phải quay ra vì bị lộ. Tình báo ta đã thu được tin tức về cuộc đối thoại của phía địch: “Không phải tàu chở dầu thì chắc chắn là tàu Bắc Việt cải dạng... Tàu chở dầu sao không thấy có van bơm?”

Máy bay trinh sát địch đã chụp ảnh rõ nét đến từng chi tiết trên “tàu không số” của chúng ta từ ngoài hải phận quốc tế. Sau giải phóng, ta thu được tài liệu cùng ảnh chụp mới biết. Chúng phát hiện ra “tàu chở dầu” này không có van bơm dầu.

Con tàu chở dầu mang nhãn hiệu Cộng hòa dân chủ Đức mà bạn đã cho ta một năm nay được giao cho đơn vị có nhiệm vụ trinh sát biển Đông sử dụng. Tuy nhiên, tàu chở dầu này mới chạy được qua vùng phía Tây của biển Đông, hoàn thành một phần nhiệm vụ trinh sát, chứ chưa thể vào được vịnh Thái Lan, càng không thể vào gần bờ biển miền Nam, đành phải quay về.

Tàu chiến Mỹ và tàu hải quân ngụy theo dõi, bám sát từng con tàu của ta. Nhiều chuyến đã ra đi nhưng

không thể cập bến, buộc phải quay ra. Một số tàu vào gần tới bờ thì bị địch bao vây, phải hủy tàu. Một số tàu thả hàng ngoài biển, ngoài đảo rồi nhanh chóng trở về. Dùng trăm phương ngàn kế mà vẫn khó vào được bờ.

Việc chuẩn bị cho tàu trinh sát tìm đường trên biển Đông, quyết tâm nối lại tuyến vận chuyển vũ khí bí mật đã trở thành một ý chí không gì có thể ngăn cản được.

Tàu Nguyên Xương

Con tàu mang tên Nguyên Xương của Hồng Kông đẹp như một tàu du lịch. Tàu Nguyên Xương mang biển số Trung Quốc vừa là thuyền câu, vừa dùng để nghiên cứu biển. Tàu đi từ phía Bắc đảo Hải Nam rồi xuống phía Nam. Qua Hoàng Sa, Trường Sa, theo bờ phía Đông gần Phi-líp-pin rồi xuống tận vùng biển Xu-ma-tra, sau đó quay về vịnh Thái Lan. Tàu nghiên cứu biển vào tận vùng biển Tây Nam rồi trở ngược ra.

Dưới hình thức thăm dò nghiên cứu biển, con tàu này lênh đênh hàng tháng trời khắp vùng Đông Nam Á. Nhiệm vụ của tàu đã được hoàn thành tốt đẹp, nhưng không phải là nghiên cứu biển, mà thu thập tình hình trên biển. Trên vùng biển quốc tế, tàu buôn các nước chạy tuyến Sài Gòn - Hồng Kông, Sin-ga-po - Băng Cốc... và các nước trong khu vực Đông Nam Á khá đông. Máy bay và tàu chiến Mỹ hoạt động thường xuyên nhưng không dám tấn công tàu dân sự trên vùng biển quốc tế. Chúng chỉ

theo dõi khi nghỉ ngơi. Tàu Nguyên Xương thăm dò tình hình địch ở một số đảo hoang, trong vùng biển Đông Nam và ven biển Tây Nam Bộ.

Đây chính là nhiệm vụ trinh sát của tàu 42, dưới cái lốt tàu Nguyên Xương, do Đỗ Văn Bé làm thuyền trưởng. Tàu còn có hai đồng chí sĩ quan tham mưu của Đoàn 125 là Nguyễn Ngọc Ân và Trần Phong đi cùng, trực tiếp nắm sát tình hình để chuẩn bị cho kế hoạch mới. Thủy thủ đoàn toàn những người giàu kinh nghiệm, những đồng chí trung kiên trong đó có Thôi Văn Nam và Nguyễn Văn Đức.

Tàu 42 trên đường về đến ngang biển Phan Thiết thì được tin Bác Hồ mất. Trong nỗi đau xé lòng, thủy thủ đoàn tổ chức lễ truy điệu và để tang Bác trong điều kiện có thể. Các thủy thủ xiết chặt tay nhau quyết tâm hoàn thành thật tốt nhiệm vụ để tưởng nhớ Bác, đáp lại công ơn và lòng mong mỏi của Người.

Kết quả thu được của tàu trinh sát 42 đã được Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Hải quân phân tích, đánh giá và đồng ý cho Đoàn 125 chuẩn bị một đợt vận chuyển mới.

Theo vết con tàu “du lịch”

Tàu 154 được neo ở vịnh “Sừng Sốt” trong vùng vịnh đảo Hạ Long.

Thời gian chuẩn bị ở đây, để giữ bí mật tuyệt đối, anh em thủy thủ người nào đã tới tàu là “nội bất xuất,

ngoại bất nhập". Anh em làm nhiệm vụ sửa chữa, hoàn chỉnh trang thiết bị, kể cả công việc sơn tàu. Vì chưa thành thạo việc sơn tàu nên có thủy thủ khi chui xuống hầm tàu, đang sơn thì bị ngất bởi ngộ độc mùi sơn. Mọi việc sửa chữa, sơn tàu và chuẩn bị, các thủy thủ tự làm lấy hết, không sử dụng công nhân sửa chữa tàu.

Bốn thuyền phó cũng đều là những thành viên ưu tú của Đoàn 125. Thuyền phó số 1 là Nguyễn Văn Đức. Thuyền phó số 2 là Vũ Trung Tính. Thuyền phó số 3 là Mười Quang. Thuyền phó số 4 là Nguyễn Xuân Quế. Trong những ngày sửa chữa tàu ở đây, tin Bác Hồ đã qua đời khiến anh em đau đớn. Giờ phút làm lễ truy điệu Bác, anh em cùng nắm tay thề: "Quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, dù có phải hy sinh để đền ơn Bác!"

Tới ngày tàu đã được sơn và sửa chữa xong, hai tàu há mồm của Liên Xô (cũ) chở thủy thủ và vũ khí ra. Thủy thủ tự bốc xếp vũ khí sang tàu.

Tiết tháng 10 biển trời trong xanh, gió mát. Tàu vòng lên bán đảo Lô Châu rồi chạy ra hải phận quốc tế. Thuyền trưởng Đỗ Văn Bé cho tàu đi đúng lịch trình của tàu trinh sát 42 mà chính anh đã làm thuyền trưởng. Tàu đi trên biển giống như những tàu buôn của vùng Đông Nam Á. Vòng qua phía Đông Hoàng Sa, Trường Sa, sang phía Tây Phi-líp-pin. Tàu 154 đi hay nghỉ ở đâu bao lâu "tùy ý", đi tới nước nào treo cờ nước đó, tàu mang biển số Trung Quốc để tránh sự theo dõi của máy bay trinh sát Mỹ.

Tàu không rẽ vào vùng phía Tây biển Đông mà cứ xuôi mãi xuống phía Nam, tới gần hải phận In-đô-nê-xia,

vòng xuống vùng biển Mã Lai. Một chuyến “du lịch” khắp vùng biển Đông Nam Á. Trên đường đi, tàu 154 hòa lẫn vào dòng tàu buôn của các nước. Phải đi như thế mới tránh được máy bay trinh sát Mỹ đang theo dõi hành trình của những con tàu khả nghi. Cứ tàu nào rẽ vào hướng bờ biển miền Nam là chúng bao vây ngay.

Hai thuyền trưởng cùng thuyền phó hàng hải Nguyễn Văn Đức áp dụng nhiều cách đo đạc bằng thiên văn. Tàu lên đèn ngày rộng thảng dài, không gặp bất trắc gì xảy ra. Lúc đo bằng trăng sao, khi đo bằng mặt trời, khi mây mù thì xem bằng chim hải âu,... xác định được vị trí con tàu mình đang ở đâu. Chưa chuyến tàu nào lại “thành thời” như chuyến này. Nghe tiếng chim hải âu kêu xao xác là sắp có đảo. Hải âu to, lông xám, mỏ đỏ là ở ngoài hải phận. Hải âu nhỏ, lông trắng là ở gần bờ. Anh em bắt được cả rổ cá chuồn cho vào ống xả nướng ăn. Bữa nào gặp cá chuồn, cá lao lên tàu cả đàn như tên bắn, có người bị nó phi trúng mặt, bị chảy máu mắt. Loại cá chuồn này bay xa cả mấy trăm mét trên mặt biển. Anh em thủy thủ chỉ tắm bằng nước biển, ca nước ngọt để tráng cũng phải tiết kiệm. Bởi vậy khi trời mưa là tất cả cùng tranh thủ tắm gội thỏa thuê.

Xuống đến vịnh Thái Lan, thuyền trưởng Đỗ Văn Bé đã nhìn thấy ngọn đèn của Sin-ga-po. Từ đây, cứ thẳng đường là sẽ vào đúng vị trí Hòn Khoai.

Vào khoảng 5 giờ chiều hôm ấy có hai tàu tuần tiểu lướt ngang trước mũi tàu ta. Anh em thủy thủ lo lắng nhìn theo nhưng nó đã chạy thẳng. Chắc nó tưởng là tàu từ Sin-ga-po lên. Anh Đức nhìn theo nói:

- Có Bác phù hộ, chúng ta đi chuyến này nhất định sẽ thành công!

Mặt trời đã lặn, biển tràn ngập bóng tối. Tàu đánh cá của dân vùng đất Mũi khá đông, đèn bật sáng lấp lánh. Tàu 154 cũng bật đèn lặn trong đoàn tàu đánh cá.

Tàu đã bắt được ánh đèn Hòn Khoai. Phải tính toán làm sao để vào cửa Vàm Lũng chính xác. Nếu chạy lòng vòng ngoài biển, dễ bị tàu địch phát hiện. “Đoàn tàu không số” của chúng ta ngày ấy chỉ dựa vào sự gan dạ và ý chí kiên cường. Kiến thức hàng hải chủ yếu dựa vào những kinh nghiệm thực tế. Đi đến đâu biết đến đấy, kết hợp Đông Tây kim cổ, hiện đại, thô sơ, dựa vào những cái mốc tự nhiên như: Hòn Hèo, Hòn Chuối, Hòn Khoai, Cù Lao Xanh, Côn Đảo,... Nhất là những đảo có đèn biển (hải đăng), anh em thủy thủ cứ căn cứ vào đó mà xác định vị trí và đi cho đúng hướng.

Trời lúc này đang mưa tầm tã, nhìn vào bờ chỉ thấy mờ mịt, mà cửa Vàm thì chỉ có một đoạn ngắn. Không xác định được cửa Vàm mà cứ đâm vào bờ ngộ nhờ mắc cạn thì sao?!

Nhưng trong cái không may lại có cái may. Cũng chính nhờ mưa to mà ra-đa địch không phát hiện ra tàu ta đang vào bờ. Đến gần 2 giờ sáng, mưa đã ngớt, bờ đã hiện ra mờ mờ, chỉ huy tàu nhìn thấy có một cửa vàm, dù không biết là vàm gì nhưng rất mừng.

Thuyền trưởng La Minh Tốt ra lệnh:

- Lái tàu vào cửa vàm!

Trần Minh Khơi quay tay lái để tàu rẽ vào bờ, đồng thời trên tàu đánh tín hiệu cho các đồng chí ở bến.

Đã ba năm nay vắng bóng những “con tàu không số” thân yêu, đã ba năm nay bến đợi bến chờ. Tàu không vào, trên bến vắng xuống ghe, vắng cả những tiếng reo vui náo nức và những cuộc đón đưa đầy cảm xúc buồn vui.

Đèn tín hiệu cũng mỗi mòn ngóng đợi. Hôm nay mới được chớp chớp cho thỏa nỗi nhớ mong. Thêm vào đó là sự chờ đợi suốt ba năm ròng của các thủy thủ tàu 187 và tàu 69 khi tàu không còn, họ phải ở lại trong này, cùng với bến tham gia tổ chức chiến đấu, vận chuyển, xây dựng bến và chờ đợi tàu vào!

Con tàu của ta mới vĩ đại làm sao! Nỗi mong chờ bấy nay giờ đây như bùng dậy, nổ tung. Tiếng động cơ tàu đã được giảm đến hết cỡ mà sao nó vẫn âm vang khuấy động xôn xao cả khu rừng được. Tàu còn ở ngoài xa mà một số người đã lội ra, cố du bám trèo bằng được lên tàu.

Nguyễn Văn Đức và anh em thủy thủ được những người vừa lên tàu ôm chặt đến nghẹn thở. Không kịp hỏi một câu, họ chỉ ôm nhau khóc. Dương Tấn Kịch, Nguyễn Hữu Phước, Nguyễn Hấn, Lê Xuân Khảm... và những người ở lại bến mừng vui trào nước mắt trước thành công của chuyến đi. Thế là vũ khí lại vào được rồi! Nước mắt dành để chào đón những người con dũng cảm đã chiến thắng. Mừng hơn nữa vì suốt ba năm sốt ruột chờ tàu vào, nay họ sắp được trở về miền Bắc.

Năm Phước ôm xiết lấy anh Đức, vừa xúc động nói:

- Ta lại vào được rồi! Vũ khí lại vào được rồi! Các đồng chí đã chiến thắng! Mừng quá, mừng quá các đồng chí ơi!

Các đồng chí chỉ huy dưới bến mừng đến trào nước mắt. Họ vừa cười vừa khóc vì sung sướng. Ngóng chờ tàu chở vũ khí đã ba năm nay, biết là khó khăn gian khổ hy sinh nhiều lắm, nhưng niềm tin và hy vọng vẫn không nguôi. Hôm nay tàu đã vào, thật mà tưởng như là đang mơ!

Tướng Lê Trọng Tấn ở Bộ Quốc phòng đang ngồi trước bàn làm việc thì một chiến sĩ chạy vào, reo lên báo tin vui:

- Báo cáo: Tàu 154 chở 58 tấn vũ khí đã vào bến Vàm Lũng thành công rồi!

Ông Tấn tròn mắt hỏi dồn:

- Có thật không?!

Anh chiến sĩ liên lạc cười thật tươi:

- Báo cáo thủ trưởng, vũ khí đang được chuyển lên bến rồi ạ!

Vị tướng đứng bật dậy, đi đi lại lại mấy vòng quanh bàn, miệng cứ lặp mãi một câu:

- Vô giá! Vô giá! Vô giá! Vô giá!...

* * *

Những người chỉ huy bến, trên nữa là chỉ huy Quân khu hôm mất trâu đêm lo việc nước việc dân. Đó là

những bộ óc thông minh sáng tạo đã nghĩ ra đôi sách ứng phó thích hợp và có những chỉ đạo kịp thời, là những người đầu tàu gương mẫu, đồng cam cộng khổ với anh em, đau xót trước những mất mát, hy sinh, vui mừng trước những thắng lợi. Anh em cấp dưới cứ noi theo cấp trên mà học tập, trên dưới một lòng. Chính nhờ vậy mà cuộc kháng chiến của chúng ta mới đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bến đỗ của tàu ở trong lòng dân, bến là của dân, dân là của bến. Có câu thơ được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân vùng đất Mũi Cà Mau:

*Nhớ xưa trên mảnh đất này,
Rạch thành bến cảng, rìu đục xây kho tàng.
Tàu ra Bắc, tàu vào Nam,
Trăm tàu đến bến bốc hàng lên đây.*

Anh em trong “đoàn tàu không số” coi Vàm Lũng là nhà, về đến nhà là an toàn an tâm, là được che chở bảo vệ trong rừng được rừng trăm và cũng bởi mọi sự lo toan tính toán của bến chu đáo đầu vào đấy.

* * *

Nguyễn Văn Đức đang ngồi đọc một trang báo ngày hôm nay có đăng bài viết về anh. Trầm lặng một lúc lâu anh mới nói:

- Cô có biết trận càn ở Thạnh Phú, Bến Tre tháng 1-1964 không? Trận càn ác liệt ngay trên quê hương của tôi! Lũ giặc thẳng tay tàn sát vùng căn cứ cách mạng sau thất bại Ấp Bắc!

Ngày ấy tôi đang làm nhiệm vụ trên con tàu 69 cùng thuyền trưởng Năm Phước chở vũ khí vào Trà Vinh. Chuyển đi thắng lợi. Khi tàu cập bến, vũ khí đã chuyển lên xong cả rồi, anh Năm Phước gọi riêng tôi ra nói chuyện:

- Chập tối nay cậu chuẩn bị đi một mình, làm sao trước 4 giờ sáng phải quay về đây, tuyệt đối giữ bí mật không được để ai thấy mặt. Cậu hiểu rồi chứ? Cho mình được chia buồn cùng cậu! Can đảm lên nhé!

Tàu đang đi trên biển, anh Năm Phước đã nhận được điện từ "nhà" cho hay: Trong trận càn ấy, gia đình Nguyễn Văn Đức đã gặp tổn thất lớn. Trong số 21 người cùng núp trong hầm một ngôi nhà ở bìa kênh đã bị trúng bom xăng chết hết, thì có tới bảy người của gia đình Đức: Mẹ, chị gái đang có bầu, hai em ruột và hai đứa cháu!

Anh Năm Phước nói: "Cấp trên không cho tôi báo tin này tới cậu, sợ ảnh hưởng tư tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu. Nhưng anh em mình đã hiểu nhau cả! Chúng mình đã được rèn luyện như thép đã tôi, lo gì."

Rồi anh Đức trầm ngâm kể tiếp:

- Ba ngày sau, không còn ai đủ sức sắp lại các mảnh thi thể đã bị cháy rụi, bà con trong ấp đã đắp lại thành một ngôi mộ chung. Tôi băng rừng được trong đêm tối, lặn lội bốn năm cây số, đến 10 giờ đêm mới về đến nơi. Tôi thấp nhang trên mộ, ngồi một mình tưởng nhớ đến mẹ, đến từng khuôn mặt của chị gái và các em, tưởng tượng ra cảnh bom đạn giặc hủy diệt cả gia đình mình mà lòng đau như cắt. Đến 4 giờ sáng, tôi lặng lẽ ra đi.

Quê hương tôi ở đây, gia đình tôi ở đây, xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Mảnh đất này là quê hương Đồng Khởi anh dũng kiên cường, chịu đựng bao nhiêu cay đắng, đau thương mà vẫn chung thủy một lòng với cách mạng. Tôi là người con của Bến Tre. Nhiệm vụ của tôi trong suốt những năm vận chuyển vũ khí vào Nam trên "đoàn tàu không số" cũng là nhiệm vụ của người dân Bến Tre giao cho tôi phải hoàn thành. Tôi đã đi 24 chuyến tất cả, từ chuyến vượt biển ra Bắc xin vũ khí đầu tiên của quê hương Đồng Khởi 1961, từ tàu Phương Đông 4 mở đầu năm 1962 chở vũ khí vào Nam, suốt mười mấy năm cho đến ngày giải phóng. Có những thời kỳ tôi sống trên biển nhiều hơn là thời gian sống ở trên bờ!

Tàu hai đáy

Tàu đánh cá có số Dè Ba

Việc vận chuyển vũ khí ngày càng khó khăn gian khổ. Hy sinh và thiệt hại nhiều nhất là từ sau Tết Mậu Thân trở đi. Định đã tuyên bố là kiểm soát đến từng con sóng của biển Đông, bất luận gặp một chiếc tàu lạ nào đều bám sát đến cùng, không để lọt dù chỉ một con tàu... Nhưng đất trời lồng lộng, biển cả mênh mông, những con tàu của ta vẫn tìm đường vào đến bến đỗ ở miền Nam, dù phải đi vòng quanh khắp chân trời góc bể, lặn xuống tận Ma-lai-xia, In-đô-nê-xia và khắp vùng biển Đông Nam Á. Có những con tàu hành trình kéo dài hàng mấy tháng, chặng đường dài bằng nửa vòng trái đất để đạt được mục đích cuối cùng: chuyển vũ khí vào bờ biển Nam Bộ. Nhưng cũng có nhiều con tàu đã vào đến gần bờ mà bắt buộc phải quay về, hoặc chiến đấu ác liệt rồi hủy tàu, hy sinh. Thời kỳ này, mỗi lần ra đi là một lần quyết tử của các thủy thủ "Đoàn tàu không số".

Tàu 645 của Nguyễn Văn Hiệu chiến đấu hy sinh trên vùng biển vịnh Thái Lan là một điển hình. Bị tàu



Anh hùng LLVTND
Nguyễn Văn Hiệu
(Quê quán: xã Thống Phương,
huyện Thống Bình,
tỉnh Quảng Nam)

chiến và máy bay địch bao vây định bắt sống, chính trị viên Hiệu ra lệnh cho tất cả nhảy xuống biển, còn mình anh ở lại điểm hỏa. Con tàu 645 đã bị hư hỏng cứ quay tròn quay tròn. Anh em dưới biển tùm lại chờ Hiệu. Hiệu không dám điểm hỏa rồi nhảy xuống biển vì sợ con tàu lại quay vào đúng chỗ anh em đang tùm lại kia mà nổ thì giết anh em, đành chờ tàu ra xa. Nguyễn Văn Hiệu điểm hỏa cho nổ tàu ngay. Anh hy sinh cùng tàu. Giữa biển khơi, các thủy thủ ta bị tàu địch bắt sống.

Từ năm 1971, tàu sắt của ta không thể vào được gần bờ. Cứ chiếc tàu nào xuất phát từ Hải Nam, Trung Quốc là đều bị lộ, lại phải quay về, hoặc chiến đấu hy sinh, trong hoặc ngoài hải phận.

Thời kỳ này, Quân ủy Trung ương đã từng nhận định: “Một trăm chuyến tàu đi, chỉ cần một chuyến vào được bờ biển phía Nam đã là thắng lợi.”

Suốt mấy năm liền chờ đợi, số lượng vũ khí dành cho chiến trường ngày càng khan hiếm. Không thể chờ lâu hơn nữa, đầu năm 1971, một phương thức vận chuyển mới ra đời: dùng tàu đánh cá nhỏ, hợp pháp, bí mật ra miền Bắc lấy vũ khí.

Đóng vai trò tiên phong trong việc thực hiện phương thức vận chuyển này là ông Tư Mao, vừa giàu kinh nghiệm, vừa có những sáng tạo vô cùng táo bạo. Nếu Bông Văn Dĩa là Thổ Địa thì Tư Mao là Thần Công của vùng Cà Mau, U Minh, Kiên Giang. Hai ông là cánh tay phải của Quân khu, là người chịu trách nhiệm xây dựng bến bãi và vận chuyển vũ khí. Tư Mao vừa là người chỉ huy sáng tạo, vừa là Trung đoàn trưởng Đoàn 962.

Ông Tư Mao dùng chiếc thuyền đánh cá của ngư dân vùng biển Kiên Giang, có đủ giấy tờ sổ sách và biển số do Sở Đề Ba cấp: KG.308. Như một chiếc thuyền ra khơi đánh cá, cứ thế thuyền vượt biển ra Bắc. Ông đề đạt phương án này lên Bộ Tư lệnh Hải quân và được cấp trên hết sức ủng hộ. Tư Mao lãnh nhiệm vụ mới là trở về Nam. Như một chiếc thuyền đánh cá bình thường của miền Nam, con thuyền KG. 308 xuất phát từ một hòn đảo bí mật, chở cá tươi ướp muối, vào tới vùng biển Nha Trang thì chạy dọc gần bờ, xen lẫn với những tàu thuyền đánh cá khác. Cứ như thế mấy ngày sau, thuyền vào tới bờ biển Kiên Giang, an toàn như một chuyến ra khơi đánh cá trở về.

Sau chuyến đi “mở luồng” thí điểm giữa năm 1971 thắng lợi, Quân khu 9 thành lập Đoàn vận tải bí mật bằng những thuyền đánh cá có đầy đủ giấy tờ hợp pháp “giả” do đồng chí Tư Mao phụ trách với tên hiệu Đoàn 371. Lập bến bãi mới cùng phương thức đón hàng mới được thành lập. Tàu thuyền kiểu mới, vận chuyển vũ khí kiểu mới. Đoàn thuyền của Tư Mao bí mật song hành trong vùng lãnh địa cùng Bông Văn Dĩa.

Lại một chuyến tàu “đơn thương độc mã” lên đường. Với bao kinh nghiệm đi biển, Tư Mao cùng năm thủy thủ ra khơi “đánh cá”. 14 ngày sau, tàu đã hoàn thành nhiệm vụ: lọt vào bến Đầm Cù, Cà Mau, chuyển về được trên 13 tấn vũ khí.

Phương thức vận chuyển mới này đạt hiệu quả không ngờ, được Quân khu 9 cho phát triển nhanh, kết hợp chặt chẽ với Đoàn 125. Lúc đầu có hai tàu rồi lên bảy tàu. “Ngư phủ” trên tàu toàn những tay đã có mặt trong “đoàn tàu không số” của Đoàn 962. Những thủy thủ giàu kinh nghiệm đã trải qua hàng chục năm vận chuyển vũ khí vào Nam như Thôi Văn Nam, Nguyễn Sơn, Nguyễn Văn Cứng, Tư Thắng... đã được ông Tư Mao đưa về Đoàn 371 đầu tiên.

Khác với những chuyến chở vũ khí bằng tàu sắt trước kia, từ kiểu “bán chính quy”, “chính quy” nay ta lại trở về kiểu “du kích”. Để giữ bí mật cho phương thức vận chuyển này, Thủy thủ trên tàu tự xếp vũ khí từ trên khoang xuống hầm tàu, tự tay dỡ vũ khí dưới hầm tàu lên mặt khoang, bí mật tuyệt đối không để cho người trên bờ biết cách thức cất giấu vũ khí trên tàu như thế nào.

Thủy thủ “đánh cá” trên tàu đúng như là dân đánh cá có thâm niên: râu ria, đầu tóc bờm xờm, mặt mũi bặm trợn, tiếng lóng chửi thề có hạng, ăn sống nói gió, cả cách đưa tiền đút lót cho tụi hải thuyền của ngụy cũng rất thành thạo và bài bản.

Dưới đáy khoang chứa cá là một hầm bí mật rồi mới xuống đáy tàu. Đó chính là loại **tàu hai đáy**. “Tàu hai

đáy” có thêm cái đáy bí mật do chính anh em thủy thủ tự tay cửa đèo, lắp ghép để người trên bờ không thể nào biết cách thức vận chuyển mới mẻ này.

Hỏi hã với những con tàu “đánh cá”

Con tàu đánh cá mang biển số KG.125 do ông chủ Tư Mao đứng tên. Vừa nhận tàu về ngày hôm trước, ngày hôm sau Tư Mao đã nhắc Bảy Nam:

- Khuân hết đám ván cây này xuống tàu, cho mấy thằng mang đồ xuống, khuya này lên đường!

Bảy Nam hiểu ý Tư Mao liền gật đầu:

- Tranh thủ đi cho lẹ, vừa “đánh cá”, ta vừa làm đáy nghen anh Tư!

- Đúng! Thằng Bảy Đen này hiểu trúng ý tao nhất! (Anh Tư thường gọi Nam là Bảy Đen).

Thôi Văn Nam vác gỗ xuống tàu, nhắc bốn anh em cùng đi người chuyển lười người chuyển đá cây, lằm lũi ai vào việc nấy.

Về đây với Tư Mao, Bảy Nam như tìm được chỗ dựa tin tưởng, ấm áp như được về với gia đình mình. Nam mồ côi cha mẹ từ ngày mới lên hai, lên ba tuổi. Anh lớn lên nhờ bà con làng Phước Hải, Bà Rịa. Mười sáu tuổi Nam đã đi theo cách mạng. Không đi tập kết, Nam ở lại quê hương, đây cũng chính là chiến khu cách mạng. Năm 1962, Thôi Văn Nam cùng năm người là Lê Hà, Nguyễn

Sơn, Nguyễn Văn Thanh, Võ An Ninh, Trần Minh Hoàng trên chiếc tàu Bà Rịa ra Bắc xin vũ khí và trên con tàu Phương Đông 4, chở vũ khí vào Cà Mau.

Trước khi về Đoàn 371 với anh Tư Mao, Bảy Nam đã có mặt trên 15 chuyến “tàu không số”, chở vũ khí vào Nam. Bây giờ anh đã có vợ con. Trời se duyên mới khéo làm sao! Cái anh chàng lù khù ít nói chỉ được cái đẹp trai cao to, lại có mối duyên kỳ ngộ với một cô gái Hải Phòng. Trải qua bao chuyến tàu gian nan, nguy hiểm mà anh không sao cả! Trước đây là trên “tàu không số”, nay là tàu có số, Thôi Văn Nam vẫn miệt mài hối hả với những chuyến tàu ra tàu vào.

Tư Mao người thấp nhỏ, trầm tính ít nói, nhưng tính cách quyết đoán, trí tuệ sắc sảo thông minh hiếm có. Đặc biệt là cách làm việc nhanh chóng và có hiệu quả. Từ 1962 đến 1967, Tư Mao cùng Bông Văn Dĩa chỉ huy Đoàn 962 xây dựng bến đón vũ khí suốt dọc bờ biển Nam Bộ. Trong 166 “chuyến tàu không số” chở vũ khí vào Nam, có đến 124 chuyến cập bến vùng Nam Bộ với trên 6.000 tấn vũ khí. Anh chỉ huy Đoàn vận chuyển vũ khí cung cấp cho khắp mặt trận Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ. Từ năm 1967, Tư Mao còn là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 962.

Người chỉ huy tài ba ấy nay đang là “ông chủ tàu đánh cá”. Anh đang ngồi trầm ngâm trên boong tàu, mắt nhìn xa xăm về phía chân trời.

Tàu “đánh cá” KG.125 có năm sáu ngày thông thả đóng đáy, đã hoàn chỉnh thêm một lớp đáy thứ hai bí mật dưới hầm tàu.

Tàu đánh cá Nam Bộ không thể ra ghé vùng bờ biển miền Bắc, nên ngay lập tức, Đoàn 125 đã lập một cảng bí mật ngoài vịnh Bái Tử Long, đó là cảng Vạn Hoa. Tàu nhỏ chở vũ khí ra ghé tàu “đánh cá” miền Nam, trao đổi “hàng hóa”. “Ngư dân” chuyển “hàng” đã được ngụy trang rất tinh vi sang tàu đánh cá. Không người nào được biết con tàu “đánh cá” kia chở gì và đi lúc nào? Đi đâu?

Suốt ngày hôm đó, tàu neo lại bến, năm anh em thủy thủ cùng chủ tàu Tư Mao sắp xếp êm nhem từng gói, từng bao. Lần này vũ khí chủ yếu là đạn. Thùng đạn được đổ ra bao nhựa gói lại cho gọn. Các vách ngăn, các khe bí mật trên con tàu bề ngang 4 mét, bề dài 16 mét cũng nhét được khoảng hai chục tấn. Xong công việc quan trọng nhất, đến việc quan trọng thứ hai: lấp đáy tàu, đổ trấu, đập đá lạnh, rải một lớp dày cá biển đã ướp muối.

Tàu KG.125 nhỏ neo xuôi xuống phía Nam. Con tàu gỗ bé nhỏ mong manh giữa đại dương trông chỉ như chiếc lá, cứ nhấp nhô chống chọi với sóng. Vậy mà cũng có một chiếc máy bay trinh sát NAVY cứ rà rà bay vòng qua vòng lại mấy lần dòm ngó. Thôi Văn Nam kéo lưới lên, rữ rữ như đang thu hoạch, nó không nghi ngờ, bay thẳng. Nếu là tàu sắt, chắc chắn không khỏi bị máy bay địch theo dõi sát.

Đến ngang Quy Nhơn, đã nhìn thấy núi, tàu rẽ vào gần bờ hơn, đi lẫn với các tàu đánh cá khác để tránh sự

nghe ngờ, mấy thủy thủ cùng thả lưới bắt cá. Một tàu của hải quân nguy chạy ngang, nó không ngờ chiếc tàu đánh cá bình thường nhỏ bé kia lại là tàu chở vũ khí từ Bắc vào Nam.

Vào đến ngang Hòn Khoai thì tàu ta gặp một hải thuyền nguy tiến lại gần. Một tên hét lên:

- Tàu kia dừng lại, cho kiểm tra. Chở gì mà tàu khảm vậy?

- Chào mấy chú! Tàu tôi đi cả tuần nay, chuyến này cũng làm ăn được!

Tư Mao cười hồ hởi. Khi hai mạn tàu gần sát nhau, Tư Mao đưa ra một gói mực khô khá lớn, vui vẻ nói:

- Mấy chú cầm tạm thứ này nhậu chơi nha!

Rồi anh quay lại kêu:

- Thằng Năm, mày đưa cho tao cây thuốc thơm biếu mấy chú!

Một thằng cầm gói mực, một thằng đón lấy cây thuốc. Nhưng chúng vẫn nói:

- Ông Hai làm ơn cho kiểm tra tàu đã! Nhiệm vụ của tụi tôi chưa xong mà!

- Ừ thì mấy chú cứ kiểm tra! Cá cũng khá nhiều đấy!

Hai thằng bước sang tàu. Tư Mao nói nhỏ chỉ đủ cho hai tên đó nghe:

- Mấy chuyến trước không ăn thua gì, chuyến này biển êm, lại trúng luồng cá, thu hoạch khá bộn. Mấy bữa trước, tui đã bán được một mớ cho thương lái rồi đó!

Anh Tư dúm một gói nhỏ vào tay tên đứng gần:

- Chia chác chút xiu cho anh em mình có công vất vả trông coi!

- Ông Hai này chơi được đây!

Nói vậy chứ hai tên này cũng cứ tiến lại, chui vào hầm cá, lấy cây gậy bới bới. Mùi cá tanh xộc lên mũi rất khó chịu. Vả lại chúng cho rằng chủ tàu tỏ ra cũng biết điều rồi, khoái gì cái việc đảo tung cả hầm cá lên cho mệt!

- Mấy chú kiểm tra kĩ làm chi cho mất công! Chẳng đó là thấy tàu này ra sao rồi. Mai một còn gặp nhau hoài hoài. Giờ này mà bốc cá lên là hư hết cho coi!

Kiểm tra cho có lệ, hai thằng bước lên. Một thằng hát hàm hời:

- Tàu này giờ về đâu?

- Dạ, vào sông Đốc!

- Thôi tụi tôi đi nha, ông Hai!

- Dạ, cảm ơn mấy chú! Nhậ vui vẻ nghe!

Quà cáp phải nhanh tay đưa cho chúng trước khi xét tàu, phải lựa tâm lý từng đối tượng, từng lúc từng nơi. Kinh nghiệm của Tư Mao thì cứ gọi là bậc thầy. Có Tư Mao trên tàu, anh em thủy thủ vững dạ, vững niềm tin. Anh em học tập được rất nhiều kinh nghiệm mà không một trường lớp đào tạo nào giảng dạy sâu sắc thấm thía bằng học ngay từ thực tế trường đời với người thầy giàu kinh nghiệm như Tư Mao.

Chuyến tàu 125 thế mà hên! Tư Mao bình thản bật chiếc ra-di-ô, tiếng ca sĩ Quốc Hương vang lên hùng tráng:

- “Ai đã từng đi qua sông Cửu Long giang, Cửu Long giang sóng trào nước xoáy! Ai đã từng nghe tiếng tiểu đoàn, tiếng tiểu đoàn 307.”

Rồi!

Tư Mao tắt đài, nói với anh em:

- Êm rồi, bến êm rồi! Chuẩn bị vào bờ thôi tụi bây!

Tàu “đánh cá” hồi này không sử dụng điện đài hoặc tín hiệu hàng hải,... vì như thế khác nào “lạ ông tôi ở bụi này”. Tất cả phải dùng mật mã riêng. Trên tàu chỉ có chiếc ra-di-ô để nghe cái lương và nghe thời tiết, nhưng người chỉ huy thì biết. Cứ bài *Tiểu đoàn 307* là bến êm, bài *Giải phóng Điện Biên bộ đội ta tiến quân trở về* là bến động. Còn thay đổi từng chuyến từng kỳ. Có khi bài *Giải phóng miền Nam*, là bến động, bến êm... Có đánh moóc cho cấp trên thì: “Chị Tư đã đến thăm em, chị khỏe!”, tức là bến đã nhận được hàng an toàn. Tất cả thông tin này đều được phát đi từ Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam và Bộ Tư lệnh. Tín hiệu ấy thì đối phương hết cách giải mã được. Đôi khi “chính quy” phải thua “du kích”.

Mấy tiếng đồng hồ sau, trời vừa nhập nhoạng tối, tàu KG.125 vào bến Dầm Cù. Năm anh em thủy thủ vô cùng mừng rỡ, bao nhiêu sinh lực như vụt bùng dậy. Họ bắt tay ngay vào việc moi móc từng thùng, từng bao, từng gói hàng chuyển tay nhau đưa hàng từ dưới hầm lên mặt khoang tàu, xếp gọn những tấm ván gỗ làm đáy

tàu lẩn trong đám lười. Lúc đó Tư Mao mới cho người dưới bến lên vận chuyển vũ khí xuống.

Vận chuyển vũ khí bằng tàu hai đáy, thủy thủ vất vả hơn nhiều. Vất vả mà có kết quả thắng lợi, mang lại niềm vui to lớn, họ lại thấy khỏe hơn hồi đi trên những con tàu sắt, lúc nào cũng nơm nớp lo âu. Chỉ sau một ngày chỉnh sửa hoàn tất và chuẩn bị cho con tàu, ngay hôm sau Thôi Văn Nam cùng năm thủy thủ lại ra khơi “đánh cá”. Tàu đánh cá gọn nhẹ, chỉ có năm sáu người, mọi thứ đơn giản, không cần đến ban bệ gì. Tư Mao tin tưởng ai là giao nhiệm vụ. Người được giao phụ trách con tàu phải chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm và phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trước cấp trên.

Anh Tư Mao là Trung đoàn trưởng Đoàn 962, thời gian này còn là Trung đoàn trưởng Đoàn 371 được Quân khu thành lập, giao cho công tác bí mật vận chuyển vũ khí bằng tàu hai đáy.

Thời gian này, Thôi Văn Nam gần như không có được một ngày trọn vẹn ở trên bờ. Suốt cả năm trời anh cứ lênh đênh trên biển, hết vào lại ra. Đi với anh Tư Mao vài chuyến, quen đường đi nước bước, quen việc, Nam và một số anh em được anh Tư Mao tin cậy giao tàu, giao nhiệm vụ. Cứ thế chuyến này nối tiếp chuyến sau, có tháng đi tới bốn năm chuyến, chở vũ khí cho mặt trận Tây Nam Bộ. Cũng nhờ những con tàu hai đáy này mà quân chủ lực của ta lập chiến công giòn giã trên khắp các mặt trận đồng bằng sông Cửu Long.

Ra đến miền Bắc có khi tàu đậu lại hai, ba ngày để sửa chữa chuẩn bị sắp xếp vũ khí và đồ ngụy trang, còn

ở bến trong này thì chỉ một hai ngày là xong tất. Anh em ở bến đã quen đánh du kích, nhanh nhậy, gọn gàng, khởi phải chờ lâu. Có lần, ban đêm tàu vừa chuyển vũ khí xuống bến an toàn, sáng sớm đã về nộp thuế cho Sở Đề Ba, thản nhiên như bao chiếc tàu đánh cá bình thường khác.

Những chiếc tàu hai đáy lại liên tục, hối hả ra đi, bởi đang lúc làm ăn thuận lợi. Đã thành thói quen, anh em không biết mệt mỏi, không cần nghỉ ngơi. Họ không muốn trễ thêm một ngày nào. Biển gọi, nhiệm vụ vinh quang cấp bách đang thôi thúc các anh lên đường.

Táo bạo hơn, ông Tư Mao còn cho hửn một số anh em Đoàn 371 từ trong rừng Đầm Cùng ra ở hửn thị xã Rạch Giá, lập thành một vạ chài làm ăn như những vạ chài khác trong vùng, có đầy đủ giấy tờ hợp pháp. Tất nhiên là người của ông chủ Tư Mao lo hết việc cấp giấy tờ. Với cái vỏ bọc bề ngoài là tàu đánh cá, bên trong là vạ chuyển vũ khí từ Bắc vào Nam bằng những con tàu hai đáy.

Tư Mao với vỏ bọc là ông chủ của “Công ty đánh cá Ngư Long” sau đó mở văn phòng ở Sài Gòn. Đích thực là một ông chủ lớn có cơ sở đóng tàu ở Kiên Giang và cả Vũng Tàu. Tư Mao làm quen, mở rộng quan hệ với những người có thế lực trong vùng. Bên cạnh đó vẫn bí mật đóng tàu hai đáy, đánh cá chở hàng hợp pháp. Nhưng khi có cơ hội là biến hóa tận ra miền Bắc “lấy hàng”.

Hồi đầu, mấy con tàu “đánh cá đặc biệt” mua ở Kiên Giang được anh em thủy thủ cải tiến lắp thêm thành tàu hai đáy. Ngày đêm hối hả, thậm chí anh em nhận tàu hôm trước là hôm sau ra khơi liền. Tàu cá còn mang theo những mảnh ván gỗ. Lái tàu và quan sát viên thì đứng trên khoang, còn dưới lòng tàu, anh em trở tời “thợ mộc”, cưa ghép, đo đạc, chuẩn bị sẵn từng mảnh ván trơn tru nhẵn nhụi như đáy tàu. Anh em tranh thủ những ngày lênh đênh trên biển, tạo điều kiện tốt nhất cho nhiệm vụ vinh quang vận chuyển vũ khí từ miền Bắc vào chiến trường Nam Bộ.

Việc vận chuyển vũ khí vào Khu 8, Khu 9 thời kỳ này đạt hiệu quả đáng mừng. Bằng trăm mưu ngàn kế thiên biến vạn hóa, anh em đã khiến cho địch không thể lường được; thậm chí có lần anh em trên tàu hai đáy còn “mời” cả đám cảnh sát trên tàu tuần tra của ngụy xuống tàu mình ngồi nhậu. Đi theo gió ta gọi là đi “chính quy”, đi không theo gió anh em gọi là đi “du kích”. Trong mọi tình huống khó khăn, những con tàu hai đáy chở vũ khí cho mặt trận phía Nam vẫn không ngưng nghỉ. Từ trong gian khổ đi lên, các chiến sĩ Hải quân mặc thường phục của chúng ta vẫn ngày đêm lo cung cấp vũ khí cho tiền tuyến, góp một phần quan trọng trong việc thúc đẩy cuộc kháng chiến của chúng ta mau chóng giành thắng lợi.

Xưởng Vững Tàu bị lộ

Hai con tàu đánh cá xuất phát từ Vàm Hố, Cà Mau, xầm xầm băng ra cửa Vàm, quyết giương buồm một lèo ra Bắc, không cần ghé Vững Tàu như mọi lần. Bởi chuyến ra này, tàu lãnh nhiệm vụ đặc biệt: chở đồng chí Tư lệnh Quân khu 9 ra miền Bắc công tác.

Hai con tàu đánh cá mua lại của ngư dân vùng Kiên Giang, được cải tiến thành tàu hai đáy và lấy số hiệu tàu 158TT và 159TT, đã mấy chuyến chở vũ khí vào Nam thành công. Đây cũng chính là hai trong ba con tàu mấy tháng trước ra Bắc chở đồng chí Sáu Dân (tức Võ Văn Kiệt) vào Nam. Thấy ngon lành, thủ trưởng Tư Mao lại quyết định chọn con hai tàu có nhiều may mắn này.

Tàu 159TT do Thôi Văn Nam làm thuyền trưởng. Trên tàu ngoài sáu thủy thủ còn có Tư Mao và đồng chí Sáu Nam⁽¹⁾. Tàu 158TT do Nguyễn Sơn làm thuyền trưởng có nhiệm vụ hộ tống. Cả hai cải trang thành tàu đánh cá hợp pháp mang biển số: SG.67 và SG.66. Ông chủ Tư Mao nổi tiếng giàu có. Đồng chí Sáu Nam, Tư lệnh Quân khu 9 trong vai người cháu đi phụ việc trên tàu.

Hôm nhận nhiệm vụ, Thôi Văn Nam nói riêng với Tư Mao:

- Anh Tư, em có một đề nghị!
- Gì thế?

(1) Túc Đại tướng Lê Đức Anh, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Chuyến này nhận nhiệm vụ chở Tư lệnh Quân khu 9 ra Bắc, quan trọng lắm! Anh để mấy anh khác làm thuyền trưởng đi! Các anh ấy đã được đào tạo thuyền trưởng một cách bài bản; còn em có được học trường nào đâu?

- Tao phân công ai người đó phải làm!

Nam vẫn cố gắng trình bày hết ý nghĩ của mình:

- Mấy người đó đã được học ở trường Hàng hải hai năm, được đào tạo thành thuyền trưởng.

- Tao chỉ cần biết người nào có khả năng bảo đảm an toàn cho tàu là tao giao nhiệm vụ; không biết lớp liếc gì hết!

Tư Mao vẫn khăng khăng giữ vững ý định.

Tư Mao rất quý Nam, gần như chuyến tàu nào anh cũng đi cùng Thôi Văn Nam. Nam là thợ máy tay nghề giỏi, lái tàu đầy kinh nghiệm, thông minh, tinh ý, chịu khó, nhanh nhẹn và khỏe mạnh. Anh Tư coi Thôi Văn Nam như em ruột. Sở dĩ Tư Mao cứ chọn con tàu 159, cứ chọn Thôi Văn Nam làm thuyền trưởng là vì anh Tư bảo số Nam may mắn. Nam đã đưa ông Võ Văn Kiệt vào Nam an toàn ắt chuyến này sẽ đưa Tư lệnh Quân khu 9 ra đến miền Bắc an toàn.

* * *

Hai tàu ra tới cửa biển, trực chỉ hướng Bắc. Vừa mới đi ngang cửa Định An sông Hậu thì gặp sóng to gió lớn. Tàu Thôi Văn Nam đã bị phá nước. Mọi người xúm cả vào tát nước. Thôi Văn Nam đã dùng hết sức để xảm tàu, tát nước. Dù đã được sửa chữa ở Vàm Hồ nhưng do tàu đã cũ, không đủ sức độ với sóng to gió lớn. Ở trong

vàm lạch, lúc sửa, bùn trét kín không phát hiện ra khe hở, nhưng khi ra biển, sóng vỗ mạnh, rã hết bùn, các khe hở bắt đầu lộ ra, nước biển đang tràn vào tàu.

Lần trước, cũng chính tàu 159 chở đồng chí Võ Văn Kiệt vào Nam. Tàu vào đến Mũi Dinh thì bị phá nước. Thuyền trưởng Thôi Văn Nam cùng mấy anh em ra sức xảm tàu, còn một chỗ phía trong không xảm kín, Nam phải lội ra phía ngoài tàu, dùng quần áo nhét kín khe hở, lại xé thêm một cái màn cũ để trét, tàu mới tạm thời không bị phá nước nữa.

Khi về tới Vũng Tàu, không muốn cho tàu vào bờ vì sợ gặp điều bất trắc, Tư Mao đã cởi quần áo cột lên đầu, một mình bơi vào bờ, mang giấy tờ vào trạm cảnh sát Vũng Tàu để đổi. Rồi anh lấy giấy mới cấp của cảnh sát Vũng Tàu cho tàu KG.159 chở muối từ Phan Thiết vào Cà Mau. Tay cảnh sát trưởng này cũng là chỗ “anh em bạn nhậu” được ông chủ Tư Mao “chơi đẹp” mua tặng cho cả chiếc xe hơi, “gây cơ sở làm ăn” từ mấy tháng nay.

* * *

Thôi Văn Nam nhớ đến chuyến rước anh Sáu Dân vào. Anh Sáu Dân cao to, khỏe mạnh, rất vui tính. Đi trên tàu chở muối, anh luôn gần gũi động viên anh em. Lúc sóng yên biển lặng, anh còn mang bộ tú lơ khơ ra bảo anh em đánh cho vui. Lúc sóng dỗi dữ quá, anh đùa:

- Đi bằng đường biển này cực thiệt nhưng còn an toàn hơn đi máy bay!

Tàu hai đáy thời kỳ này thường chở theo người, những cán bộ chỉ huy từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam, tiếp tế

cho hậu cần Trung ương Cục, cả y sĩ và bác sĩ cho chiến trường Tây Nam Bộ. Máy người trên tàu chỉ được biết đây là bạn làm ăn của Tư Mao. Tuy nhiên, họ cũng đoán: ông này trở về Trung ương Cục, đâu phải là người làm ăn?! Nhưng nhiệm vụ của họ là không hỏi, không nói, chỉ riêng Tư Mao biết. Tư Mao cho Thôi Văn Nam biết đó là anh Sáu Dân, Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

Đến cái đoạn Thôi Văn Nam phải lội ra ngoài để xắm tàu, anh Sáu Dân biết nhưng không lo lắng mà lại nói như đùa:

- Cẩn thận nghe mấy ông. Tàu chìm, người còn bơi được chứ đô-la nó không biết bơi là mất hết đó!

Chuyến tàu đắt giá đó Thôi Văn Nam nhớ đời, không chỉ chở ông Sáu, một nhân vật quan trọng mà còn chở ba triệu đô-la và một hộp vàng vào chiến trường. Lúc "hàng" bí mật được chuyển xuống tàu "đánh cá" ở một cảng bí mật là cảng Vạn Hoa ngoài khơi Bãi Tử Long, ông Sáu nói đó là những gói quà của anh em bạn gửi vô Nam.

Tư Mao không giấu điều gì. Anh nói nhỏ với Nam:

- Số đô-la và vàng này mua từ Hồng Kông. Trong ấy muốn xây dựng cơ sở lâu dài là phải có nó. Trung ương lo chu đáo hết thấy. Cậu chia nhỏ gói đô-la ra cất giấu ở mấy chỗ khác nhau.

Hộp vàng cho vào trong thùng thiếc, trét đầy mỡ bò và nhốt cặn, chính tay Thôi Văn Nam đặt ở gầm máy tàu. Gói đô-la được chia ra làm bốn năm cục, giấu mỗi nơi một cục.

Lần này, con tàu 159 cũng đang làm nhiệm vụ “đặc biệt”, vậy mà chẳng lẽ nó không cố gắng được như lần trước hay sao? Tàu mới đi được vài tiếng đồng hồ đã xảy ra sự cố. Không thể tát kịp vì nước tràn vào ngày càng nhiều. Tư Mao gọi tàu hộ tống 158, yêu cầu chuyển người sang.

Nếu mà không có tàu hộ tống, chắc các thủy thủ lại phải một phen bơi kềm ông Sáu Nam hàng mấy cây số. Bởi sau khi cho hai người sang, các thủy thủ tàu 159 ra sức xảm, tát nhưng không bao lâu sau, anh em bùi ngùi thảng thốt nhìn con tàu 159 chìm dần xuống đáy biển. Thôi Văn Nam nhìn con tàu đang chìm mà lòng anh đau nhói. Giữa biển trời mênh mông sóng gió, con thuyền và con người thật mong manh bé nhỏ! đành bó tay nhìn con tàu đang chìm dần xuống đáy biển.

Tàu 158 do Nguyễn Sơn làm thuyền trưởng, lúc này đang nhận nhiệm vụ đặc biệt. Tàu 158 đỡ hơn nhưng cũng đang bị phá nước. Số người hai tàu dồn lại thành ra đông, dễ bị lộ, nên tàu 158 phải ghé vào Vũng Tàu để sửa chữa và sót bớt người xuống. Đây là cơ sở đóng tàu đánh cá của “ông chủ” Tư Mao.

Tư Mao nói to với mấy người trên bờ:

- Mới thu nhận thêm mấy người thợ nữa về đây. Mọi người giúp họ nghe!

Tư Mao cho người sửa gấp tàu 158.

Cơ sở đóng tàu này hợp pháp, có khá đông người của ta làm nhiệm vụ bí mật trong đó. Đã lâu nay, đơn vị bí mật này do Tư Mao phụ trách, nhận nhiệm vụ của Bộ

Tư lệnh Hải quân giao đóng mới 10 tàu hai đáy để phục vụ cho công việc vận chuyển vũ khí trong giai đoạn mới.

Gọi là xưởng cho lớn chứ thực ra làm gì có nhà xưởng. Tàu đánh cá như loại tàu của ngư dân vùng biển Vũng Tàu được đặt mua từ trên Biên Hòa rồi lai dắt về Bến Đá. Tại đây, ông Tư Mao cho cơ sở lắp máy tàu. Rồi chính tay các thủy thủ trên tàu làm thêm một đáy nữa. Cơ sở đã hoàn thành được một số tàu giao cho Đoàn 371 làm nhiệm vụ. Công việc đang tiến triển thuận lợi và đã thành công.

Giữ bí mật là yếu tố quan trọng hàng đầu. Người trên bến không được biết là tàu có hai đáy. Việc làm đáy rất bí mật. Việc xếp và dỡ vũ khí trên tàu chỉ có thủy thủ tự tay làm mới biết. Nhưng chuyện gì thì cũng có giới hạn của nó. Trong cơ sở đóng tàu của ông Tư Mao ở Vũng Tàu có một người quê Trà Vinh, tên là Nguyễn Rớt, thường gọi Ba Tam, là em trai của Tỉnh đội trưởng Trà Vinh. Tam cũng biết ít nhiều về tàu đánh cá chở vũ khí của ông chủ Tư Mao. Bữa ấy, anh ta cứ lân la hỏi chuyện Bảy Nam:

- Sao chuyển tàu vừa rồi lại đi đông người thế anh Bảy? Đi đông thế nhờ gặp địch thì làm sao?

Thôi Văn Nam nghi ngờ, nhìn anh ta dò xét. Nguyên tắc là ai làm gì biết nấy, không được tìm hiểu dò xét công việc của người khác. Sao thằng này lại hỏi gì lạ vậy?!

Hắn còn cố làm ra vẻ vô tư:

- Anh Bảy, anh đã đi được nhiều chuyến chưa?

Nam tìm cách tránh, nói lảng sang chuyện khác:

- Anh Tư lấy thêm người ra phụ đóng tàu, nhân thể sửa tàu cho nhanh để chuẩn bị vào trồng. Đang mùa cá mà!

Thằng Rớt này hỏi hoài khiến Nam nghi ngờ. Anh lặng lẽ tìm gặp Tư Mao. Anh Tư đang cùng một số anh em tàu 158 chuẩn bị đưa anh Sáu Nam lên tàu ra biển.

- Anh Tư à, sao em nghi thằng Rớt quá. Nó cứ hỏi dò mãi, nhiều câu thấy lạ lắm!

Tư Mao gật đầu:

- Tôi cũng nghi nó rồi! Sau lần bị bắt, thằng này thay đổi hẳn. Nó lén lút chơi bời, ăn xài. Phải xem lại thằng này!

Im lặng một lúc, Tư Mao nói với Nam:

- Cứ yên lặng nghe Nam, đừng đánh động gì hết. Để sau chuyến này, tôi sẽ tính nó.

Ngày khuya hôm đó, Tư Mao lệnh cho thuyền trưởng Nguyễn Sơn nhổ neo. Nguyễn Sơn là thuyền trưởng đầy kinh nghiệm. Anh đã được đào tạo ở Trường Hàng hải, là thuyền trưởng hàng chục năm trên những “chuyến tàu không số” chở vũ khí vào Nam.

Tàu 158 vẫn mang biển số SG.66, hành trình ra phía Bắc. Trên tàu có “hai khách” và sáu thủy thủ, tổng cộng là tám người.

Thôi Văn Nam và một số anh em phải ở lại xưởng Vũng Tàu. Anh buồn ngủ luyến tiếc, lòng buồn rười rượi.

Chuyến này thế là không được đi cùng anh Tư. Khi sửa tàu 159 tại Vàm Hồ, thấy tàu đã cũ, lại là chuyến “đặc biệt”, (lúc này Nam chưa biết chở ai) Nam đã nói với anh Tư:

- Sao anh Tư không lấy tàu khác?

Tư Mao im lặng. Nam nói tiếp:

- Tàu này cũ rồi!

- Lấy tàu khác lại làm việc với thằng khác mất công! Thôi, mày đi với tao!

* * *

Ngoài kia trông ngóng lo lắng từng ngày cho con tàu chở “hàng” đặc biệt nhưng mãi vẫn không thấy tới nơi. Những tưởng tàu không còn. Trên đường đi, tàu 158 nhận được tin xưởng Vũng Tàu bị lộ vì có kẻ chiêu hồi chỉ điểm. Tàu 158 phải nghi trang cẩn thận, thay ngay biển số. Ba ngày sau, tàu gặp bão biển Đông, thật là vô cùng gian nan, nguy hiểm. Tư Mao và Nguyễn Sơn trực tiếp chỉ huy đối phó với bao tình huống gay cấp. Sau nửa tháng trời vật lộn với sóng to gió lớn mới đưa được Tư lệnh Quân khu 9 là đồng chí Sáu Nam ra tới đảo Hải Nam.

Bị bắt

Những nghi ngờ của Thôi Văn Nam quả không sai. Sáng hôm sau, không thấy thằng Rớt đầu, Nam hỏi thăm thì có người nói nó đi hút tót.

Ngay chiều hôm ấy, xe cảnh sát, xe bịt bùng, xe cứu hỏa đổ đến bao vây kín con đường dẫn vào xưởng đóng tàu. Dưới biển mấy chiếc ca-nô ào ào ập tới, toàn treo biển hiệu Tổng Nha cảnh sát Sài Gòn. Thằng Rớt chiều hồi, nó biết xưởng của ông Tư Mao có đóng tàu vận chuyển vũ khí. Nó biết rõ một số anh em ta làm ở đây. Nó biết ông Tư mới ghé đưa sáu người vào xưởng và tàu ông Tư vừa quay vào Cà Mau. Nhưng nó không biết là tàu Tư Mao đang đi về hướng Bắc và có những ai. Nó không báo cảnh sát Vũng Tàu vì là chỗ ông Tư Mao quen biết.

Cơ sở bị lộ, địch bắt tất cả công nhân của xưởng, trong đó có người của ta và sáu thủy thủ tàu 159 mới lên.

Chỉ có hai tàu của ta mới xuất xưởng đầu cách đó 300 mét do anh Mười Khanh đang chuẩn bị, thằng Rớt không biết để chỉ điểm, nên thoát được. Thôi Văn Nam vừa mới ở chỗ hai con tàu đó về tới xưởng liền bị thằng Rớt chỉ đích danh.

Cơ sở bị lộ, lại một lần nữa công tác vận chuyển vũ khí bằng con đường hợp pháp, bằng tàu hai đáy đánh cá ven biển phải dừng lại. Đoàn 371 tàu hai đáy của đồng chí Tư Mao lại đứng trước bao khó khăn mới. Tàu đánh cá của ngư dân ven biển từ Trung Bộ đến Nam Bộ bị địch rà soát, lục lợi rất kĩ từng chiếc.

* * *

Chiếc xe bịt bùng kín bưng, như một chiếc hộp sắt chở số người bị bắt ra Vũng Tàu, chắc là để chúng ăn chơi mừng thắng lợi, rồi xe đưa tất cả về Tổng Nha cảnh sát Sài Gòn.

Chúng nhốt mỗi người một nơi và bắt đầu tra hỏi. Sáu thủy thủ bị tra hỏi trước tiên. Lúc đầu, chúng cũng hỏi han nhẹ nhàng, dụ dỗ, mua chuộc:

- Các anh lấy vũ khí từ đâu? Chuyển vô những bến nào?

Chúng đưa ra những bức ảnh tàu ta mà máy bay trinh sát Mỹ đã chụp được:

- Phải các anh đi tàu như thế này không?

Rồi đưa cả ảnh ông Nguyễn Bá Phát (Tư lệnh Hải quân ta) ra hỏi:

- Có phải chỉ huy của các anh đây không?

Nhưng kết quả chỉ là những câu trả lời:

- Không biết!

- Không biết!

Và trước sau, anh em vẫn khăng khăng một điều:

- Chúng tôi là dân đánh cá thôi, không biết gì cả!

Tổng Nha cảnh sát Sài Gòn thiếu gì cách tra hỏi tinh vi hiện đại. Lúc đầu là đấm đá; đấm đá không ăn thua, chúng dùng đủ các bài bản võ thuật của Tổng Nha để tra tấn. Mỗi người bị tra tấn một nơi, chịu đựng mỗi kiểu khác nhau nhưng dịch cũng không lấy được lời khai nào khác.

Thôi Văn Nam dù là người đã từng vào sinh ra tử, có thể lực dẻo dai, cường tráng, nhưng sau những đòn tra tấn hiểm hóc của quân thù, sức khỏe của anh đã bị sa sút. Có lần chúng lấy hai que diêm chống hai mí mắt anh lên rồi rọi đèn cao áp. Đầu anh choáng váng, quay cuồng,

hai con mắt lồi ra như muốn vỡ tung. Những ngón đòn độc ác như dìm người trong thùng phuy nước rồi đập chát chúa bên ngoài khiến người bị ngâm ở trong long ốc. Rồi còn đổ nước xà bông, nước vôi vào mắt, lấy chân giậm mạnh lên bụng cho nước phọt ra ngoài... Những đòn tra tấn dã man ấy chỉ cướp đi sức khỏe của các anh, còn lời khai thì dù ở chỗ nào, bị nhốt riêng hay chung, những người con trung kiên dũng cảm đã được rèn luyện trong nước sôi lửa bỏng đều thống nhất lời khai được chuẩn bị sẵn từ lâu: chỉ biết phụ việc nấu cơm, dọn dẹp trên tàu hoặc đánh cá...

Đã 15 chuyến tàu chở vũ khí vào Nam trên những “con tàu không số”, đã 17 chuyến tàu hai đáy “mang số hắc hoi” có mặt Thôi Văn Nam. Có anh là có thắng lợi, có may mắn. Quê hương đất đỏ quanh năm nắng gió cộng với nước biển đã tạo cho anh một nước da như đồng đen. Anh em thường hay đùa:

- Ông Nam họ Thôi, người Tàu gốc Miên đó!

Anh chỉ cười rất hiền:

- Nhà tui ba đời sống ở Phước Hải rồi nghe! Không phải Miên hay Tàu gì đâu!

Tình hình vận chuyển ngày càng khó khăn, tàu sắt hầu như không thể vào được bờ. Thôi Văn Nam cùng một số thủy thủ dày dạn kinh nghiệm được điều bổ sung cho Đoàn 371 là đoàn tàu hai đáy đánh cá hợp pháp của đơn vị 371 do ông Tư Mao chỉ huy. Anh đã đóng góp rất nhiều cho công việc vận chuyển vũ khí vào Nam trong suốt mấy thời kỳ, từ những khi thuận lợi cho

đến lúc khó khăn nhất. Giờ đây, con cá kình của biển khơi ấy đang bị giam cầm, bị tra tấn rất dã man tại Tổng Nha cảnh sát Sài Gòn.

Phá xiềng cướp tàu địch

Suốt 7 tháng ròng, Tổng Nha cảnh sát Sài Gòn đã tra tấn anh em thủy thủ rất dã man nhưng không khai thác được gì, chúng đành chuyển sang khám Chí Hòa, chờ tòa án xét xử chung với các sinh viên đấu tranh yêu nước. Ba tháng ở trại giam Chí Hòa, các anh lại cùng tù nhân ở đây đấu tranh, phản đối. Cuối cùng, tòa vẫn đưa sáu anh em thủy thủ tàu 159 ra xử với tội danh: phá rối trị an và kết án: Thôi Văn Sắc (Thôi Văn Nam) 25 năm tù. Còn các anh Hai Thường, Tư Kỳ, Bảy Trống, Ba Minh, Tư Kim, người thì 25 năm tù, người thì 15 năm tù.

Chúng còn kết án vắng mặt 25 năm tù với Tư Mao và phát lệnh truy nã, đồng thời treo giải thưởng khắp nơi. (Sau này anh Tư Mao phải bảy lần giải phẫu cho gương mặt khác hẳn đi mới tiếp tục trở vào Nam hoạt động tiếp).

Anh em ta không chấp nhận lời kết tội của tòa án chính quyền Sài Gòn nên đấu tranh kịch liệt ngay lúc chúng tuyên bố bằng cách lặn ra sàn phản đối. Chúng đánh vào các anh túi bụi.

Một tháng sau, chúng đưa các anh ra Côn Đảo. Tàu há mồm nuốt chung tất cả các tù nhân thường phạm, cũng như tù chính trị, đưa lên tàu ở Tân Cảng.

Xuống tàu, tù nhân bị dịch quật tới tấp bằng roi mây, roi da. Tất cả đều phải cho chân vào dây cùm sắt dài, cùm chung từng dây mỗi hàng từ 12 đến 15 người.

Khi còn ở nhà giam Chí Hòa, sáu thủy thủ: Bảy Nam, Hai Thuởng, Bảy Trống, Tư Kỳ, Ba Minh, Tư Kim đã bàn nhau tìm thời cơ trốn thoát trên đường giải tù, lúc tàu xuất phát, hoặc cướp tàu chạy vào đất liền. Làm sao không để chúng đưa ra tới Côn Đảo.

Sau một thời gian nghiên cứu, có mấy phương án được đưa ra anh em đã nhất trí phương án khi tàu chở tù ra đến sông Lòng Tàu ngang Nhà Bè, anh em sẽ cướp tàu chạy vào rạch, cho anh em tù binh xuống.

Để chuẩn bị cho kế hoạch cướp tàu, việc phá cây xiềng là khó nhất. Xiềng là một cây sắt to, có lỗ cùm chân tới 15 người, hai đầu khóa lại.

Có người đã thủ được một cái ống khóa hư to tướng vào lưng quần, định dùng để đập. Việc không chế tên cai để lấy chìa khóa mở còng, mở cửa tàu cũng đã được bàn đến. Kế hoạch đã bàn tính xong, phân công cụ thể, ai lo việc gì đã đâu vào đấy rồi.

Tàu vừa rời khỏi bến, một số anh em đã nôn nóng hành động. Năm sáu cây còng chân đã được bẻ, trong tàu đã nhốn nháo, cửa tàu còn đóng kín, không có cách gì treo ra được. Công việc bị lộ, lính canh báo động, chia súng lăm lăm chỉ đợi lệnh là nổ súng. Chúng cho tàu quay lại cảng, đàn áp tù nhân bằng vòi phun nước xuống khoang nhốt người cho ngập đến cổ.

Sau này mới biết là trong đám tù có nội gián của địch nên việc cướp tàu bị lộ. Tàu há mồm vẫn chuyển từ ra Côn Đảo, trong đó có sáu chiến sĩ hải quân của ta. Chúng gọi các anh là “những tên cầm đầu vụ cướp tàu” nên tra tấn rất dã man và nhốt trong “chuồng cọp”.

Tại vách tường Hầm Đá số 2, ngăn số 1 hiện nay vẫn còn dấu chữ khắc của Thôi Văn Nam:

Thôi Văn Sắc - Thôi Văn Tâm - Thôi Văn Nam.

Đó là các tên của Thôi Văn Nam sử dụng cho từng thời kỳ vận chuyển vũ khí. Rất may cho anh, chỉ bị giam ba tháng trong chuồng cọp thì đã tới ngày 30-4-1975.

Trong những ngày quân ta tiếp quản Côn Đảo, Thôi Văn Nam và 5 thủy thủ đã cùng các đồng chí tù chính trị hỗ trợ rất nhiều cho Ban Quân quản. Thôi Văn Nam đi vận động ngư dân cho mượn tàu đánh cá để đưa một số tù chính trị về đất liền trước khi tàu Hải quân ta ra đón.

Giải phóng được 7 ngày, con tàu mang số 674 của “Đoàn tàu không số” do thuyền trưởng Nguyễn Văn Đức ra Côn Đảo, rồi tàu của Nguyễn Xuân Thơm... đón các chiến sĩ trở về. Gặp Thôi Văn Nam, các anh ôm chặt lấy nhau mừng vui trào nước mắt. Được gặp mặt trong niềm vui vô hạn trải dài theo từng con sóng biển Đông của Tổ quốc thân yêu, các anh náo nức khi nghe bài ca thống nhất: *“Biển trời bao la, đẹp như gấm hoa, nước non một màu, những con tàu ra Bắc vào Nam tự do ra khơi, tự do vô lộng đời tự do đón xuân về...”*. Mọi người say sưa đắm mình trong niềm vui miền Nam được giải phóng đất nước đã thống nhất liền một dải.

Ngồi trước mặt tôi bây giờ là đồng chí Thôi Văn Nam tuổi đã ngoài bảy mươi. Sóng gió đại dương đã rèn luyện cho anh một sức khỏe lạ thường có thể đạp lên những ngọn sóng dữ, nhưng những tháng ngày bị địch tra tấn trong nhà tù đã để lại di chứng trên cơ thể anh. Giờ đây anh đang ngồi trên xe lăn, phải dựa vào những người thân để sống. Nhưng trí nhớ của anh vẫn rất tốt. Anh đã kể chuyện cho tôi nghe, nhớ chính xác tên từng người, từng chuyến tàu.

Con người vừa giàu nghị lực vừa hiền lành đang say sưa kể chuyện cho tôi nghe. Mắt anh vẫn rực sáng niềm vui khi được trở về với kỷ ức.

- Tôi đã đi với Đoàn 125, với Đoàn 371 của anh Tư Mao, tổng cộng là 32 chuyến. Vậy mà không sao cả, có lẽ biển thương tôi!

- Anh còn nói kỹ hơn:

- Tên anh ấy là Tư Mao, chứ không phải là Mau! Tôi tiếc và thương cho mấy anh em, nhất là thủy thủ miền Bắc. Có anh chỉ mới đi chuyến đầu đã hy sinh. Có anh được hai ba chuyến. Có người sau ba bốn chuyến...

Bất chợt, giọng anh trầm xuống, ngậm ngùi:

- Thì anh em chiến đấu hy sinh, hủy tàu hy sinh, rồi bơi vào bờ bị bắt cũng hy sinh. Hầu hết hy sinh trên biển... có mồ mả gì đâu! Tôi dù bây giờ như vậy, nhưng so với đồng đội đã hy sinh thì mình còn quá may mắn và sung sướng!

Vũ khí cung cấp cho mặt trận Tây Nam Bộ, Sài Gòn Gia Định, Đông Nam Bộ, Liên Khu 5, và trên khắp chiến trường Tây Nam Bộ hầu hết đều do những “con tàu không số” vận chuyển. Một số thủy thủ trên những con tàu ấy bây giờ vẫn còn đây.

Tôi ngồi nhìn anh thật lâu, hình dung ra thuyền trưởng Thôi Văn Nam trên những con tàu từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc. Mảnh đất quê hương Bà Rịa anh hùng đã sinh ra anh, miền Nam thành đồng Tổ quốc đã rèn luyện anh và mãi mãi ghi nhớ công lao của anh. Anh thấy tự hào khi đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

Người không được theo “tàu không số”

Có những con tàu khi trở về được đến Hải Phòng, đã không còn nguyên vẹn hình thù như ngày mới ra đi. Nó xơ xác, méo mó, hư hỏng từ ngoài vào trong, nhất là bộ phận máy móc cho tàu khởi động.

Đi biển dài ngày mà tàu chỉ có một máy, không có máy dự phòng. Cho nên máy phải gồng mình cùng với con người để hoàn thành nhiệm vụ, vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí vào Nam.

Tôi muốn nói đôi nét về người thợ máy Bùi Xuân Thu. Anh quê ở Chí Linh, Hải Dương, quê hương của những danh nhân như Nguyễn Trãi, Chu Văn An và nữ tiến sỹ Nguyễn Thị Duệ. Vào đơn vị Hải quân, anh Thu lại chuyên về phụ trách máy móc trong “đoàn tàu không số”, là chủ nhiệm kỹ thuật Lữ đoàn 125.

Tàu về đến bến, lập tức người thợ máy xuống tàu ngay để kiểm tra tình hình máy móc. Quanh năm suốt tháng, anh mặc bộ quần áo công nhân đầy mùi dầu máy. Nếu máy chỉ hỏng hóc những chi tiết nhỏ thì anh một mình mày mò, sửa chữa. Máy hư khá nặng, phải lật cái

nắp cỡ bảy tám chục ký lên thì ba bốn người xuống sửa. Có khi máy hỏng hoàn toàn, phải đưa cả dàn lên xưởng sửa chữa để đại tu.

Công việc chuẩn bị máy móc cho tàu đòi hỏi tinh thần trách nhiệm rất cao. Trách nhiệm là gánh nặng đè lên vai người thợ máy. Các anh không được phép lơ là dù chỉ một chi tiết nhỏ. Bao nhiêu chiến công của tàu chở vũ khí tới bến là bấy nhiêu tiếng thở phào nhẹ nhõm của người thợ máy trên bờ.

Có những con tàu ra đi không trở lại. Những thủy thủ đồng đội của anh vừa bắt tay nhau chào tạm biệt, mấy ngày sau nghe tin đã hy sinh.

Người thợ máy mỗi khi kiểm tra lần cuối trước lúc tàu nhổ neo thường thầm thì với máy: "Máy ơi! Hãy cố gắng đưa tàu vào tới bến rồi trở về an toàn máy nhé!"

Đến nay, anh Thu cũng đã ngoài 70 tuổi, mái tóc trắng như bông. Anh đưa tôi đi gặp những người đồng đội hiện đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Lên Gò Vấp gặp Hà Minh Thật, xuống Quận 5 gặp Nguyễn Văn Đức, rồi tìm cháu Lan con gái anh Thôi Văn Nam để hẹn gặp cha nó đang sống ở Bà Rịa.

Anh Thu nói với tôi:

- Tôi sẽ đưa cô đi gặp từng người. Cô phải viết về những con người này. Họ chính là thủy thủ trên những "con tàu không số" thực hiện những chuyến vận chuyển vũ khí vào Nam gian khổ, ác liệt và cũng không kém phần vẻ vang.

Anh Thu không muốn kể về mình. Chị Hoài (ở quê anh, tên con được gọi thay cho tên cha mẹ), vợ anh là người cùng làng. Chị nói với tôi:

- Ông cụ bố chồng tôi ốm nặng, tôi đánh điện tới ba lần mà không thấy anh ấy trả lời. Đến khi bố mất, anh ấy cũng không được về. Lúc ra đi, cụ gọi con mấy lần: “Thu ơi! Con còn sống không?!” Đêm nào tôi cũng cầu trời khẩn Phật cho bố mẹ chồng tôi được nhìn thấy con trai trở về... Chưa Tết năm nào các cụ được gặp con trai.

Rồi chị cười, nói tiếp:

- Hồi đó tôi cũng chỉ biết anh ấy là hải quân thôi. Anh ấy nói hải quân không được nghỉ phép. Tôi lo lắng nhiều lắm nhưng sau đó lại thấy tự hào vì chồng mình đang làm những công việc thật vinh quang!

Trong chiến tranh, những bậc cha mẹ, những người con, người vợ đã biết nén giữ tình cảm trong lòng. Đó là những hy sinh thầm lặng, tất cả cho mục đích hoàn thành nhiệm vụ. Chính những tâm hồn ấy, những hy sinh thầm lặng ấy đã góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta.

Khi tôi hỏi anh Thu:

- Ngày xưa anh làm gì ở “đoàn tàu không số”?

Anh cười rất tươi:

- Tôi là người thợ sửa chữa máy cho “đoàn tàu không số”. Rất nhiều chuyện tôi đã có mặt, nhưng cứ đến lúc tàu nhỏ neo là anh em lại đuổi tôi lên bờ. Khổ thế!

Nghĩa trang liệt sĩ không mồ...!

Cũng như đường Trường Sơn, con đường huyền thoại Hồ Chí Minh trên biển Đông mở ra bằng ý chí và xương máu của chiến sĩ ta là biểu tượng của niềm tin, của tinh thần yêu nước, của lòng dũng cảm, của trí tuệ sáng suốt, của ý chí quyết thắng và lòng căm thù giặc sâu sắc.

Ngày nay, nhiều người đã biết đến con đường Trường Sơn, nhưng còn rất ít người biết đến “đoàn tàu không số” và con đường Hồ Chí Minh vô hình trên biển. Các chiến sĩ hải quân Việt Nam đã lập chiến công vô cùng to lớn trong việc bí mật vận chuyển vũ khí vào chiến trường miền Nam.

Trên đường Trường Sơn, dù máu hồng thấm đỏ đất trời, xương thì cũng đã xanh ngời màu xanh, nhưng chỉ ít cũng còn những nắm mồ được ghi là mồ vô danh. Hàng vạn chiến sĩ đã ngã xuống. Hàng vạn nắm mồ hữu danh và vô danh đều được ấp ủ trong lòng đất mẹ. Còn mồ của các thủy thủ trong “đoàn tàu không số” là biển xanh mênh mông. Biển Đông vẫn ẩn chứa trong lòng nó biết

bao huyền thoại về “đoàn tàu không số”, vẫn còn ẩn chứa bao nhiêu hương hồn của các chiến sĩ ta, những người con vinh quang của Tổ quốc Việt Nam anh hùng đã về với biển.

Họ là những người con của miền Nam thân yêu, của Khu 5 bất khuất kiên cường, những người con của miền Bắc, con trai yêu quý của những người mẹ Việt Nam một đời tiền đưa chồng, con lên đường đánh giặc và một đời khắc khoải chờ mong có ngày đoàn tụ.

Tôi được biết là sắp có một *nghĩa trang liệt sĩ không mồ* sẽ được xây dựng tại Bến Tre. Đến một ngày nào đó, hương hồn các liệt sĩ của “đoàn tàu không số” đã anh dũng hy sinh trên vùng biển phía Nam sẽ được trân trọng đón lên bờ. Các anh sẽ được nhìn thấy những đồng đội còn sống tụ họp về đây thấp một nén nhang tưởng nhớ và những dòng nước mắt của đồng bào cảm phục và tự hào về các anh!

Cái giá của chiến tranh quá đắt mà lớp cha anh chúng ta đã phải trả bằng bao nhiêu xương máu để đổi lấy cuộc sống hòa bình ngày nay! Lớp lớp những người con thân yêu của Tổ quốc đã nằm lại trên dãy Trường Sơn xanh và chớp trắng mỗi cánh chim hải âu trên biển Đông là các chiến sĩ của “đoàn tàu không số”. Từ núi rừng đến biển khơi, các anh đang ôm lấy Tổ quốc, đang trải màu xanh cho Tổ quốc Việt Nam hôm nay. Chúng ta phải làm gì để xứng đáng với truyền thống anh hùng ấy?!

Thay lời kết

Hình như tôi có “duyên” với những người anh hùng trong cuộc chiến tranh giữ nước, hay là họ đã bắt gặp ở tôi một tâm hồn đồng điệu nên nhiệt tình kể lại cho tôi nghe những câu chuyện của họ. Tôi cảm phục những con người chân chính ấy! Từ các chiến sĩ Biệt động Sài Gòn, tôi đã viết cuốn *Biệt động Sài Gòn - Chuyện bây giờ mới kể*. Từ người anh hùng tình báo Nguyễn Văn Thương, tôi viết cuốn *Người bị CIA cưa chân sáu lần*. Từ những cán bộ chiến sĩ và người dân tham gia trận càn Cédar Falls ở Nam Bến Cát tỉnh Bình Dương, tôi đã viết *Bóc vở Trái đất...* Và một số cuốn sách người thật việc thật khác. Bây giờ, tôi lại đi gặp từng người trong “đoàn tàu không số” để viết về các anh trong cuốn *Ký ức - Tàu không số*.

Được Ban liên lạc Cựu chiến binh “Đoàn tàu không số” giới thiệu, tôi đã đi gặp từng người và viết về các anh bằng cả tấm lòng trân trọng, cảm phục và mến thương.

Tôi không viết về những chiến công của “đoàn tàu không số”, đó là công việc của các nhà viết sử. Tôi chỉ viết về những con người và những sự kiện mà lịch sử không thể nào kể hết. Trên những “con tàu không số”

ấy, chính họ đã làm nên huyền thoại. Họ là những người con anh hùng của Tổ quốc anh hùng. Nhiệm vụ của chúng ta là phải đưa họ vào những trang sách, đừng để họ bị chìm dần vào lãng quên.

Tôi cố gắng ghi lại lời các anh kể, để những câu chuyện thần kỳ này được lưu truyền mãi về sau. Anh Trần Phong nay 76 tuổi, sức khỏe đã yếu. Trước đây anh công tác ở Ban Tham mưu Lữ đoàn 125. Anh cho tôi mượn tài liệu để đối chiếu, kể chuyện cho tôi nghe và bỏ công sức, thời gian chỉnh sửa, bổ sung bản thảo khiến cho tôi vô cùng cảm động. Anh Thôi Văn Nam đã ngồi xe lăn, vẫn cố gắng từ Bà Rịa về Thành phố Hồ Chí Minh. Anh vẫn nhớ như in những ngày cùng 32 chuyến tàu chở vũ khí vào Nam. Anh Hà Minh Thật là một trong năm người còn sống sót của tàu 235. Tôi đã đến nhà anh ở trong một con hẻm gần chợ Xóm Mới, Gò Vấp. Anh Kiên ở Quận 9, anh Nguyễn Xuân Thơm ở Quận 4, anh Nguyễn Văn Đức ở Quận 5... Các anh đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình viết cuốn sách này. Anh Bùi Xuân Thu mái tóc bạc trắng như cước vẫn lần tìm ra địa chỉ của từng đồng đội, không ngại đường xa, dẫn tôi đến từng nhà, gặp gỡ từng người. Anh Thu là người chỉnh sửa, bổ sung từng chi tiết trong bản thảo của tôi. Tôi nhận thấy tình thương yêu, nỗi xót xa trước những hy sinh mất mát của đồng đội vẫn đang cồn lên như sóng biển Đông trong tâm trí và ký ức của Bùi Xuân Thu.

Nhắc tới những đồng đội đã hy sinh, các anh đều rơm rớm nước mắt, xúc động nghẹn ngào nói:

- So với đồng đội, chúng tôi là những người may mắn nhất!

Dù đã lớn tuổi, các anh vẫn tiếp tục tham gia công tác xã hội, vẫn đóng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

Cùng với con người, vũ khí đã đóng một vai trò quan trọng trong việc làm nên chiến thắng. Có thể nói rằng vũ khí ở khắp các chiến trường Nam Bộ hầu hết đều do “Đoàn tàu không số” cung cấp.

Nhớ lại hồi viết cuốn *Biệt động Sài Gòn - Chuyện bây giờ mới kể*, tôi hỏi anh Ba Náo người đánh chìm chiến hạm US CARD (gọi là tàu Cạc) năm 1964 ở cảng Sài Gòn: “Ta lấy vũ khí từ đâu?!”

Anh trả lời rằng: “Đội hỗ trợ lấy từ căn cứ Vườn Thơm, Bà Vực, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An (nay thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An và một phần huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh), ghe chở thơm bán trên Kinh Tế chuyển về nhà tôi 80 kg TNT, 4 kg C4, dây điện, kíp nổ”. Anh Bảy Bè, người đánh nhiều trận lớn nhất Sài Gòn, trận nào cũng dùng đến hàng mấy trăm ký thuốc nổ. Anh cũng nói là lấy từ ghe chở thơm bán trên kênh Thị Nghè. Rồi pháo kích hạng nặng bắn vào lễ quốc khánh nguy được cầu từ hai ụ pháo Thủ Đức, Nhà Bè về. Vũ khí lấy từ đâu? Bây giờ tôi mới hiểu vũ khí mà đội Biệt động đánh ngay vào cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn đều do “tàu không số” chở vào Cà Mau, Bến Tre, rồi dùng ghe chở lên căn cứ Vườn Thơm, Bà Vực. Từ đó lại theo ghe “chở thơm” lên Sài Gòn bán.

Lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam đã lập chiến công tuy thâm lặng nhưng vô cùng vẻ vang để góp phần quan trọng làm nên chiến thắng vĩ đại ngày 30 tháng 4 năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong hàng trăm những “chuyến tàu không số” vận chuyển vũ khí vào Nam, trong hàng ngàn chiến sĩ quả cảm trên đoàn tàu ấy, tôi chỉ viết được về mấy chuyến tàu và một số ít người, do chính các anh kể chuyện cho tôi nghe. Tôi mong sẽ có nhiều sách báo viết về những con người đã làm nên huyền thoại trong lịch sử trên “đoàn tàu không số”.

Tôi hy vọng cuốn sách *Ký ức - Tàu không số* với những người thật việc thật này sẽ giúp cho thế hệ ngày nay và cả mai sau hiểu thêm về những chiến công anh dũng của Hải quân nhân dân Việt Nam, về “những huyền thoại của đoàn tàu không số”.

TP.HCM 1-2010

MÃ THIỆN ĐỒNG



Đại tướng Võ Nguyên Giáp chụp ảnh lưu niệm với đoàn đại biểu tàu không số đường Hồ Chí Minh trên biển nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tại Hà Nội, ngày 28-4-2004 (trong hình: người đứng thứ 3: Nguyễn Văn Phong, người đứng thứ 6: Hồ Kiêm, người ngồi bên Đại tướng là Đào Hồng Tuyển và Trần Văn Hữu)



Đồng chí Nguyễn Xuân Thơm



Gặp gỡ trao đổi về bản thảo "Kỷ ức - Tàu không số"
(Bùi Xuân Thu, Nguyễn Xuân Thơm, đ/c Bân, Thôi Văn Nam,
Hà Minh Thật và tác giả Mã Thiện Đồng)



Đồng chí Thôi Văn Nam và đồng chí Bùi Xuân Thu (từ trái qua)



Đồng chí Nguyễn Văn Đức



Đường Hồ Chí Minh trên biển

Mục lục

	trang
Lời giới thiệu	5
NGƯỜI MỞ LUỒNG	7
Bắt giam	7
Bông Ván Dĩa	10
Vượt biển ra Bắc	12
Chuyến trình sát.....	19
Gặp cha	23
Tàu Phương Đông 1	28
MẮC CẠN TRƯỚC ĐỔN DỊCH	35
Tàu đi trong bão	37
Chờ tín hiệu	40
Mắc cạn	43
Không hủy tàu	48
TÀU SẮT RỄ SÓNG	57
BẮT NGỜ VÀ TÁO BẠO -	
SỰ KIẾN VŨNG RÔ	65
Những khóm dừa nước miền Nam.....	65

Vũng Rô	70
GIAN NAN CHIẾN TRẬN VÀO BỜ	76
Đánh lửa nhau trên biển	76
Tàu thả trôi không còn người lái	79
Bộc phá không nổ, mất nguyên con tàu	82
Nằm lại cảng rừng đước	84
“Xưởng sửa chữa tàu” dưới lòng sông	89
GHE CHỞ THỦY LÔI	98
LÊN BỆNH XÁ ĐỨC PHỐ	
GẶP BÁC SĨ ĐẶNG THÙY TRÂM.....	101
Sấm chớp bão lửa bên bờ biển Mỹ Á	102
Lòng dân	110
Trạm xá Đức Phố	117
Nghĩa tình kẻ ở người đi	122
HUYỀN THOẠI VỀ “CON TÀU MA”	128
Thả hàng	128
Chiến đấu trên biển.....	133
Đụng “một trung đoàn Giải phóng”...	
hai người (!)	138
Lạc lên đồi đá khô	145
“Một kho thực phẩm” (!)	
Hộp sữa của Hà Minh Thật	154
HÀNH TRÌNH HÌNH CHỮ O	164
Không vào được bờ	165
Con cá kình trên biển Đông	174

TÀU KHÔNG SỐ “DU LỊCH” ĐÔNG NAM Á ...	183
Tàu chở dầu không van	184
Tàu thám hiểm đại dương Nguyên Xương	185
Theo vết tàu “du lịch”	186
TÀU HAI ĐÁY	195
Tàu đánh cá có số Đề Ba	195
Hối hả với những con tàu “đánh cá”	199
Xưởng Vững Tàu bị lộ	208
Bị bắt	215
Phá xiềng cướp tàu địch	219
NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC THEO	
“TÀU KHÔNG SỐ”	224
NGHĨA TRANG LIỆT SĨ KHÔNG MỒ	227
THAY LỜI KẾT	229

Ký ỨC
TÀU KHÔNG SỐ



MÃ THIÊN ĐỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: THANH TRÚC

THỊNH - LY

Sửa bản in: TRẦN THỊ LY

Trình bày: HOÀNG VÂN

Bìa MAI QUẾ VŨ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326 - 38256804 - 38247225 - 38225340

Fax: 08.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

www.dulichmuasam.com / www.nxbhcm.com.vn

In lần thứ nhất. Số lượng 3.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5cm.

Tại: CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM

128/7/7 Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

GPXB số: 159-10/CXB/06-05/THTPHCM cấp ngày 8/2/2010.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3/2010.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

**Biệt động Sài Gòn - Chuyện bảy
giờ mới kể**

NXB Tổng hợp TP. HCM

Người bị CIA cưa chân sáu lần

NXB Tổng hợp TP. HCM

Tiếng thơ ngậm Trăn Thị Tuyết

NXB Thanh niên

Bóc vỏ Trái đất

NXB Văn học

Hương thôn nữ (thơ)

NXB Văn học

Mạch nguồn

NXB Thanh niên

Ký ức - Tàu không số

NXB Tổng hợp TP. HCM

Ký ức TÀU KHÔNG SỐ

... để giữ con đường, giữ Bến, không hiểm nguy nao mà người chiến sĩ không trải qua; mỗi chuyến tàu đi là chấp nhận thử thách: sóng gió, đá ngầm, cón cát, sự săn lùng của ham đội Mỹ ở vòng ngoài, của hải quân nguy vòng trong, các trạm gác ra-đa của địch trên đảo, trinh sát điện tử trên không, máy bay quân đảo trên đầu...; tất cả những chương ngại ấy các anh đều phải vượt qua; con tàu đi, sự tồn tại được tinh từng phút, từng giờ, ấy vậy mà lòng tin của các anh rằng Thuyền sẽ đến Bến thì như mặt nước Biển Đông không bao giờ cạn... Những con Thuyền và Bến của đường Hồ Chí Minh trên biển thời chống Mỹ đã đi vào huyền thoại, đi vào những văn thơ, câu ca dao thấm đẫm tình yêu đời lứa và mệnh mông tình yêu đất nước...

(35 năm Đoàn 962 anh hùng - Hồi ức và ghi chép)



FIDITOUR
CÔNG TY DU LỊCH CHUYÊN NGHIỆP HÀNG ĐẦU

Không ngừng đổi mới

CÔNG TY DU LỊCH FIDITOUR
TOP TEN LỮ HÀNH VIỆT NAM

129 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HỒ CHÍ MINH
Tel: (+84-8) 39 14 14 14 • Fax: (+84-8) 39 14 13 63
www.fiditour.com



Văn bản lưu trữ
Ký ức tàu không số-BIS



9786045800065

50,000